

NĂM THỨ 7 — NGÀY 1-5-63

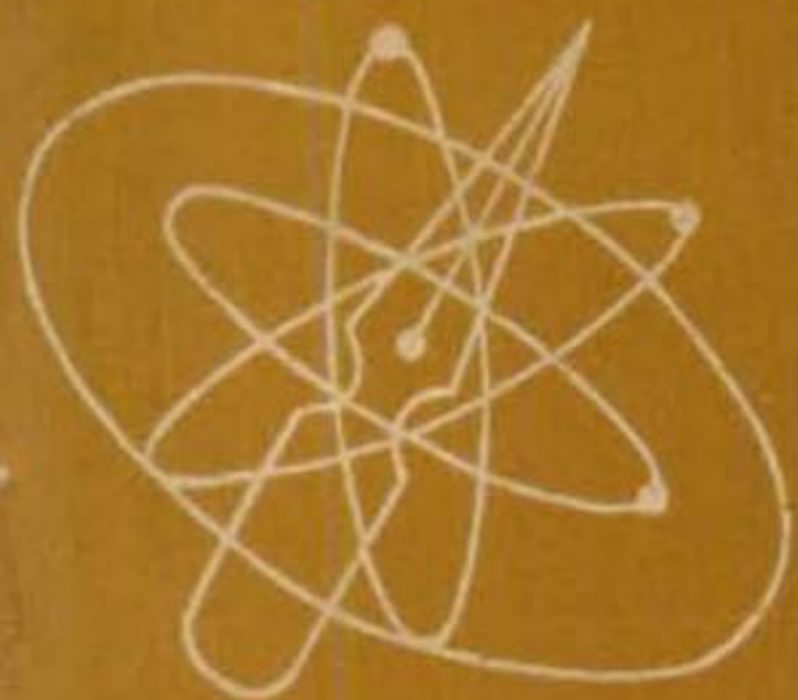
BACH

KHOA

trong số này

TIÊU DẪN *Jordanie* trong gió lốc • NGUYỄN
PHƯƠNG giá trị quyền Hoàng Lê nhất thống
chí • NGUYỄN NGU Í giải thưởng văn chương
trên đất Việt • CÔ LIÊU giả thuyết mới về nguồn
gốc loài người • VIỆT ANH Liên-Phòng Đông-
Nam-Á trước sóng gió • THANH NGẠN những kẻ
căm lạng • VIÊN LINH con đường ngựa chạy •
ĐOÀN THÊM hòa âm XX • Cô PHƯƠNG
THẢO đọc « Mùa ảo ảnh » của Đỗ-Thúc-Vĩnh •
TƯỜNG LINH phần bướm • HỮU PHƯƠNG
cách ngăn biển rộng • HOÀI HƯƠNG trôi nổi
cuộc đời • THÁI TÚ HẠP sông chiều — buồn
Hội an • PHẠM THỊ LẠC NHÂN — PHẠM DUY
trả lời cuộc phỏng vấn các
nhạc sĩ • **SINH HOẠT :**
sân khấu Việt & Thụy-Sĩ •

152



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỀ CHẬT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẬT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẬT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIÈC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỀ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẬT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẬT VERIGOUD MÀ KHI ĐÙNG NÓ, NGÀI CÓ THÈ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HAI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 152 ngày 1-5-63

TIÊU-DÂN	<i>Jordanie trong gió lốc</i>	3
NGUYỄN-PHƯƠNG	<i>giá trị quyền Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí</i>	15
NGUYỄN-NGU-Í	<i>giải thưởng văn chương trên đất Việt</i>	27
CÔ-LIÊU	<i>giả thuyết nói về nguồn gốc loài người</i>	43
VIỆT-ANH	<i>tổ chức Liên-Phòng Đông-Nam-Á (SEATO) liệu có đứng vững trước những sóng gió hiện tại không ?</i>	51
THANH-NGẠN	<i>những kẻ câm lặng (dịch Les Muets của A Camus)</i>	61
VIÊN-LINH	<i>con đường ngựa chạy (kịch)</i>	71
ĐOÀN-THÊM	<i>hòa-âm 20 (thơ)</i>	86
CÔ-PHƯƠNG-THẢO	<i>đọc « Mùa ảo ảnh » của Đỗ-Thức-Vịnh</i>	87
TƯỜNG-LINH	<i>phấn bướm (thơ)</i>	96
HỮU-PHƯƠNG	<i>cánh ngăn biển rộng (thơ)</i>	97
HOÀI HƯƠNG	<i>trôi nổi cuộc đời (thơ)</i>	98
THÁI-TÚ-HẠP	<i>sông chiều — buồn Hội-An (thơ)</i>	99
PHẠM-THỊ-LẠC-NHÂN — PHẠM-DUY	<i>trả lời cuộc phỏng vấn các nhạc-sĩ</i>	100
NGUYỄN-NGU-Í	<i>sân khấu Việt ở Thụy-Sĩ</i>	110

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Hoa-Kỳ trước De Gaulle và Châu Âu</i>	TIÊU-DÂN
<i>Ý niệm về Thề : các kiểu và các vẻ đẹp</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Heidegger và ý nghĩa con người</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Mẹ nhân tạo</i>	CÔ-LIỆU
<i>Vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay</i>	VIỆT-ANH
<i>Bước phiêu lưu của người Chăm Châu-Đốc</i>	NGUYỄN-VĂN-HẦU
<i>Liên-Xô có phải là thiên đường của các nhà bác học ?</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Những chặng đường quan trọng của văn học Liên xô hiện đại</i>	TRĂNG-THIÊN
<i>Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-latinh)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện ngắn)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Vẽ đâu (truyện dài)</i>	VÕ-PHIẾN
<i>Đôi chim bồ câu (truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>Niềm tin mong manh (truyện ngắn)</i>	TÚY-HỒNG P.
<i>Chín anh em (truyện ngắn)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU

JORDANIE

trong gió lốc

GIÓ mạnh, phũ phàng đã lật nhào một vương triều ở Yemen, thổi bạt về dĩ vãng một chính quyền ở Irak và một chính quyền ở Syrie.

Máu đã đổ ở Irak — tướng Kassem bị bắn — đang đổ ở Yemen, giữa các bộ lạc trung thành với vương triều và quân đội cách mạng ; và người ta còn sợ máu có thể đổ, vào bước đường tranh chấp quyết liệt nhất, giữa hai phe tiền bộ và bảo thủ ở Syrie hiện thời.

Hơn thế, nếu nhớ lại các nguyên nhân sâu xa của những cuộc biến động tại Trung Đông, người theo dõi thời cuộc phải nghĩ rằng tình hình của địa vực chiến lược quan yếu này chưa có chiều hướng và khả năng hòa dịu.

Một đặc điểm của tình hình này là mối lo âu sâu xa — và hợp lý — của các vương triều Jordanie và Arabie Séoudite, mặc dầu những cuộc biến

động kia chỉ xảy ra ở Yemen, Irak, Syrie.

Các vị quốc vương của hai quốc gia Ả-Rập này phải hiểu hơn ai hết rằng nội dung, ý nghĩa của phong trào giải phóng các dân tộc Ả-Rập hiện thời không chỉ nhằm chống chủ nghĩa đế-quốc cũ và mới, và chống Do Thái mà thôi, mà còn nhằm thực hiện công bằng xã hội và dân chủ chính trị.

Hàng ngày « tiếng nói Ả-Rập » phát đi từ Le Caire xác nhận sự thật này. Nó không ngừng kêu gọi những thành phần nhân dân Ả-Rập bản-cùng hãy tin tưởng ở một cuộc sống tươi sáng hơn ngày mai. Kẻ cùng-dinh, khờ rách Ả-Rập mỉm cười trước viễn tượng một thánh địa huy hoàng, không còn « xú khí đế quốc » và bóng dáng Do Thái ; nhất là trước viễn tượng một Đại dân tộc Ả-Rập, nắm giữ và quyết định vận mệnh của mình.

Lẽ tất nhiên trong những hình ảnh tươi đẹp ấy không còn dấu vết ngai vàng phong kiến. Người ta dùng những tiếng « phong kiến phản động » để ám chỉ hai quốc vương Jordanie, Arabie Séoudite và triều thần, trong khi thần dân của hai nhà vua thì được kêu là dân tộc Ả-Rập anh em, đồng cảnh ngộ và nguyện vọng.

Do đây, khi nhìn về Trung Đông, giới quan sát tự hỏi : « Các vương triều Jordanie và Arabie Séoudite có đứng vững được chăng trong gió lốc ? Vững đến bao giờ ? »

Và người ta nghĩ rằng vương-triều Jordanie phải lo nhiều nhất trong cuộc thử-thách lớn-lao này.

Một Quốc-Gia ngẫu thành, một ý-thức tạm-bợ . . .

Từ lâu rồi, nhiều nhà quan-sát đã tiên-đoán vương triều hachémite của Jordanie nhất-định sẽ đổ sụp. Nhưng mọi người đã ngạc-nhiên vì vương-triều này không chịu số phận đen tối ấy, còn biểu-lộ những khả-năng trường-tồn trải qua các biến-cổ.

Người ta ngạc-nhiên không phải không chính-đáng. Nhiều biến-cổ trọng đại đang lay chuyển Trung-Đông. Syrie chưa vượt qua cuộc khủng-hoảng trường-thành, Irak suýt nữa lâm vào nội - chiến, Yemen đang bị dày vò vì chiến-cuộc. Thế thì một quốc gia như Jordanie, thành hình do một ngẫu-nhiên của lịch sử, làm thế nào khỏi bị tình hình chung chi-phối, khuấy động ?

Jordanie sở dĩ thành một quốc-gia như hiện-thời là do bàn tay cắt xén, vá-víu của Anh Quốc, bây giờ là đế-quốc có ảnh-hưởng quyết-định tại Trung Đông. Jordanie không có lý do tồn tại vì nhiều tính chất giả-tạo nhưng Quốc gia gần như tiền-chề này lại trở thành một « nước đệm » có lợi cho một sô cường-quốc phương Tây.

Những yếu-tố trên khiến cho người ta xem Jordanie như một vương quốc mong manh, yếu ớt, dễ đổ sụp nhất trong các vương quốc. Những lời tiên-đoán bi-quan của giới quan-sát quốc-tê không phải thiếu căn-cứ vậy.

Và khi những lời tiên-đoán này không thực-hiện, thì người ta hiểu rằng quốc-vương Hussein quả đã cố gắng rất nhiều để đổi thay vận-mệnh của vương-quốc.

Sự thật Hussein là một quốc-vương có chân tài, khôn ngoan và can-đảm.

Nhưng những khó-khăn mà ông phải đương-đầu mới lớn-lao làm sao ! Những khó khăn nhiều bề : đối với Do Thái nghịch thù, đối với Anh Mỹ, hai cường quốc đóng góp

ĐÍNH CHÍNH

Nơi trang 43 trong Bách-Khoa số này (152), ấn-công có sắp lộn tên đầu bài, thay vì : các *giải* thuyết, xin sửa lại là : các **giả** thuyết.

Mong bạn đọc sửa giúp cho và chúng tôi xin cáo lỗi.

Đa tạ

vào một phần quan-trọng của ngân-sách vương-triều, đối với phong trào thống nhất Ả Rập có nội-dung phản-đề và phản-phong, đặc biệt đối với dân tỵ nạn Do Thái, gốc Palestime đã trở thành một thành phần quan trọng trong sổ thân-dân vương-triều.

Một người tài-xê taxi bảo ký giả Edouard H. Saab, đặc phái viên của báo Le Monde, khi nói chuyện về quốc-vương Hussein và lực lượng đòi-lập với nhà vua : « Người ta ghen-ghét quốc vương ! Ghen ghét vì cái gì, vì dầu hoả hay vì tài sản riêng của nhà vua đây ? Ngài phải ngửa tay xin ngoại-nhân để cho chúng tôi sống. Vì thế mà người ta giận trách ngài chẳng ? Trước đây, thuở còn trẻ, thiếu kinh nghiệm, nhà vua đã khá ngây thơ khi ngài tin dễ-dàng bằng lời những kẻ hứa với ngài rằng họ sẽ trợ cấp để thỏa mãn các nhu cầu của vương quốc. Bây giờ thì ngài quay lưng lạiđòi với người Anh. Rồi ngài đợi chờ... Đợi chờ mãi đến lúc ngân khố quốc gia trống rỗng, không có tiền trả lương cho binh sĩ. Đến đây thì nhà vua đành ngửa tay trở lại. Nếu quốc vương không làm như thế thì người Ai-Cập đã đến đây rồi và chúng tôi chỉ có nước ăn đậu quanh năm. Đó là chưa nói rằng người Ai.Cập phải có điều kiện để trang trải các chi phí của xứ này. Chúng tôi phải nuôi nửa triệu dân Palestine. Vào hoàn cảnh này, không có Anh kim. Nasser sẽ kêu gọi Mỹ kim hay đồng « rúp », như ông ta đang làm hiện thời cho đồng bào của ông... Người Ả-Rập chúng

tôi đã đành là những kẻ đi xin không thay đổi được... »

Tất nhiên không phải mọi người ở Jordanie đều nghĩ như anh tài xế taxi ấy. Tuy thế không phải là anh ta nói sai, đặc biệt về vị quốc vương Jordanie.

Người dân thuộc bộ lạc Bédouin, sống ở miền Transjordanie ngày trước thừa nhận rằng nhà vua có những đức tính của nòi giống ông mà không phải chính khách Ả-Rập nào cũng có được : sự can đảm, sự khôn khéo, sự hùng biện và nhất là ảnh hưởng tín phục mà nhà vua tạo được chung quanh mình.

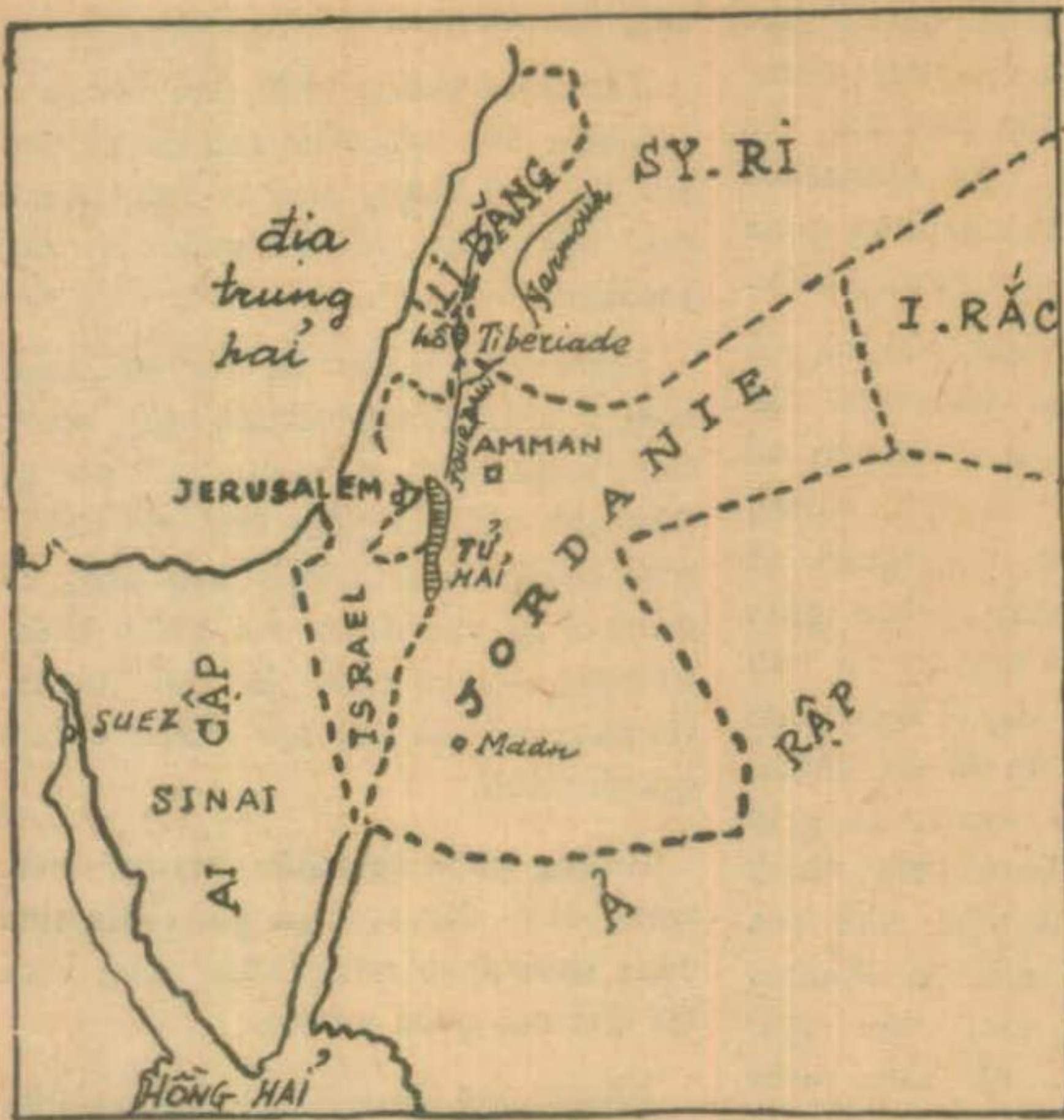
Những phần tử thân Nasser nhất trong đám dân tỵ nạn gốc Palestine cũng thừa nhận riêng hoặc công khai tài đức của quốc vương.

Nhưng phe đòi lập bảo : « Đó không phải là căn bản của vấn đề. Điều mà chúng ta cần, không phải cần một vị anh quân nhiều hơn là một quốc gia để chúng ta sinh sống lập nghiệp dứt khoát. Người ta phải cứu giải cho chúng ta thoát khỏi cái cảm giác tạm bợ thâm thía đến hình hài, nó bóp hấu bóp họng chúng ta, làm chúng ta ngột thở ».

Những người dân tỵ nạn từ vùng Palestie bị chiếm đến, những người dân thuộc miền Đông Jordanie — được sát nhập vào vương triều hachémite — đều có những luận điệu tương tự.

Thường khi họ còn công kích dữ dội quốc vương và ông nội của quốc vương, tiên vương Abdallah. Đối với

JORDANIE TRONG GIÓ LỐC



Bản đồ Jordanie

ông này thì họ cho là « tay sai¹ chánh hiệu của người Anh, đã bán Palestine cho Do Thái ».

Điều khó khăn là những người dân tỵ nạn gốc Palestine tạo thành một lực lượng quan trọng trong vương quốc.

Sống Amman, nghe Le Caire

Du khách bước chân đến các trại định cư của dân tỵ nạn gốc Palestine sẽ ngạc nhiên vô cùng vì cảnh sống của họ. Như cuộc sống của dân tỵ nạn

vùng Jericho chẳng hạn, ở đây có 60 nghìn người ngồi không, chẳng làm gì cả. Các người đàn ông ngồi sưởi nắng, hút thuốc, đánh cờ, uống cà phê, trà, để cho hết thì giờ. Trong khi ấy thì các bà vợ làm tất cả công việc: nấu ăn, xách nước, quét dọn. Cuộc đời của những người dân tỵ nạn này có thể được tóm tắt: họ sống với kỷ niệm. Họ nhớ lại tất cả những gì đã qua mà cũng

có thể nói rằng họ chẳng nhớ gì cả. Bởi vì hình ảnh quá khứ gợi ra trong tâm tưởng không phải là hình ảnh thật mà là một ảo ảnh: một cuộc đời giàu sang, sung sướng ở đất cũ, quê xưa. Họ chưa bao giờ được sống một cuộc đời như thế nhưng vì họ mãi nhớ mong và mơ ước, cuộc đời thêu dệt bằng tưởng tượng và hi-vọng dần dần thành hình tượng rõ ràng trong tâm trí của họ và bây giờ thì họ tin đã đánh mất một cuộc đời tươi đẹp và chỉ sống trong đợi chờ sự trở về dựng lại cơ-đồ. Trong khi đợi chờ, họ thả hồn về dĩ vãng, triển miên

trong kỷ-niệm êm-đềm. Họ tiếc con người xưa cũ của mình, giàu sang, sung sướng, họ tiếc tài sản, cửa lớn, nhà cao, những cái gì như đã nói, vốn dĩ là mộng, đã trở thành thực nhờ đời sống nội tâm dối dào của những kẻ chỉ biết ngồi mơ mộng.

Ngoài ra, họ cũng nhớ lại những gì họ đã đánh mất thật sự, con đường nhỏ trong làng, những bữa ăn giữa trời, ánh bình minh chiều tỏa đỉnh núi Carmel, danh lam, thắng cảnh xứ Galilée, cuộc tản bộ bên bờ hồ Tibériade . . .

Người ta cho rằng bấy nhiêu kỷ-niệm đã choán hết tâm trí của họ, không còn chỗ cho những ý-tưởng cao sâu nào nữa. Sự khờ khạo làm cho tâm hồn họ khô héo, họ oán hận tất cả loài người đã dồn đẩy họ vào con đường sống vất vưởng, thảm thương hiện thời.

Những kẻ bị đày đoạ ở cỏi trần này — nói trên — chiếm quá nửa dân số của vương quốc Jordanie. Sống dưới pháp luật của Kinh-đô Amman, họ lại hướng cả về thủ-phủ Le Caire, chờ đợi sự giải cứu, nghĩa là chờ đợi phương tiện trở về Palestine, giải phóng quê hương, tìm lại cửa nhà, sự nghiệp và bạn bè thân quyền. Chỉ có Nasser còn có thể động viên họ, làm cho họ thực hành quyền sống và sống ra người. Tại sao Nasser có thể như thế ? Bởi vì « Tiếng nói Ả-Rập » tuyên truyền mạnh, thường xuyên, gây ảnh-hưởng nơi họ. Chỉ có đài bá-âm Le Caire còn có thể làm cho họ xúc-động, và huy động họ, khi cần.

Một trong những vấn đề trọng đại của vương triều Jordanie là vấn đề nửa triệu người dân tỵ nạn ấy.

Vững đến bao giờ ?

Quốc vương Hussein hiểu rằng dân tỵ nạn không có nhiều thiện cảm với vương triều. Ông ban hành chính sách tạo công ăn việc làm cho họ. Nhà vua cho rằng muốn cứu chữa tâm thần bệnh hoạn của họ, trước khi kêu gọi đến nhà chuyên trị bệnh thần kinh, cần tạo cho họ một công việc, một nghề nghiệp ; có công ăn, việc làm, họ sẽ vui thấy làm ra tiền và hy vọng kiếm nhiều tiền, tăng gia mãi lực, để sắm sửa cái ăn, cái mặc, trang hoàng nhà cửa, nâng cao mức sống bản thân và gia-đình.

Quốc-vương muốn người dân tỵ nạn tiền đến chỗ tự sống, khỏi cần nhờ sự cấp dưỡng của Liên - Hiệp-Quốc, chỉ bao giờ họ được như thế thì họ mới có thể đủ sức, tinh thần và thể chất, chiến đấu giải phóng Palestin, hay ít nhất đủ sức lý luận, phân định, và nhận thức đúng đắn tầm ảnh hưởng của hành động.

Chính quyền đã áp dụng trong một thời hạn kỷ lục những dự-án được soạn thảo thích ứng với sự đòi hỏi của xứ sở ; công việc này nhằm giải phóng dân tỵ nạn về mặt kinh tế.

Kết quả là nạn thất nghiệp bớt đi một phần và người ta làm mọi việc, huy động mọi khả năng để nâng cao mức sống dân chúng.

JORDANIE TRONG GIÓ LỐC

Quốc vương đích thân chăm sóc để mọi người tôn trọng sự bình-đẳng giữa người Jordanie gốc bédouin và người Jordanie, gốc Palestine, tỵ nạn. Đôi khi nhà vua đã phản ứng một cách nghiêm khắc đối với sự kỳ-thị và ân-sủng.

Rồi thì để chứng tỏ chế-độ quân-chủ của Jordanie không lỗi thời, còn tự-do hơn các chế-độ độc tài quân phiệt láng giềng, quốc vương cho tổ-chức tuyên-cử và mở lại quốc-hội.

Nhưng sự cò găng nầy của nhà vua không đem lại cho ông kết quả mong-muốn là gây một niềm tin-tưởng ở vương triều. Dân tỵ nạn Palestine đã biểu-lộ hùng-hồn ác-cảm của họ trong việc bầu-cử những ứng-cử viên đòi-lập với chính quyền. Mười tám nghị-sĩ đòi-lập được bầu vào quốc-hội trong tổng số năm mươi sáu nghị-sĩ.

Các nghị-sĩ đòi-lập, một khi vào quốc hội, phát động liền một chiến-dịch chính-trị, tấn-công chính-sách của thủ tướng nội các Wasfi El Tall, buộc cho ông nầy tội thông-đồng với kẻ thù Do-Thái.

Sự hoạt-động mạnh mẽ của họ gây một không khí chính trị bất an. Quốc vương tức bực phẫn vì tình hình nầy, phẫn vì thái độ của các nghị sĩ ấy, phản-ứng bằng cách giải-chức ông Anvar Moussalbé, thông đốc thành phố Jérusalem vì ông nầy đã giúp đỡ cho các nghị-sĩ đòi lập ấy thắng cử.



Quốc vương Hussein

Ngày sau, tất cả khu Jérusalem Ả-Rập đình-công. Tình hình căng-thẳng giữa dân tỵ-nạn và vương-triều. Nhiều tin phao đồn lan rộng, chẳng hạn tin quân-đội sẽ đứng lên lật-đổ chế-độ. Tại khu vực dân tỵ-nạn, người ta thấy xuất-hiện những truyền đơn đòi hỏi Jordanie tham gia vào đại quốc gia Ả-Rập dưới sự lãnh-đạo của Gamal Abdel Nasser, người có thiên-mệnh giải phóng các dân-tộc Ả-Rập.

Hussein đương đầu liền với nguy cơ với sự can-đảm cò hữu. thay vì chờ đợi tình hình diễn biến, ông đi trước tình hình. Ông đến thẳng Jérusalem, có một đội thị-vệ người bédouin thiện chiến mở đường. Chỉ sự xuất hiện của đội binh nầy đủ làm

cho người dân ở Jérusalem kinh hãi. Qua ngày mai, nhà vua triệu tập tất cả nghị sĩ. Những nghị sĩ đòi lập, gốc Palestine đến cùng một lúc, định dựa vào lực-lượng toàn khối của họ, làm áp lực đối với chính sách, chủ-trương của vương-triều.

Quốc vương bảo họ : « các ông đừng tìm cách làm cho tôi e ngại. Tôi không sợ các ông. Phải biết rằng không có cái gì có thể ngăn cản tôi giải tán Quốc hội và thiết lập chế-độ độc tài, cũng như ở nước mà các ông mơ-tưởng và các ông có thể qua sông ở đây nếu các ông muốn ... »

Ở Jordanie một thái độ cương quyết như thế bao giờ cũng có kết quả tốt : Quốc vương Hussein đã nắm vững tình-hình. Nhưng vững đến bao giờ ? Đó là câu hỏi.

Một câu hỏi cần được giải đáp trên cả hai bình-diện, chính-trị và kinh-tế.

Một nền kinh-tế khả-quan

Về mặt kinh-tế không ai ngờ rằng một vương quốc tồn tại trên một cơ sở chính-trị mong manh, yếu ớt, một vương quốc sống còn được nhờ sự viện trợ « nhỏ giọt » của Anh Mỹ, như Jordanie, lại có thể có một nền kinh-tế lành mạnh, khéo tổ chức, ở hàng đầu trong thế-giới Ả-Rập.

Đề riêng một bên những yếu-tố chính-trị đe-dọa sự an-toàn của vương quốc, người ta nhận định rằng Jordanie có thể là Quốc-gia Ả-Rập đủ điều-

kiện nhất để gia-nhập một khối kinh-tế thông-nhất Ả-Rập.

Viên giám-độc viện phát triển kinh-tế tuyên bố : « Hệ thống kinh-tế của chúng tôi được quan-niệm theo vai trò và vị-trí của Jordanie trong khuôn khổ chung cả thế-giới Ả-Rập. Tân kỹ-nghệ đang được kiến-tạo ở xứ sở chúng tôi sẽ không bao giờ có tính cách cạnh-tranh, mà có tính cách bổ-túc. Cho nên chúng tôi sẽ để dành kỹ-nghệ tơ sợi cho Ai-Cập, kỹ-nghệ thuộc da cho Liban. Và người Liban cũng phải thôi, đừng tranh giành với chúng tôi thị-trường xi-măng trong khi họ phải nhập cảng từ Jordanie hay nơi khác nguyên-liệu cần-thiết để làm sản phẩm ấy. Sự thông-nhất kinh-tế chỉ có thể được quan-niệm trên những căn-bản hợp lý: Nền kinh-tế của chúng tôi sẽ là và chỉ có thể là kinh-tế bổ-túc. »

Nhưng từ đây đến ngày sự thông-nhất ấy được thực hiện, vương quốc Jordanie còn khá nhiều việc phải làm. Việc quan-trọng hơn hết là chuẩn bị cho một công cuộc sinh hoạt quốc-gia tự-túc.

Sống với tài nguyên của mình

Ngày xưa khi vương quốc chỉ thu hẹp trong phạm vi xứ Transjordanie, những kinh tế gia trẻ tuổi được giao phó sứ mạng xây dựng kinh tế đất nước đều tỏ ra bi-quan. Họ thấy không thể khai thác được gì trên vùng cao nguyên hoang vu ở bãi sa mạc nghèo nàn. Nhưng cuộc chiến tranh

Ả-Rập — Do-Thái và sự sát nhập vào vương quốc phần đất Palestine phi nhiều phía Tây sông Joudain đã mở ra cho các nhà kinh tế Jordanie một phạm vi hoạt động rất nhiều thuận-lợi mới.

Tuy nhiên vương quốc còn phải trải qua những giai đoạn mò-mẫm đường hướng, kế hoạch và thí nghiệm thất bại. Jordanie vẫn phải tiếp tục sống nhờ viện trợ ngoại quốc.

Ngay trong lúc này, vương triều đã nhận thấy cần phải sửa soạn để Jordanie sống với tài nguyên của mình.

Kê-hoạch Năm năm đầu tiên chỉ nhằm tăng lợi tức quốc gia thường niên lên 8 1/2 phần trăm.

Khi ông Wasfi Al Tell ra cầm đầu nội các, ông liền thực hiện một đổi thay căn bản trong chính sách kinh tế của vương triều, một Kê hoạch Bảy năm thay thế kế hoạch cũ. Kế hoạch mới phải làm giảm bớt sự thâm thủng trong ngân sách vương triều, tăng thu cho ngân sách. Cho đến nay một phần lớn chi phí của quốc gia do viện trợ Mỹ và Anh đài thọ. Một mục tiêu nữa của kế hoạch là giảm nhập cảng, tăng xuất cảng để thăng bằng cán cân thương mại.

Nói chung quốc gia cố gắng bằng mọi cách để tự túc về tài chánh. Nếu vương quốc còn hưởng được viện trợ ngoại quốc (1962 : 18 triệu dinars) gần 3 phần 5 số thu của ngân sách (39 triệu dinars) các nhà hữu trách

hiều rằng sự viện trợ ấy phải giảm bớt đi một ngày nào đó. Họ không có nhiều ảo vọng trong vấn đề này. Họ còn tin rằng từ đây đến năm 1970 là chậm lắm, Joridanie sẽ không có thể dựa vào viện trợ tài chánh của nước ngoài và sẽ phải sống nhờ thực lực của mình.

Để sửa soạn tương lai này nhiều dự án đã được thảo hoạch. Dự án đầu tiên trừ liệu việc dùng nước sông Yarmouk, nhánh lớn nhất của sông Jourdain, để tưới cho một diện tích đất hoang phòng độ 150.000 héc-ta và cung cấp 60.000 kí-lô-oát điện lực.

Kê hoạch Bảy năm trừ liệu tăng sức sản xuất phốt-phát từ 600.000 tấn lên 2 triệu tấn mỗi năm.

Các nhân viên hữu trách ở Viện phát triển kinh tế đặt nhiều hi vọng vào việc khai thác pô-tát (potasse) trong nước biển Tử hải. Họ dự tính dựng nên một kỹ nghệ sản xuất vào năm 1965 một số lượng pô - tát là 200.000 tấn.

Ngoài ra Jordanie còn có thể khai-thác từ 10.000 đến 15.000 tấn đồng mỗi năm.

Kê hoạch Bảy năm còn nhằm xây dựng những kỹ nghệ nhỏ để giảm bớt khối lượng nhập cảng. Tuy nhiên vương quốc sẽ không áp dụng hàng rào quan thuế để bảo vệ nền sản xuất quốc gia, vì chính sách kinh tế của vương quốc tôn trọng quyền tự do kinh doanh.

Cuối cùng, một khu vực kinh doanh mới được chú-trọng khai thác : kỹ nghệ du lịch. Trong khuôn khổ phát triển kỹ nghệ này, người ta trù tính kiến-thiết những nơi nghỉ hè, những nơi trượt tuyết, những hình thức giải trí du khách vân vân.

Nhìn chung những dự án phát triển kinh tế của Jordanie không có tính cách lớn lao qui mô nhưng các chương-trình, kế hoạch đã được soạn thảo căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể, điều kiện thực tiễn của Jordanie. Nếu Kế hoạch Bảy năm thành tựu thì lợi tức quốc gia Jordanie sẽ khá cao, đủ để cho vương quốc tự sống, khỏi nhờ viện-trợ của nước ngoài.

Đối với một nước nhỏ như thế, từ ngày lập quốc đến nay chỉ tồn tại nhờ sự ngửa tay thì nếu đạt được thành công theo dự liệu ấy, đã là một niềm khuyến khích lớn lao.

Nhưng người ta cần dừng lại lâu hơn ở chữ « nếu » để suy nghĩ, nhận định.

Dù muốn dù không chữ « nếu » cũng gợi lên một điều kiện tiên quyết : sự ổn định về mặt chính trị của vương quốc.

Nước cờ hiểm nguy hại

Phần trên, người viết đã trình bày việc quốc vương Hussein đòi phó với lực lượng chính trị đối lập. Bây giờ ông đã củng cố được tình hình.

Nhưng gần đây vị quốc vương tài năng ấy (mà người ta xem như một phần tử dân chủ, tự do được đặt ngai

trên ngai vàng do sự sai lầm của định mệnh) đã đi một nước cờ hiểm lạc đầu tiên trong đời ông : trong cuộc biến động ở Yemen, quốc vương đứng về phe tiểu-vương bị cách mạng đánh đổ.

Nước cờ hiểm lạc đầu tiên có những hậu quả tai hại không lường.

Thành phần dân chúng Jordanie đối lập với vương triều đã xem sự sai lầm vô phương bổ cứu của nhà vua là sự sai lầm của « Chater », nói theo tiếng Ả-Rập. Đây là một kiểu mẫu người khôn ngoan, thận trọng, khéo léo, bao giờ cũng xoay sở được việc bao giờ cũng thoát được ngã bí nhưng con người ấy chỉ cần sai lầm lần một lần là đủ để mất tất cả trong một lúc.

Hai biến-cố mới : nguy cơ đến gần ?

Trong khi người dân tỵ nạn Palestine đợi chờ, trong khi quốc vương Hussein cố gắng tranh thủ thời giờ củng cố ngai vàng trong gió lốc thì hai biến cố trọng đại lần lượt xảy ra.

Biến cố thứ nhất là sự chào đời của Liên-Bang Ả-Rập. Quốc - gia Ả Rập mới này là một Liên-bang bao gồm Ai-Cập, Syrie và Irak. Danh hiệu của Liên-bang là Cộng-hòa Ả-Rập Thống nhất (R. A. U.). Tuy liên-bang gồm ba xứ, nhân dân ba xứ cùng mang một quốc-tịch, một kinh-đô, Le Caire, một quốc-kỳ, lá cờ của Cộng - hòa Ả-Rập thống nhất có ba ngôi sao.

Sau khi ông Al Sabri, chủ tịch Ủy-ban hành pháp Ai-Cập tuyên bố quyết định của Hội-nghị tay ba ở Le Caire,

JORDANIE TRONG GIÓ LỒC

đài phát thanh Ai-Cập loan tin quan trọng này đi khắp Trung Đông và thế-giới.

Người ta được biết rằng vấn đề Yemen và Algérie gia nhập tân quốc-gia Ả-Rập chưa được đặt ra trong hiện-tình.

Báo chí Do-Thái đặc biệt xúc động vì biến cố này. Ở Tel Aviv, sự xuất-hiện của tân Cộng-hòa Ả-Rập Thống nhất được xem như một thắng lợi của tổng-thống Nasser. Tuy nhiên họ cho rằng sẽ có những bất đồng quan điểm về chính trị nội bộ, giữa Ai-Cập, và Irak.

« Đối với Do-Thái, có sự khác nhau rõ rệt giữa việc đòi đấu với những quốc gia Ả-Rập nghịch thù nhưng chia rẽ và việc đòi đấu với một liên-bang quốc-gia Ả-Rập thống nhất, mặc dầu chế độ liên bang này không được thể hiện về phương diện lãnh thổ ».

Nhưng mỗi bản khoản nhất của Do-Thái, được phản ánh trên mặt báo, là về số phận của quốc vương Jordanie. Họ cho rằng nguy cơ cho chế độ quân chủ ở Jordanie đã tăng triển.

Do-Thái xác định ý chí sẽ can thiệp nếu như có mưu toan thay đổi nguyên trạng ở Jordanie.

Biên cò thứ hai, cũng vào thượng tuần tháng 4, cách sau sự ra đời của tân Cộng-hòa Ả-Rập Thống nhất không mấy ngày là sự chấm dứt cuộc chiến tranh ở Yemen.

Tiểu vương Yemen đã chấp thuận buông khí giới và lưu-vong sang châu Âu. Arabie Séoudite thôi, không ủng hộ quân bảo-hoàng Yemen nữa. Quân

đội của Nasser đến giúp cho quân đội cách mạng Yemen cũng sẽ được triệt hồi về Ai-Cập.

Giải pháp hòa bình này là thắng lợi của Nasser — đã kiên quyết ủng hộ Cộng hòa Yemen, của Liên-Hiệp-Quốc đã cử sang Yemen một phái bộ thông, tin và của Hoa-Kỳ. Người ta biết rằng đặc phái viên của tổng thống Kennedy, đại sứ Ellsworth Bunker đã đóng một vai trò quan trọng trong sự hòa giải.

Hai biên cò mới này tất nhiên có tác-dộng bất lợi cho vương triều Jordanie vì ảnh hưởng của Nasser càng phát triển. Những ngày gần đây phong trào đòi thống nhất Ả-Rập, thân Nasser bùng lên dữ-dội. Quân đội đã phải nổ súng vào các đám biểu-tình. Thủ-tướng Jordanie đệ đơn từ chức. Quốc-vương Hussein sửa soạn lưu vong. Các đường liên lạc điện thoại giữa Jérusalem của Jordanie và các nước Ả-Rập bị cắt đứt. Trong khi đó thì Hoa-Thịnh-Đồn vẫn ủng hộ vương-triều và Do-Thái tập trung quân đội gần biên giới, sẵn sàng can thiệp.

Trong gió lốc, chiếc ngai vàng của Jordanie đang bị lung lay. Tiểu-vương Yemen được quốc-vương Hussein ủng hộ, đã chịu thua trào lưu chính-trị mới, lưu vong rồi. Người ta ngại quốc-vương Jordanie sẽ không còn tại-vị bao lâu nữa.

TIỂU-DẪN 22-4

thuật theo Ed. H. SAAB và các báo chí ngoại quốc

Kỳ tới : Trong sự đi tìm một định thức Liên-Minh hợp lý : Hoa-Kỳ trước De Gaulle và Châu Âu.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

Giá trị quyền

Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí

II. — HOÀNG-LÊ-NHẤT-THỐNG-CHÍ LÀ MỘT SỬ LIỆU

(xin xem B. K. từ số 150)

Nhưng xét lại, sự thật đâu phải chỉ có thế.

Mục đích của Ngô-Thời-Chí, của Ngô-Du, chắc hẳn cũng bao hàm sự mua vui cho độc giả, cái thú vui thanh nhã gợi nên bởi một áng văn kỳ tác, câu chuyện linh động, kết cấu tài tình, văn chương điêu luyện. Và thực sự các tác giả quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* đã đạt được một phần nào lòng ước muốn đó, vì không ai đọc vào sách của họ mà không cảm thấy khoái trá. Và cũng có lẽ vì cái hay đặc biệt đó mà người ta quá dễ ý đến phương diện văn chương của tác phẩm, đến nỗi chỉ cho nó là một tập lịch sử chứ không phải là một sử phẩm. Nhưng thật hẹp hòi nếu chúng ta quan niệm dứt khoát rằng một áng văn hay không thể là một sử liệu quý, và trái lại, một sử liệu quý không thể đồng thời là một áng văn hay. Cờn nhiên những văn phẩm như *Chinh-phụ-ngâm* không bao giờ kể được là một tài liệu sử, hiểu theo đúng nghĩa của nó, vì mục đích của nó không phải là diễn lại thời sự quá khứ, nhưng hỏi ai cầm được một cây bút phong phú đem hết tài văn chương ra tô điểm một câu chuyện thật? Chân lý vẫn có thể đi đôi với nghệ thuật giống như hồn lành có thể ở trong xác khỏe, và làm được cho hai đàng đi đôi phải là một lý tưởng cao.

Nhưng có lẽ vì lý tưởng nẩy cao quá nên người ta dễ ngợp, và vì đã quá quen với những vẻ đẹp giả dối của những câu chuyện bịa, nên khi thấy cái gì tốt đẹp người ta dễ dàng liên tưởng đến những việc giả dối, trước khi nhớ lại rằng chân lý vẫn có thể đẹp hơn tưởng tượng chẳng ? Dẫu sao, người xưa, cũng như học giả thời bây giờ, những kẻ yêu chân lý, đều nghĩ rằng chuyện thật có thể và phải được văn chương phục vụ. Trong *Tả truyện* chẳng hạn, người ta đọc được rằng : « Bất ngôn, thù tri kỳ chi, ngôn chi vô văn, hành chi bất viễn ». và chúng tôi xin tạm dịch, « chuyện thật mà không nói, thì ai biết được, nhưng nói mà không có văn chương, thì mấy ai nghe ? ? May sao Ngô-Thời-Chí và Ngô-Du trong quyền *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí*, đã « ngôn chi hữu văn » nên câu chuyện của ông chẳng những đã được các học giả kinh cẩn sự thật quá khứ như các sử thần của Quốc sử quán tin dùng, mà còn được cả những kẻ sau những ngày làm việc lam lũ, hể có được « một buổi chiều nhàn rỗi » cũng lấy ra đọc để di dưỡng tinh thần, nhờ những trang sử đau thương nhất, cũng như huy hoàng nhất của con dân Đại-Việt.

Thật vậy, quyền *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí*, không phải chỉ là một áng văn hay, mà còn là một sử liệu quý. Đó là một quyền sử chép rất có nghệ thuật nên người ta đã quá chú trọng vào nghệ thuật của nó mà quên nhãng cả sự thật góc cạnh ở trong. Và chính vì nhận thấy sự thật quá góc cạnh nầy nên chúng tôi cần phải có mấy lời giải thích ở đây.

Sở dĩ chúng tôi buộc lòng phải đi ngược với trào lưu cho *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí* là một quyền tiểu thuyết, và nói to lên rằng đó đồng thời là một tập sử, là vì khi nghiên cứu về Tây-Sơn, chẳng những chúng tôi đã phải tìm hiểu giá trị của sách đó, và cùng một lúc cũng phải đọc kỹ các bộ sách sử khác, đã được mọi người công nhận là có giá trị lịch sử (không nhiều thì ít), như bộ *Khâm định Việt-sử Thông giám Cương mục*, bộ *Liệt truyện Chính biên Sơ tập*, bộ *Thực lục Tiền biên*, *Thực lục Chính biên đệ nhất kỷ* cùng nhiều tài liệu nữa. Chúng tôi biết được rằng, bộ *Cương mục* chẳng hạn, trong các quyền 46, 47, và nhất là quyền 30 của bộ *Liệt truyện chính biên Sơ tập*, các sử thần triều Nguyễn nói rất nhiều về Tây-Sơn (*Liệt truyện*, quyền 30, chỉ nói về Tây-Sơn). Nhờ đã đọc kỹ quyền *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí* nên khi coi đến các quyền vừa kể của các bộ sử nói trên, chúng tôi nhận được một sự kiện càng lâu càng rõ rệt, đó là sự giống nhau giữa sách của Ngô-Thời-Chí, Ngô-Du một đảng, và đảng kia của Quốc sử quán. Nó giống nhau bằng nào ? Thì ra, nó giống nhau hầu hết nghĩa là cái gì bên nầy có bên kia cũng có. Cồ nhiên là không phải bao giờ cũng in hệt nhau, vì có chỗ *Cương mục* và *Liệt truyện* không khác *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí* tí nào, nhưng có chỗ thì quyền sau nói rất dài và hai bộ trước chỉ tóm tắt thôi.

Hỏi vì sao hai đảng lại giống nhau như thế ? Đây chỉ có hai trường hợp phải xét, một là bên này lấy lại bên kia, hay là cả hai bên đều dùng một tài liệu thứ ba làm nguồn. Trường hợp sau có lẽ không cần quan tâm lắm, vì, như chúng ta đã thấy, những người chép quyển *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* là những người sống đồng thời với các sự việc được thuật lại, nên tài liệu họ dùng chính là tai họ, mắt họ, hoặc là những kẻ cùng chung sống với họ, và những tài liệu đó không còn nữa khi các bộ sử như *Cương mục*, và *Liệt truyện Chính biên* được chép. Bởi đó bây giờ chỉ còn trường hợp bên này lấy bên kia, và chúng ta rất dễ biết bên nào đã lấy của bên nào, vì không thể Ngô-Thời-Chí dùng *Liệt truyện* chẳng hạn, bởi lẽ rất giản dị này là lúc đó chưa có *Liệt truyện*. Để minh chứng rằng sử quán nhà Nguyễn đã lấy lại *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* chúng tôi xin nêu ra ít nhiều ví dụ dưới đây.

Về những ví dụ nói rõ Sử quán đã lấy lại gần nguyên văn, chúng tôi sẽ xin đối chiếu bản chữ hán (viết bằng Hán việt cho tiện) của Sử quán với bản dịch quyển *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* của Ngô-Tất-Tổ để khỏi lẫn lộn lại cùng những lời ấy ở cả hai bên. (Nhân dịp, chúng tôi cũng xin thú thật như ông Giám-đọc viện khảo cổ là chúng tôi không có bản Hán văn của tác phẩm chúng tôi đang cố tìm hiểu giá trị ở đây).

Chẳng hạn, chúng ta thử đọc lý luận của Nguyễn-Hữu-Chính khuyên Nguyễn-Huệ ra đánh Bắc-hà.

Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí tr. 62

Ông vâng mệnh ra lấy Thuận-Hóa, đánh một trận mà xong, oai danh rung động thiên hạ. Trong phép dụng binh có ba điều cốt : nhất là thì, hai là thế, ba là cơ, hễ gặp được ba điều đó, quyết là đi đâu thắng đấy. Nay ở Bắc-hà tướng trẻ binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà ra đánh lấy, đó là như cô nhân đã nói : « chiêm kẻ yếu, đánh kẻ tội, lấy kẻ loạn, đè kẻ sắp mất ». Cơ và thì ấy không nên bỏ lỡ.

Liệt truyện quyển 30, tờ 19 b

Tướng quân nhất cử nhi định Thuận-Hóa, uy chấn Bắc-hà. Hành sư chỉ đạo, nhất viết thời, nhị viết thế, tam viết cơ, tam giả khả thừa, vãng vô bất thắng. Kim Bắc-hà tướng đoạ tốt kiêu. Ngã thừa đại thắng nhi dĩ thú chi, sở dĩ kiêm nhược, công muội, thủ loạn, vụ vong. Thử thời dự cơ bất khả thất dã.

Hay là đọc về cái chết của Lý-Trần-Quán, một người tội trung của họ Trịnh :

GIA TRỊ QUYỀN HOÀNG-LÊ-NHẤT-THÔNG-CHÍ

Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí, tr. 72

... Lý-Trần-Quán quay về nhà trọ bảo với chủ trọ : « Bể tôi làm cho nhớ vua tội đáng phải chết. Nếu ta không chết thì cái bụng ta vẫn không tỏ được với trời đất. Vậy hãy đi sắm cho ta một cỗ áo quan, mười thước vải trắng, để ta làm theo ý ta ... »

Cương mục, quyển 46, tờ 22a.

Trần-Quán qui, vị môn nhân viết : « Ngã dĩ thần ngộ chúa, tội đương tử. Bất tử vô dĩ bạch thử tâm ư thiên địa. Nãi lệnh huyệt địa trí quan cụ y quan tự lý tử ... »

Về những chỗ hai bộ sách của Sử quán toát lược câu chuyện của *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí*, chúng tôi xin trình bày làm ba cột, cột đầu của *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí*, rồi đến *Cương mục*, rồi đến *Liệt truyện*. Chúng tôi xin dùng bản dịch của cả ba sách, vì bên này toát lược bên kia, nên nếu dùng một bên chữ Hán thì chắc sẽ khó theo dõi hơn. Và chúng ta thử đọc đoạn nói về việc Trịnh-Tông cầm quân đánh Nguyễn-Huệ :

Hoàng-Lê, trang 87

Bây giờ Tông mới ăn bận đồ binh ở trên lầu xuống, trèo lên mình voi, cầm lá cờ đỏ chỉ ba cái và vẫy ba cái, rồi khua trống ra hiệu cho các quân sĩ sẵn lên trước mặt. Quân sĩ nghe theo hiệu trống, liệch mạng tiến lên. Bên giặc dùng súng hỏa mai bắn vào, các quân đều sợ mất vía, bỏ cả khí giới, chạy thực mạng ra mãi bờ sông. Tông thấy quân lính tan tác ngó lại quanh mình cũng không có một người nào. May sao lúc ấy quân giặc không biết là Tông, tranh nhau xông vào phủ chúa, không ai dám đến gần chân voi. Tông vội cỡi bộ nhung phục, đội khăn chữ đinh ngồi núp vào ngăn hòm da phía sau yên voi cõ cho con voi quay vào cửa Tuyên vũ. Bây giờ quân giặc đã có đến vài chục người vào

Cương mục, q.46,21

Giai mặc nhung phục, cỡi voi, cầm cờ lệnh. chỉ huy quân sĩ. Quân sĩ nhìn nhau không chịu đánh. Giặc đem binh ừa vào giết, quan quân chạy tan.

Giai quay voi về thành đến cửa Tuyên vũ, đã thấy ở xa ngoài phủ la liệt

Liệt truyện, q.30,21

Trịnh Giai mặc nhung phục, ra trận chỉ huy.

Giặc dùng súng hỏa mai xông vào đánh Quân họ Trịnh chạy tán loạn.

lọt trong phủ và đang treo cờ ở phía ngoài phủ. Tông bèn kéo voi đi ra bờ hồ Minh đường, trông phía cửa ô Yên phủ mà chạy.

cờ xí của giặc
Tức thì ông đem
tượng binh hơn
trăm người chạy
về phía tây.

Hỏi nêu sự lệ thuộc chặt chẽ của Sử quán triều Nguyễn đối với quyền *Hoàng Lê nhất thống chí* lên để làm gì? Ý chúng tôi là để lấy đó làm căn cứ cho một lý luận, chúng tôi muốn nói rằng nếu những bộ sử như *Cương mục* và *Liệt truyện*, là những tài liệu lịch sử không ai chối cãi, phải dùng đến quyền *Hoàng Lê nhất thống chí* làm nguồn gốc, thì hỏi quyền sách đó càng là một tài liệu lịch sử quý giá biết bao. Nguồn gốc chắc chắn phải có giá trị hơn ngành ngọn, và nếu không còn có một cách nào khác để xác nhận giá trị quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí*, thì lý luận *a fortiori* đó cũng đã khiến người đọc yên tâm được một phần nào.

Nhưng nói như trên đây, chỉ mới là định giá bằng thẻ chứng của Sử quán, của một cơ quan chép sử vào một vài thẻ hệ sau. Giá trị của quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* còn có thể minh chứng được nhờ các sử liệu đồng thời khác, như các thư của các giáo sĩ đã nơm nớp run sợ trước sức tiến của Tây-Sơn hay đã nghe tiếng súng của họ đánh với quân đội Bắc-hà. Đọc các thư đó, người ta sẽ không khỏi ngạc nhiên khi thấy nhiều chi tiết của *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí* mà trước kia người ta cho là những tô vẽ của tưởng tượng, lại được nói đến một cách thực tế hết sức. Để có một ý kiến rõ về điểm này, chúng tôi xin trình bày một vài tài liệu.

Về việc đánh Thuận-Hoá năm 1768, Ngô-Thời-Chí đã nói quân Tây-Sơn dùng mưu để sập Phạm-Ngô-Cầu (quận Tạo). Ông thuật rằng :

Tháng tư năm ấy có chiếc tàu khách tới bến. Người khách chủ tàu xin vào yết kiến quận Tạo. Trong lúc nói chuyện, người ấy dò thuật tướng số khen quận Tạo hậu vận rất tốt, phúc lộc không thể nói xiết. Chỉ ngại hiện nay tiểu hạn gặp « xung » không khéo thì phải đau ốm. Trong mùa hè này nếu lập đàn cúng tiến thì tốt. Quận Tạo tin lời, tức thì sai lập đàn chay rất lớn cúng luôn bảy ngày bảy đêm. Quân lính phục dịch hết đêm đến ngày.

Thình lình thầy có tin báo đại quân Tây-Sơn lấy mất đồn Ai-Vân, chủ tướng đồn Ai-Vân là Quyền trung hầu bị chết tại trận, các đồn khác thì đều tan vỡ, hiện nay thủy quân của giặc đang theo đường bể đi vào chỉ trong sớm tối thì sẽ tới đây.

GIÁ TRỊ QUYỀN HOÀNG-LÊ-NHẤT-THÔNG-CHÍ

Quận Tào hốt hoảng không biết làm ra thế nào. Các quan vì suốt mấy hôm hầu hạ đàn chay, sức lực đã nhược, lại nghe tin có giặc, ai nấy không còn hồn vía.

Quận Tào vội cho đi tìm người khách, thì đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bây giờ mới biết người ấy chính là t.ám tử của giặc, lập mưu để đánh lừa mình (1).

Cổ nhiên, vì không phải chép sử, nên các giáo sĩ viết thư không nói một câu chuyện từ đầu đến cuối, nhưng trong thư của họ, họ nói rõ sự Ngô-Cầu đánh không kịp trở tay vì bây giờ tất cả chú ý của ông đang dồn về đàn chay rất lớn lập ở chùa Thiên-Mụ. Đây là một đoạn trong thư của giáo sĩ La Barrette viết ngày 23 tháng 6-1786, nghĩa là chỉ mấy ngày sau khi thành Phú-Xuân và đồn Dinh-Cát rơi vào tay Tây-Son, và giáo sĩ viết ở Quảng-Trị, nghĩa là một địa điểm không xa gì sân khấu chiến tranh. Vậy ngày đó, giáo sĩ viết rằng : « Đồn Phú-Xuân mới mất chỉ năm ngày nay và đồn Dinh-Cát là chỗ tôi đang ở, thì mất hôm qua. Người ta nói Lũy Sầy đã mất ngày hôm trước, và để cho vui lòng ngài một tí, tôi xin kể chuyện này là Quan Đại đã bị đánh ngay khi ông ta đang còn mải lo vào các việc thờ ma quỷ tức là các *đám chay*, v.v..., ấy ở một ngôi chùa danh tiếng nhất Phú Xuân, để cầu khẩn cho sức khỏe đã bị hao mòn nhiều của ông (2) » Cách đó hơn một năm, vào ngày 10 tháng 7-1787, giáo sĩ Le Breton, còn cho thêm một vài chi tiết bổ túc : « Quan Co-tao, trấn phủ Phú Xuân, và trước kia đã làm trấn thủ Xứ-Nam, chỗ mà ông đã bắt bớ dữ dội những kẻ theo đạo có ý để làm đẹp lòng Chúa và để ăn hồi lộ, và ông là một người đã làm hại cho đạo hơn tất cả các quan khác đổ đồng lại, chính quan Co-tao đó, đã tỏ ra rất sùng thần tượng và rất tôn kính sư sãi. Ông đã hội một số đông các sư lại ở chùa *Thiên mộ* để làm chay, cầu khẩn và cúng lễ trong tám ngày. Khi việc chưa xong, bỗng chốc người ta đem tin đến cho ông rằng giặc đã đến ngoài cửa thành ; Ông bị thương, bị giải về Qui-Nhơn và chết tại đó. Một người con ông bị bắt đang khi chạy trốn và bị voi chà » (3)

(1) *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, trang 60.

(2) Il n'y a que cinq jours que le don Phú Xuân a été pris, et celui de Dinh-Cát où je suis, hier seulement. On croit que Lũy Sầy l'aura été avant hier, et pour vous faire plaisir, je vous dirai que Quan Đại a été pris précisément qu'il était tout occupé à faire toutes les diableries possible *đám chay* etc... dans la plus fameuse pagode de tout Phú-Xuân, pour recouvrer sa santé qui était déjà bien délabrée.

(3) Le mandarin Co-tao, vice roi de Phú-Xuân et ci-devant gouverneur de Xứ Nam où il persécuta vivement la religion dans la vue de plaire au Prince et en ore plus d'attrapper de l'argent, qui a fait lui seul plus de tort à la religion que tous les mandarins ensemble, Co-tao, dis-je, témoignait beaucoup de dévotion aux idoles et de respect pour les bonzes. Il en avait assemblé un grand nombre dans le temple Thiên Mộ « Chéri du Ciel », pour y faire des jeûnes, des prières et des sacrifices pendant huit jours. Avant que ce terme fut expiré, on lui apposta la nouvelle que les ennemis étaient à la porte de la citadelle ; il fut blessé et emmené en basse Cochinchine où il est mort. Un de ses fils arrêté voyant qu'il était écrasé sous les pieds des éléphants ».

Hai tài liệu vừa trích chứng thực sự kiện Phạm-Ngô-Cầu có lập đàn chay và bị quân Tây-Sơn đánh đột ngột giữa lúc chay đàn còn đang tiếp diễn. Phải chăng sự đánh đột ngột đó là một sự tình cờ ? Nghĩa là việc dọn dẹp làm chay của quận Tào, quân Tây-Sơn không biết trước, nhưng vừa khi được tin họ vội vàng kéo quân ra đánh ? Căn cứ vào lời tường thuật của hai giáo sĩ vừa nói, xem việc xảy ra không phải do dự tình cờ như thế. Và lại, nếu Tây-Sơn, nhờ nghe tin quận Tào làm chay mới vội vàng ra đi, thì họ cũng không đến được mau mắn như vậy đâu, vì chuẩn bị một cuộc tiến quân không phải dễ dàng. Nay chỉ còn có một cách tìm nguyên nhân của sự tấn công đột ngột của Tây-Sơn nữa đó là chính quân Tây-Sơn đã gây ra hoàn cảnh đột ngột, và như thế mới hợp lý. Chúng ta biết, sự dòm ngó Phú-Xuân của Tây-Sơn không phải mới mẻ gì. Vì muốn lấy kinh đô cũ của các chúa Nguyễn mà lúc đó đang bị quân họ Trịnh chiếm, quân Tây-Sơn không phải chỉ thụ động ngồi chờ cơ hội, mà họ tự tạo ra cơ hội. Với Nguyễn phu Như, với Nguyễn-Hữu-Chỉnh, ba Anh Em Tây-Sơn không thiếu gì mưu. Và nếu các giáo sĩ không nói đến các mưu mô của Tây-Sơn, họ đã nhấn mạnh vào điểm quận Tào (hay quan Đại, có ý nói quan Đại tướng) bị đánh đột ngột, và như thế họ đã vô tình làm cho câu chuyện « người khách yết kiến quận Tào » của Ngô-Thời-Chính thành ra một câu chuyện chẳng những là hợp lý, đối với lòng tin tưởng chung của xã hội thời đó và của riêng quận Tào, mà còn là một câu chuyện phải có.

Chúng ta thử đọc nữa về trận chiến giữa quân của Nguyễn-Huệ và của Bắc hà trong lần xung đột đầu tiên trên đường tiến về Thăng-Long. Ngô-Thời-Chí chép :

(Đinh tích) Nhưõng là danh tướng ở làng Hàm-Đan, nhà vốn có tiếng giỏi về chiến trận, cho nên triều đình đem hết công việc thủy chiến giao phó mặc cho Nhưõng.

Thuyền quân của Nhưõng đóng ở cửa Luộc, cầm nhau với giặc. Thịnh linh nổi gió đông nam rất to, quân giặc ở hạ lưu thả năm chiếc thuyền làm đội tuyến phong, ngược giòng tiến lên, đại quân từ từ theo sau. Nhưõng thấy những thuyền tuyến phong của giặc xông lên, tức thì đem hết binh thuyền chặn ngang lòng sông, giàn thành thế trận chữ nhật », rồi truyền chư quân nạp súng Bảo-Long nhắm sang thuyền giặc mà bắn. Bắn một tiếng đầu, thuyền giặc đứng yên không động. Nhưõng sai bắn phát thứ hai. Bên thuyền giặc các buồm đều bị cuốn lại. Chư quân đều mừng cho là giặc có ý sợ. Nhưõng sai bắn luôn ba phát nữa. Bây giờ bên giặc mới nổ một phát đại bác tiếng to như sét một chổi cổ thụ trúng đạn gãy làm đôi.

Tướng trung hầu đang giàn quân ở hai bờ sông, thấy đạn bay lại, cả sợ, mặt trận nhồn nháo muốn vỡ. Quân giặc thừa thế ủa lên bộ. Quân của Tướng trung chạy hết. Quân giặc đèn thẳng dinh trấn. Tướng trung và quan đốc thị Nguyễn-Huy-Bình đều trốn lầy thân. (1)

Và đây lời của hai giáo sĩ ở Bắc-hà trong khi các việc vừa xảy ra và cũng thuật lại các việc đó. Giáo sĩ Le Roy, bây giờ ở làng Kẻ-Vĩnh, đã viết ngay trong ngày 19 tháng 7, 1786, như thế này : « Trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng 7, bọn giặc, tức là những kẻ đã lấy Vị-Hoàng, và hiện đang ở Hiên-Nam, đánh một trận với người Bắc-hà hầu như suốt cả đêm. Cuộc chiến đấu thật là kịch liệt giữa quân của Chúa và của Công Chính : ở Kẻ Vĩnh chúng tôi nghe được tất cả tiếng súng của họ. Quân Bắc-hà thua, chạy trốn, nhưng không chết nhiều » (2). Giáo sĩ Sérard, viết ngày 31 tháng 7 năm đó, càng nói rõ hơn nữa rằng : « Ngày 18, đoàn thuyền tiên phong mở buồm chạy về phía Phồ-Hiến, đèn dinh quan trấn thủ. Chúa chúng ta đã sai lực lượng đèn để chống. Hai bên đánh nhau từ sáu giờ tối cho đến quá nửa đêm. Quân chúng ta đã khôn ngoan khai chiến vào lúc chiều tối, để nhớ ra có thua thì đêm tối có thể trốn thoát được. Quân Nam-hà đánh mạnh nên làm cho quân ta tan vỡ và họ chiếm dinh quan trấn thủ ». (3)

Đến những câu chuyện *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí* chép một cách khôi hài như đoạn nói về sự dân chúng trả thù bọn kiêu binh sau đây, cũng chứa đựng đầy dẫy những sự thật lịch sử. Thật thế, nếu đọc *Ngô-Thời-Chí* xong, người ta đọc tiếp những điều giáo sĩ Sérard nói trong thư đã nhắc đến ở trên, người ta sẽ không lấy làm ngạc nhiên gì hết về những chi tiết *Ngô-Thời-Chí* thuật lại, hơn nữa, sẽ cho rằng những nét đó chỉ là những nét cụ thể mà một người đã trực tiếp thấy hay nghe về các việc xảy ra và đã tài tình ghi lầy. Lời của *Ngô-Thời-Chí* :

Nhân lúc rồi rít, dân gian rủ nhau đón đường cướp bóc, xe ngựa của tôn thất đại thần và các quan lại đều bị họ lột mất cả. Những người

(1) *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí*, trang 65.

(2) Dans la nuit du 18 au 19, les giặc qui ont pris Vị-Hoàng et sont à Hiên-Nam, ont eu une bataille avec les Tonkinois, qui ont duré presque toute une nuit. Le combat a été fort vif entre le parti royal et celui de Công Chính : Nous entendions à Kẻ Vĩnh tout le bruit de leur artillerie. Les Tonkinois ont le dessous ; ils ont pris la fuite, mais sans perdre beaucoup de soldats.

(3) Le 18, l'escadre d'avant fit voile du côté de Hiên vers le camp du gouverneur. Notre Roi avait envoyé des troupes par terre et par mer pour lui faire tête. Les deux armées se choquèrent depuis environ six heures du soir jusqu'à minuit. Notre brave soldat avait eu la prudence d'attaquer sur la fin du jour, afin de pouvoir en cas d'accident faire retraite à la faveur des ténèbres. Le Cochinchinois pressa tellement qu'il mit notre armée en fuite et s'empara du camp du gouverneur de la province.

trơ cái thân không mà chạy, không biết bao nhiêu. Còn bọn kiêu binh, sau khi tan vỡ, đều phải trốn ra các làng. Nhưng chúng đến đâu cũng bị dân quê kẻ tội kiêu lộng ngày trước và làm nhục nhã đủ đường, không có chỗ nào chứa chấp. Có người cỡi trần trùng trục hốt hoảng ở phía trong thành chạy ra, khi qua cửa ô, bị dân ở đó trông thấy, họ liền chỉ mặt và nói :

— Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng kiêu, lôi cổ nó lại mà đánh chết đi.

Người ấy vội đáp :

— Không phải, Ta là quan Huyện-úy huyện Thọ-Xương đây.

Mọi người cùng cười :

— Người ta vẫn bảo « ông huyện to bụng » thật không sai.

Người ấy cũng cười rồi đi.

Bữa ấy, lính Thanh lính Nghệ dắt nhau về quê đói khát chết ở dọc đường kẻ có hàng trăm. Riêng có chi phái nhà vua, và gia thần nội điện cùng những phường phủ quanh điện thì yên ổn như thường. (1)

Và lời của giáo sĩ Sérard : « Dân chúng đã bị phiền nhiễu nhiễu về cách cai trị của nhà Chúa, họ càng tức bực hơn vì những nổi quây rối lính tráng bắt Chúa phải chịu kể từ khi Chúa (Trịnh Tông) lên ngôi cho đến bây giờ. Bởi đó nay họ trả thù, họ đợi bọn đó dọc đường để lột quần áo, họ lột cả của vợ con bọn đó nữa. Đó là cách Trời phạt thói hách dịch của quân *Ba phủ*, trước kia họ chiếm chỗ nhất vì họ là lính cận vệ và chỉ họ mới có thể đến được gần Chúa, nay họ trở thành những kẻ rớt hết ». (2) Thêm vào đó, chúng ta nên đọc lời của giáo sĩ Le Roy, bây giờ đang ở làng Vĩnh-Trị : « Quân *Ba phủ* cũng bị nhục nhã đáng kiếp : bọn *quân kiêu* đó trước kia vênh váo như ông chúa, nay phải trốn tránh, mình trần trụi chỉ còn có dây lưng và hầu như không thể xin được một nắm cám để ăn cho khỏi chết đói. Người ta nói là các quan không muốn ủng hộ họ nữa, còn dân thì chán ngán về cách quây nhiễu của họ ». (3)

(1) *Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí*, trang 76.

(2) Les peuples sont ennuyés de la domination tyrannique de sa famille, et plus fatigué, encore des vexations que les soldats lui font souffrir depuis le commencement de son règne. Aussi prennent-ils leur revanche aujourd'hui en aillant ces soldats sur les chemins et les dépouillant même de leurs habits eux, leurs femmes et leurs enfants. C'est ainsi que Dieu punit l'orgueil des *Ba-phu* ils étaient les premiers, composaient la garde du Roi et étaient presque les seuls qui approchassent de sa personne ; aujourd'hui ils vont être les derniers.

(3) Les *quân Ba phủ* ont été aussi humiliés qu'ils le méritaient : ces *quân kiêu* qui tranchaient du grand seigneur, ont été obligés de s'enfuir.

GIA TRỊ QUYỀN HOÀNG-LÊ-NHẤT-THÔNG-CHÍ

Thiết tưởng bấy nhiêu đã đủ để làm chứng rằng quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí* có một nội dung chứa đựng chân lý lịch sử. Sách đã được trình bày một cách hết sức linh động, bằng những chi tiết cụ thể, nó kích thích tưởng tượng và cảm giác của người đọc khiến cho người đọc nhận thấy như mình đang đứng trước biên cổ. Thật là một tuyệt tác trong lời văn chép sử.

Dẫu vậy, quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí* không phải là một sử phẩm hoàn toàn đáng tin về mọi phương diện. Sự thực, thiết tưởng không có sử phẩm nào mà không bị một vài sai lạc xen vào, lời nhật ký vẫn có những chỗ yếu của lời nhật ký, và lời ký sự, như quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí* nói đây, cũng có những chỗ yếu của nó. Các cụ thời xưa, nhất là ở vào hoàn cảnh loạn ly, không có thói quen ghi lại từng ngày từng việc một đang xảy ra, nên khi các cụ cầm bút viết lại, chỗ các cụ dựa vào để lấy tài liệu, đó là kho trí nhớ của các cụ. Vẫn biết, theo lời học từ chương và cử nghiệp, trí nhớ các cụ đã được chịu nhiều huấn luyện, nhưng trong khi nhớ lại, nhất là vấn đề *ngày xảy ra biên cổ*, các cụ vẫn có thể nhớ sai ít nhiều. Đối với quyền *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí*, chúng tôi cũng ghi nhận được một vài chỗ sai về « ngày xảy ra biên cổ » như vậy, và xin nêu ra dưới đây.

Về việc quân Tây-Sơn đánh Thuận-Hoá, sau khi thuật các việc không may cho quân họ Trịnh ở Phú-Xuân, Ngô-Thời-Chí viết tiếp rằng : « Chiếm được Phú-Xuân, Bình (Nguyễn-Huệ) chia quân thừa thắng kéo ra lấy đồn Đông-Hải. Thủ tướng đồn ấy là Vị phái hầu cùng quan Hiệp-Đổng Ninh-Tồn trông thấy bóng giặc liền trốn. Thề là mất hết cả đất Thuận-Hoá. *Bây giờ là ngày 14 tháng 5 năm Bính-ngọ*, hiệu Cảnh hưng » (1). Theo cách nói ở đây, thời hiệu tác giả cho đó chắc chắn phải hiểu về ngày cuối cùng của việc quân Chúa Trịnh mất đất Thuận-Hoá. Tính ra dương lịch thì đúng ngày 10 tháng 6-1786.

Nhưng đọc thư của giáo sĩ có mặt tại Quảng-Trị khi việc Tây-Sơn đánh Thuận-Hoá xảy ra, thì việc này phải xảy ra từ ngày 13 đến ngày 18 tháng 6-1786. Đây là hai bức thư bỏ tức cho nhau về vấn đề ngày tháng. Thư của giáo sĩ Longer, một phần viết xong ngày 26 tháng 7, 1786, và một phần nữa viết xong ngày 3 tháng 5, 1787, có nói rằng : « Chiều ngày 13 tháng này, thủy quân, hay nói cho đúng hơn, các thuyền Tây-Sơn đã vào cửa bể dẫn đến dinh quan Trận-Phủ-Bắc-hà ở Phú-Xuân, tức là Huế. Ngày 15 họ đã làm chủ được tất cả những gì người Bắc-hà có trong tỉnh này, và họ đã giết hết người Bắc, chỉ trừ có vị quan lớn, đã bị trọng thương và đã chết dọc đường khi họ dẫn ông vào tỉnh Qui-Nhơn là nơi Vị-Bạo-Chúa (Nguyễn-Nhạc) ở. Ngày 18, họ đến Dinh-Cát, là chỗ chúng tôi có trường nhỏ

(1) *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí*, trang 62.

(Tiểu chủng viện) và có các giáo sĩ La Bartette, Girard. Chúng vài trăm thước cách chỗ tôi ở, họ đã giết chết một người Bắc ; người này đã cải trang ra người Nam, nhưng không may họ nhận được » (1). Trong thư này, chúng ta biết rõ ngày, nhưng không rõ tháng, vì tháng để sau đoạn này là tháng bảy, mà việc không thể xảy ra trong tháng 7. Đọc thêm thư của La Bartette, viết xong ngày 23 tháng 6, 1786, chúng ta sẽ thấy đầy đủ hơn. Giáo sĩ viết : « Từ Phú-Xuân đến sông Gianh chỉ trong năm ngày là mất hết. Người ta còn nghĩ rằng tất cả các người Bắc khác ở trong các đồn gần phía Bắc hà, chỉ có một số rất ít trốn được mà thôi. Lại đừng tưởng rằng những chuyện tôi kể cho ngài nghe đó xảy ra đã lâu. Đồn Phú-Xuân chỉ mới mất có năm ngày nay, và đồn Dinh-Cát, là chỗ tôi đang ở, thì mất hôm qua. Người ta nói Lũy Sáy đã mất ngày hôm trước ». Như thế, biến cố phải xảy ra trong tháng sáu. Về ngày, chiếu theo thư này, người ta có thể nghĩ là Dinh-Cát bị lấy ngày 22, Đồng-Hới ngày 21 và Phú-Xuân lùi 17, nếu người ta cứ hiểu chặt chẽ những tiếng « hier, avant-hier ». Nhưng chúng ta phải nhớ rằng, thói để ngày của thời trước là để ở cuối thư chứ không phải ở đầu thư ; lại một thư dài như thư của La Bartette, có thể viết rồi nghỉ rồi lại viết, chứ không phải viết cả thư một thôi. Bởi đó chúng tôi nghĩ rằng hai thư không chồng nhau trong vấn đề ngày, tháng. Người ta có thể ngạc nhiên tại sao Đồng-Hới bị lấy trước Dinh-Cát. Nhưng điều đó không lạ gì, vì thủy quân Tây-Sơn rời Phú-Xuân ra thẳng Đồng-Hới, còn bộ quân phải tiến dần dần để có thể lấy của cải ở các đồn dọc đường và để cướp bóc ở các làng hai bên đường nữa.

Bây giờ, so lại, chúng ta thấy *Hoàng Lê-Nhất-Thông-Chí* đã thuật việc họ Trịnh mất Thuận-Hóa sớm hơn chừng tám ngày.

Về việc Tây-Sơn ra Bắc-hà lần thứ nhất, chúng tôi nghĩ rằng thời hiệu của *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí* cũng không được đúng lắm.

Theo *Ngô-Thời-Chí*, thì Nguyễn-Hữu-Chỉnh đến Vi-Hoàng là ngày 6 tháng 6 năm Bính ngọ, tức là ngày 1 tháng 7, 1786. Ông không nói rõ ngày Nguyễn-Huệ vào Thăng-Long, nhưng đoán được ngày đó là ngày 27 tháng 6, bính ngọ, vì theo ông thì ngày 26, những « người nào bận việc quan, hoặc còn mắc có gì khác, chưa kịp ra thành ... cũng đều lật đật xách gói đội rương ra nột ». (2) Và ngày đó cũng không sau ngày 27, vì ngày 27 Trịnh Tông đã tự tử rồi. (3) Tính ra ngày 27 tháng 6, Bính ngọ tương đương với ngày 22 tháng 7, 1786.

Giáo sĩ Sérard, trong thư nhắc đến ở trên, nói dứt khoát ngày Nguyễn-Hữu-Chỉnh đến Vi-Hoàng. Ông viết : « Đoàn thuyền đó (của Chỉnh) xuôi buồm thuận gió ra bờ bể Xứ Nam và vào con sông dẫn đến kinh đô. Người ta không ai ngờ đến nỗi khi nghe tin cứ tưởng như là mộng chứ không phải sự

(1) Thư giáo sĩ Longer ở Quảng-Trị gửi cho giáo sĩ Blandin ở Paris.

(2) *Hoàng-Lê-Nhất-Thông-Chí*, trang 64. (3) Cùng sách đó, trang 73.

GIÁ TRỊ QUYỀN HOÀNG-LÊ-NHẬT-THÔNG-CHÍ

thật. Trong cùng một ngày đoàn thuyền vào cửa và lên đèn Vị-Hoàng lúc sáng sớm : Hôm đó là ngày 11 tháng 7, 1786 ». Thề rồi giáo sĩ cho biết rằng Nguyễn-Huệ đến ngày 17, ngày 19 lấy được Hưng-Yên, và ông thuật tiếp : « Mấy hôm sau ông đến gần kinh đô. Quân Bắc hà tấn công lần thứ hai, nhưng cũng thất bại như lần trước. Cuộc chiến đấu lại còn đổ máu hơn, tổn thất nhiều hơn, và bên địch thắng trận hoàn toàn hơn. Ngày 21, địch vào kinh đô, tay bồng súng cầm gươm ; ở đó tất cả đều loạn lạc. Việc vào thành kẻ ra dễ dàng, vì thành chỉ là một hàng rào tre và binh sĩ cùng nhà giàu trong khi chạy trốn đã bỏ cửa trông, Chúa thì trốn về phía núi và tự tử ở đó » (1).

Theo thiện ý của chúng tôi, cách thuật chuyện của giáo sĩ Sérard tỏ ra quá rành mạch, lại chuyện được thuật không lâu (chỉ có 10 ngày) sau khi việc xảy ra, nên thời hiệu chắc chắn là đúng với sự thật. Mà nếu thời hiệu của giáo sĩ đúng, thì thời hiệu của Ngô-Thời-Chí cũng không sai bao nhiêu. Về ngày Nguyễn-Huệ vào Thăng-Long, chúng ta thấy hai bên cách nhau chỉ có một ngày : Sérard ngày 21, Ngô-Thời-Chí ngày 22. Việc Nguyễn-Hữu-Chỉnh đến Vị-Hoàng cách nhau đến 11 ngày giữa hai bên ; nhưng biết đâu sự thực Ngô-Thời-Chí đã chép ngày đó là « thập lục », và rồi người sao lại hay người dịch nhìn lầm ra « lục ». Giả sử ngày đó là « thập lục », thì sự cách nhau cũng chỉ một ngày mà thôi.

Trên đây, chúng tôi đã tìm hiểu và đã nêu lên giá trị của quyền *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí*. Chúng tôi thấy rằng sách đó là một tập sử chứ không phải là một quyển tiểu thuyết. Như vừa trình bày, tác phẩm của Ngô-Thời-Chí, Ngô-Du, không phải là không có một đôi chi tiết không được đúng, nhưng sự không được đúng này thuộc về phạm vi lầm lẫn một quyển sử chứ không phải ở trong cương giới của một tập tiểu thuyết. Một viên ngọc thật bị vầy bẩn, khi đem rửa đi, nó sẽ là một viên ngọc thật vừa đẹp vừa quý ; một viên ngọc giả bị vầy bẩn, dầu có rửa mấy, nó cũng cứ là một viên ngọc giả. Lịch sử và tiểu thuyết khác nhau không phải chỉ về hình thức trình bày, mà về loại. Căn bản của lịch sử và chân lý, căn bản của tiểu thuyết là tưởng tượng. Khi viết sử, sử gia phải dùng đến tưởng tượng để hình dung cho đúng quá khứ, nhưng đó là dùng để *tái tạo*, chứ không phải để *sáng tạo*. Thấy sự quan hệ ở chỗ khác nhau đó, chúng tôi đã cố nhận định rõ ràng và nói rằng quyển *Hoàng-Lê-Nhật-Thông-Chí* là một tập sử.

NGUYỄN-PHƯƠNG

(1) Cette flotte, voguant ensuite à pleines voiles, est arrivée sur les côtes de la province de Xur Nam, et est entrée dans le grand fleuve qui conduit à la ville royale. On l'attendait si peu que le bruit qui s'en répandit parût plutôt un songe qu'une réalité. Le jour même de son entrée dans le port elle arriva de bon matin à Vi-hoang : c'était le 11 juillet 1786... Quelques jours après, il approcha de la ville royale. L'armée tonquinoise fit une deuxième attaque, mais avec aussi peu de succès que la première fois. Le combat fut même plus sanglant, la perte plus considérable, et la victoire plus complète pour l'ennemi, qui dès le 21, entra le fusil et le sabre en main dans la capitale, où tout était en désordre. La chose était facile, les remparts n'étant que des haies de bambous, les soldats et les bourgeois prenant la fuite et laissant les portes ouvertes. Le roi enua (espèce de maire du palais) s'est sauvé dans les montagnes, où il s'est donné la mort.

xin xem *Bách-Khoa* các số 137, 139, 140

các giải văn chương ở miền Nam nước Việt

NGUYỄN-HỮU-NGU

Như chúng ta đã thấy, miền Nam là nơi khởi xướng giải thưởng Văn chương toàn quốc trước nhất, nhưng lại không thu được một kết quả nào.

Miền Bắc đề xướng sau, mà có kết quả mi măn, đó là giải *hội Khai-Trí Tiến-Đức*, rồi giải *văn-đoàn Tự-Lực*.

Trong vụ này, nói như ai, « nếu ánh sáng phát xuất từ phương Nam, thì nêu nó lên cao và làm nó tỏa rộng, lại là miền Bắc ». Và khi giải *Tự-Lực* văn đoàn vì thời thế mà đành bỏ cuộc, thì cũng đến lúc miền Nam đứng lên tiếp sức.

Vai trò này trước là do hai hội học ở Nam-Kì lãnh, *hội Khuyến học Nam-Kì* và *hội Khuyến học Cần-Thơ*, rồi đến hai tư nhân : được sự *Trần-Kim-Quang* với giải *Đồ-Chiến* và nhà kinh doanh *Võ-Tuấn-Khanh* với giải *Nam-Xuyến*.

Trong khoảng giữa, có giải của chánh quyền Pháp ở Việt-Miên-Lào, giao cho một hội học của họ, *hội Alexandre de Rhodes* ở Bắc đảm nhận.

Chúng tôi sẽ xin nói đến giải này sau chót, để các bạn có cái nhìn tổng quát và nhất trí về các giải văn chương ở miền Nam nước Việt.

Giải Khuyến học Nam-Kì

Hội Khuyến học Nam-Kì là một hội học ra đời từ năm 1907, được thức giả biết với tên Pháp hơn là với tên Việt : *Société d'Enseignement mutuel de la Cochinchine*. Ta có thể cho rằng đây là một hội Trí-Tri miền Nam. Song trước 1941, không ai để ý gì đến sự sống còn của nó, — nói chỉ đến cái giá trị của nó — vì nó không có hoạt động gì đáng

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

kể. Chỉ từ năm 1941, ban Trị sự mới gồm những nhà văn, nhà giáo, nhà báo, nhà học có tâm huyết với văn chương nước nhà, tích cực hoạt động về văn học khiến hội có uy-tín từ Nam, rồi lần ra Trung, ra Bắc, cho nên giải Văn chương của hội nhờ đó mà được giới trí thức toàn quốc đương thời chú ý.

Chúng tôi xin kể vài vị : các ông Đoàn-Quan-Tấn, hội trưởng, chủ trương tạp chí « Nay » và tuần báo « Đồng-Nai », mười sáu năm sau được mời làm chủ tịch Hội đồng Văn chương toàn quốc kì nhất ; Cung-Giũ-Nguyên, viết tiểu thuyết Việt và Pháp ; họa sĩ kiêm văn sĩ Nguyễn-Phi-Hoanh ; nhà văn. Chim-Hải-Yến ; Nguyễn-Xuân-Quang, học giả ; Lê-Ngọc-Trụ, nhà ngôn ngữ học vừa được giải nhất về bộ môn biên khảo trong giải Văn chương toàn quốc vừa rồi với cuốn « Việt-ngữ chánh tả tự vị ».

Và ngay trong phiên họp thứ nhì của ban Trị sự mới, ngày 31 tháng ba năm 1941, ông hội trưởng Đoàn Quan-Tấn nhận cần phải hồi-sinh sự hoạt động của hội vốn chẳng có chi từ trận thế chiến thứ nhì bắt đầu, đề-nghị với ban Trị sự tặng mỗi năm vào dịp trước Tết một giải thưởng Văn chương từ 200 đ. đến 300 đ. cho quyển sách nào ban Trị sự xét là hay nhất viết bằng chữ Việt, hoặc là về văn học tổng quát (tiểu-thuyết, kịch trường, thi ca, phê bình, tiểu luận, sử kí, địa lí, triết học), hoặc về khoa-học phổ thông, hoặc về những sách dịch văn Pháp hay văn ngoại quốc khác.

Ban Trị sự sẽ chỉ để ý đến những tác phẩm mà những ý tưởng không đụng

chạm đến những thuần phong mỹ tục và được diễn tả một cách phong nhã, tự nhiên và chính xác. Trong phạm vi khiêm tốn của mình, hội mong giúp cho sự nảy nở một nền văn chương trẻ trung bắt nguồn vừa ở tiền bộ vừa ở truyền thống của dân tộc.

Toàn thể nhân viên ban Trị sự chấp thuận đề nghị của ông hội trưởng, ghi vào biên bản và sẽ họp mỗi tháng vào chiều thứ năm tuần ba trong tháng để cho nhau biết ý kiến mình về các sách đã chọn đọc.

Rồi đến kì họp ngày 17 tháng tư, hội đặt điều lệ như sau :

— Về năm 1941, một giải 200 đ. dành thưởng cho một tác phẩm Việt xuất bản trong ba năm 1939, 1940 và 1941 ;

— Tác giả sẽ là một người mới bước chân vào làng văn hay một văn sĩ có tiếng ;

— Ban Hội đồng sẽ gồm có ban Trị sự hội và những người có thẩm quyền do ban Trị sự chọn.

— Nhân viên của ban Trị sự không được dự thi ;

— Dơ tay hay bỏ thăm kín để định tác phẩm được giải.

Đến phiên họp ngày 16 tháng 5, có những cuộc bàn cãi và quyết định quan trọng.

Trước hết, ông thủ thư Nguyễn-Xuân-Quang đưa ra nhận xét nên làm nhẹ bớt công việc của ban Trị sự bằng cách chỉ chọn những sách xuất bản trong năm 1941 mà thôi.

Ông Quang đưa ra ý kiến sau đây mà ông rào trước là không vì óc địa phương

chặt hẹp : tương hội nên (ít nhất là mấy năm đầu) dành phần thưởng hằng năm cho các nhà văn Nam-Kì, vì những lí lẽ sau đây :

— Hạn định phạm vi hoạt động của hội Khuyến học Nam-Kì, mà như tên đã chỉ, vốn là một hội của Nam-Kì ;

— Bắc-Kì có nhiều hội cho giải thưởng Văn chương, và tương đối có nhiều nhà văn có tài và « nổi tiếng » hơn ;

— Giải thưởng hội Khuyến học Nam-Kì sẽ là giải đầu tiên được lập ở Nam-Kì, và lại văn sĩ địa phương vốn có ít, thì giải sẽ gây sự ganh đua cho những văn tài Nam-Kì vậy.

Ông đệ nhị phó hội trưởng Cung-Giữ-Nguyên cho rằng « ngôn ngữ ở nước An-Nam đã thống nhất thì phân chia về hành chánh là điều nên tránh ».

Sau những cuộc trao đổi ý kiến, ban Trị sự chấp nhận những điều sau đây :

— Giải Văn chương năm 1941 của hội sẽ dành cho một tác phẩm xuất bản từ ngày 1 tháng 1 năm 1941 ;

— Tác giả quyển sách được trúng giải sẽ không phải là một nhà văn thuộc nhóm « Tự-Lực văn đoàn » (vì tên tuổi họ đã vững vàng rồi, và do đó chẳng cần được ai khuyến khích), cũng không phải là một nhà văn đã được giải văn chương nào rồi.

Rồi sau đó lần lượt mỗi người giới thiệu một tác phẩm, và trong phiên họp ngày 18-1-1942, sau khi bàn xét về cái hay của tám tác phẩm được đề ý, ban Trị sự bỏ thăm và kết quả như sau :

Vòng đầu : hai thăm cho *Quê mẹ* của Thanh-Tĩnh.

Vòng hai : một thăm cho *Thêm nhà cũ* của Nguyễn-Xuân-Huy.

Vòng ba : ba thăm cho *Cô tư Hồng* của Hồng-Phong. (1)

Vòng bốn : ba thăm cho *Trên đường sự nghiệp* của Nguyễn-Công-Hoan.

Vòng năm : năm thăm cho *Người bạn gái* của Thiếu-Sơn.

Vòng sáu : năm thăm cho *Một nền giáo dục Việt-Nam mới* của Thái-Phỉ.

Vòng bảy : sáu thăm cho *Lều chõng* của Ngô-Tất-Tổ.

Vòng tám : tám thăm cho *Chờng con* của Trần-Tiêu.

Tiểu thuyết *Chờng con* được đa số thăm, trúng giải thưởng Văn chương của hội Khuyến học Nam-Kì năm 1941 (2), giải mà ban Trị sự định là hai trăm năm chục đồng.

Chúng tôi tưởng nên ghi lại vài điều nhận xét nhỏ này :

Người giới thiệu quyển *Chờng con* là bà Nguyễn-Thanh-Long, một phụ nữ trí thức tân tiến, một nhà mô phạm đáng trọng, đã từng dự vào những cuộc hoạt động xã hội trong Nam, lúc bấy giờ làm hiệu trưởng trường nữ tiểu học Tân-Định, và cũng giữ chức ấy (tên trường nay đổi là Đồ-Chiếu) cho tới gần đây.

(1) Một bút hiệu của Đào-Trình-Nhất.

(2) « Vì những đức tánh vững vàng về hình thức cũng như về nội dung » (dịch bản thông cáo gửi cho các báo Pháp)

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

Và tác giả được giải đầu tiên của hội Khuyến học Nam-Kỳ, tuy không phải là ở trong văn đoàn Tự-Lực, nhưng lại ở trong nhóm. . . . Phong-Hoá, Ngày-Nay, lại là em ruột của Khái-Hưng, một nhân viên của Tự-Lực văn đoàn, và sách lại do nhà Đời-Nay xuất bản.

Trong tám tác giả mà tác phẩm được ban trị sự hội Khuyến học Nam-Kỳ chú ý, Nam không có người nào, Trung có một, Bắc có đến bảy.

Và sau đây là bức thư gửi cho nhà văn trúng giải đầu tiên.

Sté. d'Enseignement mutuel
de la Cochinchine
98, Bd. Gallieni
SAIGON

Saigon, 1^{er} Avril 1942

Cùng ông *TRẦN-TIÊU*
ở làng Cổ-Am
phủ Vĩnh-Bảo
hạt Hải-Dương
BẮC-KỲ

Kính thưa Ngài,

Nhơn danh hội Khuyến học Nam-Kỳ, chúng tôi xin có tin mừng cho Ngài rõ.

Số là hội chúng tôi dự định mỗi năm phát một giải thưởng cho tác phẩm văn chương nào đáng chú ý hơn hết.

Giải thưởng năm 1941, lại là thưởng đầu tiên của chúng tôi, đã về phần Ngài, tác giả tiểu thuyết «Chồng con»

Thưa thật với Ngài, số tiền thưởng ấy cũng chẳng đáng là bao, chỉ có hai trăm năm chục bạc thôi ! Ấy vì tài chính của hội chúng tôi không dồi dào như ý chúng tôi muốn.

Chúng tôi cầu chúc cho Ngài, trên con đường văn chương, tiến bước mãi mãi.

Hội trưởng hội Khuyến học Nam-Kỳ
ĐOÀN-QUAN-TẤN

Lạ lùng nhất là ban Hội đồng đã đồng ý trên nguyên tắc không tặng giải cho một tác phẩm nào của nhóm Tự-Lực văn đoàn vì nhóm này có tên tuổi, và chẳng cần được khuyến khích, ấy đó mà ngoài việc Hội đồng đã cho giải như

chúng tôi vừa nói, bà Nguyễn-Thanh-Long trong tờ phúc trình về quyển « *Chồng con* » của Trần-Tiêu (1), lại kết luận : (chúng tôi in xiên) :

« *Tặng ông Trần - Tiêu, là tặng cả « nhóm Tự-Lực văn đoàn hơn mười năm « nay mãi lo khai minh những cái xấu xa « của xã hội Annam, cốt ý cải lương phong « tục xứ nhà cho hợp với thời buổi Dân « hèn nước sao mạnh được ?*

« *Một quyển sách đã khéo về mặt văn « chương, lại đầy ý nghĩa, và khiến cho ta « suy nghĩ bộn bề tôi tưởng sách ấy đáng « cho hội Khuyến-học Nam-Kì ghi vào bảng « để cuối năm tranh giải thưởng của hội».*

Năm 1943, trong phiên họp ngày 21 tháng giêng, Hội đồng Giám khảo không tặng giải năm 1942 cho một tác phẩm như năm trước, mà tặng cho ba tác phẩm mà ban Hội đồng xét giá trị hơn kém gần ngang nhau (2).

Đó là quyển « *Tôn-Thọ-Tường* » của Khuông-Việt Lý-Vinh-Khuôn, quyển « *Triết học Bergson* » của Lê-Chí-Thiệp và đặc biệt, « quyển » thứ ba là một... bản hát : « *Sông Bạch-Đằng* », nhạc của Lưu-Hữu-Phước, lời của Mai-Vân-Bộ và Nguyễn-Thành Nguyên, cả ba đều là người Việt miền Nam (dân Hậu Giang) và đều là sinh viên Đại học Hà-Nội, và bộ ba này vốn là bạn thân với nhau từ các trường Trung học Cần-Thơ và Trương-Vinh-Kí.

Tóm tắt giá trị của ba tác phẩm được giải, ông hội trưởng Đoàn-Quan-Tấn có nói như sau trong tờ « Phúc trình về mặt tinh thần » cho năm 1942 :

Tôn-Thọ-Tường (3) : quyển sách nhỏ về sử, kết quả nhiều công phu tìm kiếm bền bỉ và có lương tâm.

Triết học Bergson (4) : trình bày giản dị, hành văn dễ dàng, tài liệu xác đáng, sách ra đời hợp thời : phổ biến cho đồng bào một chủ nghĩa dạy ta yêu sự hành động và niềm vui sống.

Sông Bạch-Đằng (5) : bài hát lịch sử mà khi ban nhạc sinh viên trình diễn ở nhà hát Tây Sài-Gòn như dịp sinh viên từ Hà-Nội vào Sài-Gòn viếng Hội Chợ Triển lãm, « đã chinh phục ngay cử tọa An-Nam » và đáng khen ở điểm đã gây cho người nghe « một luồng hăng hái nam nhi ». (6)



Năm 1943, giải về một ông thạc sĩ và một ông bác sĩ : ông Hoàng-Xuân-Hân ở Bắc (7) với quyển « *Danh từ khoa học* », và ông Lê-Văn-Ngôn ở Nam với quyển « *Bệnh ho lao* ».

« *Danh từ khoa học* » là một công trình thuộc loại « mở đường khai lối ».

(1) Chúng tôi xin nhắc lại : Trần-Tiêu là em ruột Khái-Hưng, không có chân trong Tự-Lực văn đoàn, nhưng là người của nhóm Phong-Hóa — Ngày-Nay, và « *Chồng con* » do Đời-Nay xuất bản năm 1941, giá 0đ,90.

(2) Nguyên văn : trois ouvrages de valeur sensiblement égale.

(3) Do Nguyễn-Xuân-Quang giới thiệu.

(4) Do Ngô-Quang-Huy giới thiệu.

(5) Do Đoàn-Quan-Tấn giới thiệu.

(6) Nguyên văn : un souffle d'enthousiasme viril. Bản nhạc này do Trần-Văn-Khê giới thiệu với công chúng và điều khiển cuộc trình diễn.

(7) Nhưng vốn người Trung.

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

« *Bệnh ho lao* » là cuốn sách đầu tiên viết về khoa học bằng một lối văn giản dị, lời cuốn (1).

Và cả hai quyển đến nay đã tái bản đến lần thứ năm.

Hai quyển này là hai quyển biên khảo rất công phu, trong đó lòng thiết tha của hai soạn giả đối với tương lai đất nước được thấy rõ.

Sự chọn lựa này của ban chấm giải đã gây sóng gió trong phiên đại hội thường niên (tháng 3 năm 1944). Một phần tư hội viên đã kêu nài đòi từ đây giải thưởng của hội Khuyến học Nam-Kì chỉ để riêng cho văn nhân và học giả Nam-Kì, để cho « danh có chánh, ngôn mới thuận » vì « nhà văn Nam-Kì đang cần khuyến-kích ». Ba phần tư kia kịch liệt phản đối lại, cho đó là « có óc địa phương », là « gây mầm chia rẽ », là « thiếu tinh thần hiệp nhất ».

Qua năm 1944, giải thưởng về một người chiến sĩ xã hội trở thành học giả : ông *Phan-Văn-Hùm* với quyển *Vương-Dương-Minh*.

Ta hãy nghe nhận xét của ban chấm giải :

« *Vương - Dương - Minh*, một môn đệ trứ danh của đức Khổng-Tử, vừa là nhà triết học, thi sĩ, vừa là tướng soái. Chính ngài mạnh bạo đem tài học quảng bác của mình để canh tân Nho giáo.

« Quyển sách trên đây chép lại tiểu sử và giải thích học thuyết của ngài, được hội Khuyến-học thưởng, về :

(1) Năm 1944, lại được giải Gia-Long của hội Alexandre de Rhodes.

« — cách bố trí rõ rệt mà đến nay, vì thiếu phương pháp tra cứu theo phương Tây, nên các nhà chuyên chép tiểu sử và phê bình ở xứ ta chưa đạt tới ;

« — dịch thuật đứng đắn ;

« — hành văn gọn, rõ và chặt chẽ (nhưng có vài trường văn tắt quá) ;

« — so sánh rất đúng nhiều điểm tương tự nhau trong triết học Vương-Dương-Minh với triết học phương Tây... »

Đây là giải thưởng cuối cùng của hội Khuyến-học Nam-Kì. Và giải thưởng này được nhiều người nhắc nhở, vì giá trị của tác phẩm được giải, vì cá nhân của tác giả, và vì thái độ phục thiện nhà nhận của nhà học giả xấu số họ Phan này, thái độ mà học giới thường nói đến.

Nguyên ban trị sự của hội Khuyến-học có gửi bài trình về quyển « *Vương-Dương-Minh* » do ông Ba-Xuyên viết lên Phan-Văn-Hùm lúc bấy giờ bị nhà cầm quyền Pháp giam lỏng ở Tân-Uyên (Biên-Hòa), trong đó ngoài những lời khen nồng nhiệt, người phê bình có vạch một số khuyết điểm khá nặng của tác giả. Xem xong, họ Phan có bài thơ sau đây gửi đến người phê bình :

« *Pháp văn nghiên ngẫm mấy mươi năm,*

« *Văn pháp còn bao chỗ tối tăm,*

« *Hán tự mình cần tìm học lấy,*

« *Lấy đầu tránh được hiểm không nhằm.*

« *Cám ơn dạy bảo bao lời*

« *Vén mây cho thấy lưng trời, công ai !*

Không khí chánh trị từ mùng 9 tháng ba 1945 khiến mọi hoạt động văn chương đều tạm nghỉ. Ít năm sau, hội Khuyến-học

có hồi sanh, nhưng hoàn cảnh và phương tiện không cho phép hội tiếp tục việc làm ý nghĩa như trước nữa.

* *

Giải Đờ-Chiêu

Năm 1943, nhân dịp lễ truy niệm thi hào Nguyễn-Đình-Chiêu, một nhà trí thức có hàng tâm hăng sản là ông Trần-Kim-Quan (1) treo một giải văn chương hằng năm, lấy tên là « Giải Đờ-Chiêu ». Tiền giải là 500 đ. và giao quyền khảo sát cho hội Khuyến-học Nam-Kì.

Đặc biệt là hội Khuyến-học ra đầu đề cho những ai muốn dự giải theo đó mà viết hoặc luận bàn.

Thông cáo đăng ở các báo ngày 22-7 1943 cho ta biết:

Đề thi: « Khảo cứu và luận về Đờ-Chiêu với Lục-Vân-Tiên ».

Hạn nộp bản-thảo: trước ngày 1-2-1944 (tức 6 tháng 9 ngày).

Hạn trang: ít nhất 100 trang; nhiều nhất 300 trang.

Giải chỉ dành riêng cho người Việt sanh trưởng ở Nam-Kì và sẽ phát vào ngày giỗ cụ Đờ-Chiêu.

Có lẽ vì thời hạn hơi gấp, mà sách dự thí gồm hai đề, nên vốn vẹn chỉ có hai tác phẩm gởi đến.

(1) Ông là một người rất sốt sắng với công cuộc xã-hội, thanh niên, nên rất được giới trí thức, học sinh và sinh viên miền Nam mến chuộng. Ông đã góp một tay đặc lực vào các cuộc Truyền bá quốc ngữ, Truyền bá vệ sinh và tân y học, các đêm hát lịch sử của sinh viên, trại Thanh niên ở Suối Lồ. (1943-44).

Một của ông *Lục-Y-Lang*, ở Gia-Định.

Một của ông *Từ-Quang* (tức *Lư-Khê*) ở Sài-Gòn.

Cả hai đều là nhà giáo.

Ban chấm giải định không phát giải, vì xét hai tác phẩm dự thi không có đủ tánh cách để được giải. Nhưng sau bàn đi xét lại (có ông Trần-Kim-Quan dự thính), hội truất phân nửa tiền giải thưởng, để tặng công khó của hai người dự thí.

Ông *Lục-Y-Lang* được 150 đ.

Ông *Từ-Quang* (tức *Lư-Khê*) được 100 đ.

Kết quả có tánh cách « an ủi » này không làm « nhị vị cử tử » bằng lòng. Cả hai đều có thư phản nản nhờ tuần báo « Hạnh-phúc » đăng.

Ông *Lục-Y-Lang*, trước kia hi vọng được trọn giải 500 đ, nay thất vọng ẻ chề, tủi thẹn:

« Từ đây tạm lánh nghề văn sĩ,

« Sắp tới trau giồi chức giáo sư.

« Quyết chí chuyên cần trong việc học,

« Hư danh bỏ quách chẳng ngần ngừ ».

Ông *Từ-Quang* thì cho rằng:

« Tiền thưởng ấy không làm cho họ thêm được chút danh dự gì. Trái lại thì có. Bởi, nếu sách không có giá trị thì thưởng làm chi? Mà nếu tác giả nó không có công phu thì làm gì lại thưởng? »

Rồi ông tiên đoán rằng cuộc thi năm tới sẽ không người dự (vì ban Giám khảo đã tỏ quá gắt gao).

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

Thật ra, năm sau, cũng chỉ có hai người dự thi, nhưng chẳng người nào được giải, cũng chẳng ai được khuyến khích. Bài dự thi «giải Đồ-Chiếu» ra năm 1944, vốn là một cuốn tiểu thuyết có ý nghĩa vịn theo hai câu thơ của cụ Đồ-Chiếu trong Lục-Vân-Tiên :

« Trai thời trung hiếu làm đầu,

« Gái thời tiết hạnh là câu trau mình ».

Tiền giải hai năm trước dồn vào năm thứ ba, lên đến 1250 đ. (giải lớn nhất thời tiền chiến), song chẳng có một ai dự thi. Công cuộc giải phóng nước nhà đã làm mọi người gạt qua bên « Một gương nghĩa-sĩ », để thi ra khoảng đầu năm 1945.



Giải « Thủ khoa Nghĩa » của hội Khuyến-học Cần-Thơ

Trường hợp hội Khuyến-Học Cần-Thơ cũng giống như hội Khuyến học Nam-Kì.

Cũng là một hội học, ban đầu tiêu cực, không mấy ai để ý. Rồi một nhóm trí thức trẻ, hăng, vào ban Trị sự, tiêm cho hội một luồng sinh khí mới.

Bác sĩ Lê-Văn-Ngôn (1) đóng ở hội Khuyến-học Cần-Thơ vai trò ông Đoàn-Quan-Tấn ở hội Khuyến-học Nam-Kì. Tập kỉ yếu của hội — vắng mặt từ năm năm — nay lại chào đời (2), nhân dịp Tết giáp-thân và mang cái tên là « Xuân Tây đô ». Số hội viên từ 20 tăng lên 123. Hội tổ chức lễ truy niệm cụ thủ khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, tác giả vở tuồng « Kim-Thạch Kì-Duyên », và quyên tiền trùng tu phần mộ tiêu điều của

cụ tại Bình-Thủy, cách Cần-Thơ năm cây số. Những cuộc nói chuyện về lịch sử, về văn chương, về thực nghiệp..., được báo chí Nam và Bắc nói đến, những văn nhân học giả có chân tài quây quần chung quanh ông tân hội trưởng Lê-Văn-Ngôn như : Tổ-Phang (3), Trục-Thần (4), Tây-Đô Cát-Sĩ (5), Lê-Đằng-Côn, họa sĩ Nguyễn-Văn-Mười... đã làm cho hội được thức giả Nam-Trung-Bắc chú ý và tín nhiệm. Cho nên giải thưởng của hội, lấy tên *giải thủ khoa Nghĩa*, tuy phát xuất ở Hậu-Giang, nhưng có tiếng vang toàn quốc.

Ban trị sự đã gặp hai trở ngại trong việc tổ chức giải này.

Một là quỹ của hội chỉ còn có 80đ. 93, mà tiền giải định là 300đ. May thay, buổi hát tổ chức để lấy tiền làm giải đem lại cho hội số bạc 365đ. Và sau, được vài cơ quan ủng hộ.

Hai là vì mục đích của « giải thủ khoa Nghĩa » là khuyến khích những tài năng chưa ai biết và giúp phần nào cho nền văn nghệ miền Nam vốn còn trong trứng nước được nẩy nở, nên hội chỉ chăm sáng tác phẩm chưa in của những nhà văn miền Nam mà thôi. Điều này khiến nhiều người trích hội có dã tâm muốn đào sâu thêm cái hố chia rẽ đã có sẵn giữa người Việt miền Nam và người Việt miền Bắc. Lờn buộc tội này đã được ông hội trưởng kịch liệt bài bác trong bài diễn văn khai

(1) Vốn là em nhà văn Thọ-Xuân Lê-Văn-Phúc.

(2) 1943

(3) Sau này lấy biệt hiệu : Thuần-Phong.

(4) Thời hậu chiến, kí : Tam-Đức

(5) Tức giáo sư Nguyễn-Văn-Kiệt

mạc buổi lễ phát phần thưởng năm đầu, ngày 24-6-1944.

Và theo lời ông chủ tịch hội đồng Giám khảo thì về giải năm 1943, hội nhận được 28 bản cáo, trong đó có 1 tập vận văn, 15 quyển tiểu thuyết, 5 tập truyện ngắn, 1 quyển phóng sự, 1 quyển kí sự, 3 quyển nghị luận, và hai quyển khảo cứu.

Ban giám khảo (1) đã cố ý cho phần nội dung trội hơn phần hình thức vì « một quyển văn chương hay chỉ được thưởng thức nhứt thời ; mà một tác phẩm được trường cửu là nhờ tư tưởng mới mẻ, cao siêu, nhờ quan sát tinh tường thấu đáo » (2).

Ban giám khảo đặc biệt chú ý đến những tác phẩm phản chiếu phần nào cuộc sống và những đặc tánh của dân tộc.

Hai quyển được giải là :

Đồng quê (giải nhất) của *Phi-Vân*.

Truyện năm người thanh niên (giải nhì) của Nguyễn-Ngọc-Tân.

Đồng quê là một tập phóng sự về cuộc sống ở đồng quê miền Hậu-Giang (nhứt là miền Bạc-Liêu, Cà-Mau), trình bày theo lối đoản thiên tiểu thuyết. Những trạng thái biến đổi cuộc sinh hoạt hằng ngày ở thôn quê được tả trong phần đầu, phần nhì đặc sắc ở chỗ « khéo tạo ra một nhân vật chính có tánh cách chung của một người trai Việt-Nam và tánh cách riêng của một chàng trẻ tuổi ở miền đồng ruộng Nam-Kì » (2).

Tác giả đã quan sát rất kĩ càng, lại kể với một giọng thành thật, tự nhiên, không rườm rà mà đầy đủ, lại có duyên. *Đồng quê* là một « *nông kịch* » chia ra nhiều

lớp : có hồi hộp, có vui cười, về sau rồi kết cuộc rất thương tâm, khiến cho độc giả phải ngậm ngùi cảm động » (2). Đặc biệt là tác phẩm này gọi cho người đọc cảm thương cho hạng người chân lấm tay bùn, mộc mạc, siêng năng, nhưng mãi kiếp là nạn nhân của lớp chủ điền giàu, ác.

Truyện năm người thanh niên là một quyển xã hội tiểu thuyết, viết theo thể thư từ. Năm người trai độ 25, 26, có thể đại diện cho hạng thanh niên tân học lúc bấy giờ, viết thư cho nhau mà tỏ tâm tình, tư tưởng mình đối với cuộc đời, với xã hội. Ta thấy họ thốn thức bản khoán trước cảnh buồn của thực tế.

Nhưng quyển này có chỗ khiếm khuyết là kết cấu quá đột ngột và lối hành văn ở mấy đoạn sau có hơi hấp tấp.

Truyện năm người thanh niên, sau này, tác giả có sửa chữa lại và thêm thắt để sát với thời cuộc hơn (thời Nhật-thuộc và kháng chiến) và giao nhà *Tự-Quyết* xuất bản, năm 1955, dưới bút hiệu *Phạm-Thái*.

Thời cuộc đất nước sau đó không cho hội Khuyến-học Cần-Thơ tiếp tục trao giải, thành giải phát năm ấy là giải đầu mà cũng là giải cuối. Nhưng quyển *Đồng quê* được in lại tới bốn lần, và lại được dịch ra Hoa-văn, lấy tựa là « Nguyên dã », tưởng đó là điều mà hội học ở thủ đô Hậu-Giang có thể tự hào. Và buổi lễ

(1) Ban Giám-khảo gồm các ông : Lê-Văn-Ngôn, Nguyễn-Văn-Kiệt, Tò-Phang, Trục-Thần, Lê-Đặng-Côn.

(2) Trích bài « Lược trình chấm thi » của ông Nguyễn-Văn-Kiệt, chủ tịch ủy ban Văn chương của hội ; tạp chí *Tri-Tân*, số 150 ngày 18-7-1944.

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

phát giải long trọng, với sự có mặt các nhân sĩ Hậu-Giang và một số nhà văn nhà báo Sài-Gòn, đã đánh dấu một cách rõ ràng việc làm đầy ý nghĩa của hội.

* *

Giải Nam-Xuyên

Năm 1944, nhà xuất bản Nam-Xuyên ở Sài-Gòn, do Lê-Tràng-Kiều chủ trương, có tổ chức giải văn chương hằng năm, theo ý một nhà Mạnh-Thường-Quân, ông Võ-Tuấn-Khanh.

Mục đích giải Nam-Xuyên là khuyến khích các nhà văn toàn quốc và giúp các nhà văn trúng giải xuất bản tác phẩm của họ (dĩ nhiên là họ giữ bản quyền).

Năm đầu, nhà Nam-Xuyên treo giải về tiểu thuyết; năm sau, định phát cho loại khảo cứu. Nhưng cũng như *Giải thủ khoa Nghĩa*, giải Nam-Xuyên vì thời cuộc chỉ phát có một lần. (1).

Kết quả tuyên bố vào tháng 8 năm 1944.

Giải nhất: (500 đ.) Mùa hoa mới (nói về các thiếu niên học sinh mới ra

trường, vào đời, đi tìm phương hướng). Tác giả: ông Minh-Dán, một giáo học ở Vụ-Bản, Nam-Định.

Giải nhì: (350 đ.) Cây đàn Chiêu-Quân (viết bằng văn vần, ca tụng những đức tính của người đàn bà phương Đông), Tác giả: ông Th. Q. Hoàng-Đức-Tấn, ở Hà-Nội.

Giải ba: (200 đ.) chia làm đôi cho:

● *Cơn ác mộng* của ông Nguyễn-Văn-Xuân (2), ở Sài Gòn, cực tả con người vì lòng ham muốn quá độ mà lâm vào vòng tội lỗi.

● *Thạchsươngbồ* của ông Nam-Phổ (3), ở Sài Gòn, tả rõ tất cả thắng cảnh ở Huế mà theo tác giả đều được thơm như thứ cỏ thơm tên: thạchsươngbồ.

Giải tư: (50 đ.) có bốn giải, cho:

● *Tuổi trẻ* của Pucho Nguyễn-Hữn Phước, ở Thủ-Dầu-Một, viết về quãng đời hoa niên rất nghịch ngợm của học sinh lưu trú.

● *Bệnh học* của Dương-Từ-Giang, ở Hà-Tiên, cho ta thấy cái hại mà những người chỉ có biết học và học phải chịu.

● *Gánh giang san* của Mễ-Nhân (4), ở Hà-Nội, tả người đàn bà hoàn toàn Việt-Nam hết sức hi sinh cho chồng con mà chỉ gặp toàn những điều bất như ý.

(1) Số tác phẩm gửi dự thi được 24.

(2) Tức nhà văn đất Bắc Thiết-Can, tác giả « Dã tràng », người Bắc, xin chớ lẫn với Nguyễn-Văn-Xuân, người Trung, tác giả « Bão rừng ». Ông Thiết-Can vừa mất ngày 8-3-63.

(3) Tức nhà thơ Nguyễn-Bính, tác giả « Lỡ bước sang ngang ».

(4) Tức ông Dương-Tự-Quán

Đính Chính

B. K. số 137, trong bài « *Giải thưởng Văn chương trên đất Việt* » tr. 44, cột 2, dòng 7 và 8: xin bỏ hai dòng ở trong ngoặc đơn.

B. K. số 140, tr. 40, cột 2, xin bỏ 2 dòng 16, 17, tức câu: « Diễm dương trang của Phan-Văn-Dật »; tr. 41, cột 1 dòng 23, xin bỏ « và Diễm dương trang ».

● Bộ bài nhân sự của *Vũ-Duy-Hanh*, ở Sài-Gòn, tả mỗi tỉnh bạn thiêng liêng của ba người bạn cùng xứ.

* *

Nhìn qua những giải thưởng Văn chương trong Nam trong thời đại chiến thứ nhì (1939-1945), chúng ta thấy rõ sự nỗ lực của người Việt miền Nam trong việc góp phần vào nền văn chương đất nước.

Dù do một hội học, hay một tư nhân, dù để xác nhận những tài năng đã lộ diện hay để tìm kiếm những văn tài còn ẩn náu, dù có tách cách toàn quốc hay nặng tình với địa phương mình, những giải thưởng văn chương trong Nam mà chúng tôi vừa nhắc đến cùng nổi lên hai khuynh hướng tưởng là chống đối nhau, nhưng lại hòa hợp với nhau. Đó là khuynh hướng làm sống lại đôi danh nhân miền Nam (*giải Đồ-Chiếu, giải thủ khoa Nghĩa*), thúc đẩy văn tài miền Nam ganh đua với văn tài đất Bắc (*giải chỉ dành cho người Việt miền Nam*) và khuynh hướng tưởng thưởng những nhà văn nào có tài, « chẳng luận là người ấy sanh ở Bắc hay ở Nam ! ».

Ai cũng rõ lúc bấy giờ, về phương diện văn nghệ, người Việt phương Nam kém người Việt phương Bắc : mãi lo khai thác, mở mang vùng đất mới, thì sao sánh bằng với chốn ngàn năm văn vật trong việc múa bút chơi màu. Thì tìm cách khuyến khích đỡ nâng những mầm văn nghệ của chốn phù sa để theo kịp lần các bạn núi Nùng sông Nhị, đâu phải là làm sống lại hồn sông Gianh.

Cho nên dù lúc ấy, một vài văn sĩ đất Bắc có những lời lẽ hay cử chỉ kiêu ngạo, miệt thị một vài văn nhân phương Nam toan soạn quyển « Thi sĩ Nam-Kì » hay đang lập « Nam-Kì văn đoàn » với tánh cách hẹp hòi và... trã đũa đi nữa, lớp người trí thức đứng đắn của Nam-Trung-Bắc lúc bấy giờ không ai hiểu xấu cái mục đích khuyến khích văn tài địa phương của các giải văn chương Đồ-Chiếu và thủ khoa Nghĩa cả.

Ngoài ra, hội Khuyến-học Nam-Kì có hai lần trao đã tỏ ra « can đảm ». Đó là lần trao vòng hoa danh dự cho Lưu-Hữu-Phước, đang bị nhà cầm quyền thực dân để ý vì những bài hát lịch sử, thanh niên theo hướng quốc gia, đó là lần trao vòng hoa danh dự cho Phan-Văn-Hùm, từ lâu bị nhà chức trách Pháp theo dõi vì tư tưởng và hoạt động theo chiều quốc tế.

Ai cũng nhận ban giám khảo các giải ở Miền Nam thời ấy đã làm việc rất mực thận trọng và đầy công tâm. Người ta có thể không đồng ý với họ về quan niệm chọn tác phẩm để tặng giải, người ta không thể nghi ngờ sự thẳng ngay của họ. Không một tư lợi gì, không một áp lực gì được xen vào sự lựa chọn của họ.

Ta chỉ tiếc vì thời cuộc sau đó mà một số tác phẩm được giải hay được khuyến khích không được in thành sách cho mọi người thấy lại ít bóng vang của một thời đặc biệt của đất nước, thời 1939-45.

* *

Giải văn chương tiền chiến sau cùng mà chúng tôi nhắc đến là

Giải hội Alexandre de Rhodes

Hội Alexandre de Rhodes là một hội học Pháp-Việt. Cơ quan ngôn luận của hội — mà cũng là cơ quan bán chánh thức của chánh quyền Pháp ở Đông-Dương — là tuần báo « Indochine », ra đời từ năm 1939. Và hội cũng có một nhà xuất bản, lấy tên hội.

Năm 1942, hội treo hai giải văn chương :

Giải Gia-Long : cho các tác phẩm tưởng tượng hoặc biên khảo viết bằng tiếng Việt (tiểu thuyết, khảo cứu, tiểu luận, truyện ngắn, phóng sự, thi ca...);

Giải Alexandre de Rhodes : cho các tác phẩm dịch Pháp văn ra Việt văn.

Châm ngôn mà hội Alexandre de Rhodes ghi ở đầu bản chương trình giải của hội là : « Bình vực và biểu dương tiếng An-Nam, giúp đỡ các nhà văn có giá trị cho công chúng biết đến và xuất bản các tác phẩm được trúng giải ».

Mỗi cuộc thi có những giải như sau :

Giải nhất được 1200 đ.

Giải nhì : 600 đ.

Giải ba : 400 đ.

Năm giải tư, mỗi giải 100 đ.

Ban chấm giải có các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Văn-Tổ và một số học giả, nhà văn.

Khi giải Alexandre de Rhodes ra đời, có dư luận cho rằng nó chỉ là một lối « xi hơi », một liều thuốc « ru ngủ » cho giới trí thức, văn nghệ nước ta, cũng như cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông-Dương cùng những cuộc biểu diễn rầm rộ khác về thể thao vốn để cho thanh niên có chỗ « tiêu

dùng » sức trẻ, mà khỏi phải « nghĩ ngợi lộn xộn, hành động lồi thoi ». Và hội Alexandre de Rhodes chỉ lặp lại trong phạm vi tinh-thần việc của Tổng ủy Thanh niên và Thể thao Đông-Dương của Ducoroy trong phạm vi thể chất.

Có phải vì thế mà năm đầu của giải — năm 1942 — tác phẩm dự thi ít ỏi, ban giám khảo phải dồn tác phẩm hai năm liền để chấm ?

Khi tuyên bố kết quả giải năm 1943, hội tỏ vẻ thất vọng phần nào. Lượng nhiều mà phẩm ít. Không khám phá được một tuyệt tác nào. Và hội nhận rằng ban Giám khảo đã chấm một cách nghiêm khắc, có thể nói là rất là nghiêm khắc nữa.

Bản thảo dự thi có đến 133, trong đó 79 bản thuộc loại trước tác, và 49 bản thuộc loại phiên dịch. Trong số 133 tác phẩm dự thi, hội thưởng 9 cuốn, mà chỉ có một cuốn được hạng 3 mà thôi.

A — Giải Gia-Long.

Giải nhất : không có.

Giải nhì : không có.

Giải ba : **Bóng tre xanh** : phong tục tiểu thuyết, khảo sát khá tế nhị tập tục thôn quê và đã kích một cách thông minh những cuộc tảo hôn ; bố cục : khá ; hình thức và nội dung : đứng đắn. Văn giản dị vì tự nhiên. Người đọc thấy thích thú, đôi khi cảm động. Tác giả là một sinh viên trường Cao đẳng Canh-nông, 25 tuổi, chưa viết sách, báo nào, ông *Đỗ-Thứ-Vĩnh*. Người viết bài tường thuật cho rằng : « Mới đánh thử một đường gươm, mà tài tình gần như bậc thầy vậy ».

Hai giải khuyến khích :

1.— **Tinh thần Khoa học** : của ông *Nguyễn Văn-Tài*, ở Hà-Nội. Hình thức đứng đắn, nhưng nội dung đôi lúc có phần hời hợt.

2.— **Đào-Duy-Từ** của ông *Nguyễn-Đổng-Chi*, ở Hà-Tĩnh. Công trình sưu tầm biên khảo uyên bác, công phu, kết quả những tra tìm lâu lắt và tỉ mỉ nhưng vẫn có phần thiếu trau chuốt và bỏ cục có phần không chặt chẽ.

B. — Giải Alexandre de Rhodes

Chỉ có sáu giải khuyến khích :

1.— bản dịch « 100 bài thơ ngụ ngôn » của La Fontaine : ông *Nguyễn-Trịnh-Vực* ở Thanh-Hóa : dịch khéo léo, tiếc rằng có những lỗi về thi luật, không thì có thể trúng giải nhì hoặc giải ba.

2.— bản dịch « *Vers un confucianisme nouveau* » của M. G. Bois : ông *Lê-Doãn-Vỹ*, ở Bắc-Ninh : dịch tài tình, chỉ có một cái lỗi là theo quá sát nguyên văn.

3.— bản dịch « *Cent pensées de Napoléon* » : ông *Dương-Phung-Dực*, ở Hà-Nội : trừ vài chữ dịch không sát và một số chỗ kém thì đây là một bản dịch khá.

4.— bản dịch « *Grands Coeurs* » của Edmondo de Amicis : ông *Hà-Mai-Anh*, ở Nam-Định : vài chỗ vụng về, còn nói chung thì bản dịch thông minh và khá.

5.— bản dịch « *Fais ta vie* » của Charles Richet : ông *Trần-Doãn-Nguơn*, ở Biên Hòa : dịch quá sát và chưa thích nghi đúng mức (với hoàn cảnh nước Việt), toàn thể thì khá :

6.— bản dịch *Bigarreau* của André Theuriet : ông *Trần-Văn-Nghị*, ở Paksé

(Ai-Lao) : đây đó có những ngữ pháp không phân minh hoặc kém, dở ; nhìn chung thì văn dịch giả dễ dàng, trôi chảy.

Thư xâ A-lich-sơn Đắc-lô chỉ xuất bản có hai quyển được thưởng lần đầu : *Bóng tre xanh* của *Đỗ-Thúc-Vĩnh* và *Tâm hồn cao thượng* của *Hà-Mai-Anh* dịch. Quyển sau đến nay được in lại đến lần thứ chín, còn những cuốn khác, thì chỉ có một quyển sau này mới được in thành sách, đó là quyển « *Tinh thần Khoa học* » của *Nguyễn-Văn-Tài*, do nhà Tân-Việt xuất bản.

Về giải năm 1944, chúng tôi không có một bằng chứng nào trên giấy trắng mực đen. Lược các tờ báo văn học khoảng cuối 1944 và đầu 1945, chẳng thấy dấu vết gì. Lạ nhất là chính tạp chí Indochine, cơ quan ngôn luận của hội Alexandre de Rhodes, đầu năm 1944, (số 176, ngày 13-1-1944) có đăng đầy đủ kết quả giải năm 1943, có những nhận xét của ông giám khảo *Nguyễn-Văn-Tổ* (số 178, ngày 27-1-1944), nhưng các số đầu năm 1945 — cho đến số cuối cùng — không thấy đăng kết quả giải năm 1944, mà lại đăng thể lệ cho giải năm 1945 !

Chúng tôi chỉ được thấy in ở bìa sách các tác phẩm của nhà « Đất Nước » cuốn *Bệnh ho lao* của bác sĩ *Lê-Văn-Ngôn* « đăng giải thưởng hội Khuyến học Nam-Việt năm 1943 và giải thưởng hội Alexandre de Rhodes năm 1944 ».

Tìm đến bác sĩ *Lê-Văn-Ngôn*, thì ông không còn nhớ các tác phẩm khác cùng được giải với tác phẩm của ông ; chúng tôi đành tìm đến hai người được giải năm trước : ông *Hà-Mai-Anh* và ông *Đỗ-Thúc-Vĩnh*. Ông trước cũng quên,

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

may sau ông san lại nhớ ba tác phẩm của ba nhà văn ở Bắc phù hợp với vài bạn văn khác. Vậy, theo kí ức của một vài nhà văn tiền chiến, thì giải Gia-Long năm 1944 cũng không có giải nhất.

Giải nhì về *Nhà nho* của *Chu-Thiên*.

Giải ba về *Lều chõng* của *Ngô-Tất-Tố*.

Vang bóng một thời của *Nguyễn-Tuân* và *Bệnh ho lao* của bác sĩ *Lê-Văn-Ngôn* được giải khuyến khích.

Bốn tác phẩm được thưởng vốn đã in thành sách mà có ba gọi lại thời xưa cùng những giá trị một thời đã đi vào dĩ vãng...

Còn về giải Alexandre de Rhodes, chúng tôi không được biết gì hơn.

Và năm 1944, là năm thứ nhì mà cũng là năm chót của giải hội Alexandre de Rhodes ; cũng vì thời cuộc.

*
* *

Nhìn lại, trong vòng nửa thế kỉ, nước Việt chúng ta đã qua đủ « cung bậc » của giải thưởng Văn chương : từ giải tượng trưng đặng gây một cuộc thi tài để thêm hào hứng cho một buổi họp chữ nghĩa cho đến giải để khuyến khích văn chương, rồi để khám phá những tài năng mới, để xác nhận những giá trị đã góp mặt với đời.

Chúng ta được thấy, giá trị của một giải văn chương, không căn cứ ở số tiền trao giải, mà ở uy tín và công tâm của Hội đồng Giám khảo. Điều này, các ban Giám khảo những giải chúng tôi nhắc đến đều có thể tự hào.

NGUYỄN-HỮU-NGU

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DẶNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — Téléphone 20.821 — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn cầu

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

Những giải thuyết mới về nguồn gốc loài người

Robert Ardey là một kịch gia Mỹ không may bị công chúng huýt còi la ó, ông quay về lãnh vực phổ biến khoa học, nhất là những vấn đề vạn vật học. Ông sang Phi Châu cộng tác với nhà bác học Raymond Dart, một nhà nhân chủng học có những ý kiến cách mạng đã gây nên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Ardey viết cuốn «Les Enfants de Caïn», sách phổ thông khoa học, trong đó ông bênh vực lập trường của nhà bác học, và phổ biến những quan điểm của nhà bác học về nguồn gốc loài người, nguồn gốc tâm lý của loài người. Những phát kiến của Raymond Dart làm đảo lộn nền móng học thuyết của Darwin, Marx và Freud.

Chung quanh cái sọ hóa thạch giả

NĂM 1953 ghi lại một biến cố quan trọng trong lịch sử nhân chủng học, không phải vì một phát kiến huy hoàng, mà vì một phát giác bất ngờ nhất làm cho những phát kiến huy hoàng trở nên vô giá trị. Sọ là cái sọ hóa thạch tìm thấy ở Piltdown là của giả mạo (1), chỉ có giá trị một ve

thuốc trụ sinh làm ở Chợ-Lớn. Cái sọ có hàm răng khỉ nhưng trán là trán người. Rõ ràng là chứng cớ bằng xương (chứ không bằng thịt) xác định giai đoạn chuyển tiếp từ khỉ sang người. Nhưng hỡi ơi! Người Piltdown chẳng bao giờ có cả. Cái sọ hóa thạch chỉ là tác phẩm của một người khéo tay, chấp nối những mẫu xương nhặt

(1) Xin xem thêm ở B.K. số 28 trang 38 bài « Nguồn gốc loài Người của Phạm-Hoàng-Hộ ».

được để loè thiên hạ chơi ! Các nhà bác học trước kia xoa tay khoái trí bao nhiêu thì giờ tiu nghỉ bấy nhiêu. Câu chuyện này có điểm lý thú là không biết sao các nhà bác học chuyên môn đi tìm sự thật chính xác lại dễ bị mắc lừa đến thế ! Khốn nỗi, mọi người đang tin tưởng rằng loài khỉ tiến triển thành người trước hết phát triển bộ óc. Họ đang tìm một cái sọ như thế để làm bằng chứng cụ thể, thì cái sọ giả kia xuất hiện đúng lúc để ứng đáp sự yêu cầu của họ. Cái sọ không phải chính hiệu con nai, nhiều vấn đề phải đặt lại.

Người ta có cảm tưởng rằng khoa nhân chủng học vẫn bị ám ảnh bởi quan niệm có một thiên đường nguyên thủy, người ta sinh ra lương thiện, ăn trái nho, uống nước suối, hưởng hạnh phúc giữa thiên nhiên tươi đẹp. Vì xa dần thiên nhiên cho nên mất hẳn tính lương thiện và mất luôn cả thiên đàng. Trời thương sót để lại cho trí thông minh. Nhờ trí thông minh, mà loài người làm chúa tể muôn loài, dựng nên xã-hội và văn minh, nhưng loài người không kiểm soát nổi tác phẩm của mình, họ trở lại làm nô lệ cho văn minh. Đó là nguồn gốc mọi thống khổ và tội lỗi.

Không thiếu gì người giàu tưởng tượng để tin tưởng thuyết ấy : triết - gia Lu-Thoa bênh vực con người ban sơ « tính bản thiện » (thực ra chỉ có trong trí tưởng tượng của ông), cuộc Cách-mạng Pháp, 1789 đòi hỏi cho loài người những nguyên tắc công bình tự do nguyên thủy đã bị tước đoạt. Sau đến hai nhà ảo thuật trứ danh Engels và Marx đưa ra một hình ảnh thiên đường Cộng-sản thực hấp dẫn.

Cái sọ Piltdown tác động đến tâm lý người đời thuận chiều tin tưởng ngây thơ của người ta, hèn nào chẳng được người ta khoan khoái mà vor ngay lấy !

Cũng vì thế mà năm 1949, thiên hạ nhao nhao phản đối nhà nhân chủng học Raymond Dart, khi ông này tuyên bố rằng thủy tổ loài người không phải là một người nguyên thủy lương thiện, nhưng là một tên hung ác chém giết không gớm tay, sự tàn sát là luật chính yếu chỉ đạo văn minh. Ngày nay người ta vẫn không muốn đếm xỉa đến những khám phá của khoa học trong 15 năm gần đây, vì những sự thật ấy trái ngược với tin tưởng cũ của người ta.

Người ta yên lặng không đả động gì đến những khám phá của Dart sợ rằng tiếp lời cho một luận cứ sai diệu có thể hại cho thanh danh cả giới bác học.

Cuốn sách của Ardrey là một tiếng nói gay gắt phản kháng sự yên lặng ấy. Ông thay mặt giáo sư Dart trình bày lý thuyết của giáo sư về nguồn gốc loài người và bản năng sơ khởi của con người, ông nêu ra những sự kiện ngày nay đã được chấp nhận để lý thuyết thêm vững. Có người lo ngại những điều ông nói có thể nghịch tai chướng mắt, nhưng thực ra những sự kiện ấy chỉ làm cho người đọc say mê.

Chuyện cái xương đùi con sơn dương

Cuộc phiêu lưu của giáo sư Dart khởi sự từ năm 1948. Năm ấy một cộng sự viên của giáo sư tìm thấy ở Sahara một mảnh sọ hóa thạch của con babouin. Mảnh sọ này còn rõ vết tích bị vật cứng đánh

manh vào, con vật chết vì vết thương ấy. Sau còn tìm được nhiều mảnh sọ khác cũng có dấu vết như thế. Vết thương rõ và sâu, do một vật cứng cạnh sắc nện từ trên xuống mạnh đến nỗi con vật chết ngay tức khắc. Nhân một sự tình cờ, giáo sư Dart biết được thứ khí giới bí hiểm ấy: đó là cái xương đùi một giống sơn dương (antelope), một đầu xương đúng khớp vết thương ở cái sọ. Vậy là người ta biết được khí giới giết hại đầu tiên. Nhưng kẻ sử dụng khí giới ấy là ai? Phải là một loài có đủ trí khôn để nghĩ đến cách lựa chọn nó trong muôn ngàn thứ xương khác. Có phải người không? Không, vì lớp đất bồi chứa đựng xương hóa thạch đó thuộc về thời kỳ chưa có loài người xuất hiện. Dart kết luận rằng kẻ sử dụng khí giới ấy là một loài hầu (primate), giống anthropoïde, khoa học gọi là Australopithèque. Hồi 20 năm trước ông đã dùng danh từ Australopithèque để đặt cho một loài hầu hóa thạch ăn thịt chứ không phải ăn cỏ, chiều dài cái răng và cách xếp đặt hàm răng chứng tỏ điều ấy. Nhiều nhà bác học khác nói rằng con vật ấy có hình dáng khỉ, không thể là loài ăn thịt được. Chỉ có thể là một giống khỉ đột thường ở trên cây và ăn quả khô. Người ta cố ý quên cái hàm răng ăn thịt của nó, vì kể đến hàm răng là mặc nhiên thừa nhận một đoạn trong chuỗi dây tiến hóa từ loài hầu đến người. Người ta vẫn chấp nhận thuyết người xuất hiện ở Bắc-Kinh chứ không phải ở Phi-Châu. Sau, Cha Teilhard de Chardin có đủ uy tín để xác định giống Australopithèque là ông tổ loài người xa xôi nhất. Nhưng người ta không chịu nghiên cứu sâu xa hơn.

Bấy giờ là lúc trái bom nguyên tử đầu tiên nổ ở Hiroshima, các cường quốc tìm được nguồn kích thích mới sau bao nhiêu năm chém giết nhau, đang thực hiện những phương pháp giết người mau chóng hơn. Người ta viện những lý do chánh đáng để bênh vực lập trường chứ không chịu tự thú rằng tàn sát là bản năng chủ yếu của loài người, chiến tranh là hình thức tàn sát cao nhất của một bản năng không những có từ thuở có loài người, mà có từ loài thú. Giới khoa học như sợ trông thấy bóng mình, sợ phải thú nhận một phần hương hỏa không tốt đẹp gì, nên bác bỏ toàn thể lý thuyết của Dart một lần nữa. Người ta chấm dứt câu chuyện bằng cách nói thác rằng con babouin bị loài chó rừng ăn thịt và vết thương làm bể sọ chúng là tại đá rơi trúng đầu! Ngon lành và êm thắm bao nhiêu, việc vì phải bới chuyện!

Đến khi một tờ báo ở Miami muốn có tin giật gân nhưng lại không muốn vượt khỏi giới hạn bảo thủ, ông chủ nhiệm bèn cho đăng bài của Dart với cái tit rất kêu « con mãnh thú trung gian giữa khỉ và người », lại còn cẩn thận nêu lên trên câu chú thích này: « Dĩ nhiên, giống Australopithèque chỉ là thủy tổ dân Boshiman và da đen hiện thời chứ không là thủy tổ ai cả ». Ông này cũng sợ nhìn thấy bóng mình trong gương. Người ta vẫn không muốn biết ai là ông tổ mình vì như thế có thể lập nhiều ức thuyết rất quyến rũ.

Thực chất của con người

Nhưng mà hình như đã đến lúc người ta phải quyết một bề: người không phải tiên trên trời bị đày xuống cõi phàm, tuy là vạn vật chi linh, người cũng chỉ là con

vật thuộc giới động vật và có tương quan mật thiết với giới động vật. Thể chất và tính tình người ta mang vết tích sâu xa của cái gốc tích xa xôi ấy. Có lẽ đây là khía cạnh mới mẻ nhất, hứa hẹn nhiều phát kiến nhất, và đáng chú ý nhất của một ỨC THUYẾT táo bạo quá đến nỗi ai cũng run sợ. Loài vật mang lại cho người lời giải đáp về chính bản thân con người và để người thấy có hình ảnh của mình. Quả vậy! mới đây khoa vạn vật học đã minh chứng nhiều sự kiện giúp người ta hiểu tâm lý loài người, nhất là phần vô thức của tâm tư bị chi phối bởi những bản năng thú tính.

Bản năng chiếm cứ lãnh vực chi phối đời sống loài vật thượng thặng

Nhiều giống vật có thói quen dành lấy một khu vực trong đó chúng sinh sống, kiếm mồi và sinh sản. Trong khu vực ấy những con đực giữ vai trò canh phòng chống giữ kẻ thù, nhờ thế những con khác được sống yên ổn. Phần đất ấy lớn nhỏ khác nhau, có khi chỉ độ 2 thước như khu vực của giống cua trên bãi cát các biển nhiệt đới, có khi rộng mông mênh như khu vực của một con sư tử. Con chim hót để lên tiếng báo cho đàn khác không được vào khu vực của mình. Con khỉ ở Mỹ-Châu đề phòng ranh giới mảnh đất sinh trưởng của mình bằng cách gầm gừ để xua đuổi khỉ lạ; có lẽ con sư tử cũng hống để báo cho con khác đừng bén mảng đến địa phận của nó. Địa phận của một đàn thú rộng có khi đi hàng mấy ngày mới hết: từng đàn chó sói di chuyển trong một khoảng đất chu vi có thể đến 150 cây số;

chúng đi qua từng nơi đúng vào ngày giờ nhất định, thợ săn có thể tính đúng không sai quá nửa giờ.

Cách đây vài năm, một nhà tự nhiên học đem những khỉ ở Ấn Độ sang một đảo gần Porto Rico. Khi mới đến, ông để khỉ ở lẫn lộn. Chỉ một năm sau chúng tổ chức thành từng đàn riêng rẽ, một đàn chiếm cứ một khoảng đất và giữ không cho con ở đàn khác bước vào.

Ba mươi năm trước đây, người ta còn tin rằng trong thế giới loài vật, những con đực đánh nhau vì tranh dành con cái và chúng tổ chức thành xã-hội cũng vì mục đích ấy. Bây giờ người ta biết rằng đó là một cách thi vị hóa sự thật. Những con đực đánh nhau không phải vì một nàng Tây-thị của chúng, nhưng vì chúng thèm muốn đất đai của con khác. Con mạnh sẽ khai trừ con yếu. Khi con cái đến thì đã đâu vào đấy rồi, nàng chỉ việc lựa người tình ưng ý, hay đúng hơn, đợi để được người tình tuyển lựa. Loài chim và rất nhiều giống động vật đều làm như vậy. Đối với loài hải cẩu (vừa ở nước vừa ở cạn), thì những con đực lên bờ trước tiên, chúng dương nanh, dương vuốt, quyết một trận thư hùng để chiếm lấy khoảng đất ở trước đã. Những con cái đến sau. Đến nơi thì trật tự đã thiết lập, con đực chỉ việc xếp đặt các khuê phòng trong địa hạt của mình. Uy lực con đực càng lớn thì địa phận của nó càng rộng, số cung tần mỹ nữ càng nhiều.

Loài sâu bọ không có ý thức về lãnh vực. Đó là một bản năng của loài vật cao hơn, từ loài cá, loài ếch nhái, loài bò sát đến loài chim và loài có vú.

Người cũng không ở ngoài luật thiên nhiên ấy : quốc gia là hình thức toàn vẹn và cao nhất của bản năng chiếm cứ lãnh địa. Tổ quốc là nguồn cảm hứng cao trọng để người ta dùng vào đó hết khả năng dũng mãnh (và thấp hèn). Chiến tranh, xâm lăng, cướp bóc, tất cả cái gì làm nên những nét chính của lịch sử loài người đều có phản ảnh trong đời sống hàng ngày của loài vật ; người và vật chỉ khác nhau ở chỗ việc người làm có ý thức và có ý nghĩa, loài vật chỉ biết theo bản năng. Người ta biết điều ấy đã lâu, nhưng chưa bao giờ sự thật được trình bày một cách rõ ràng và minh bạch như giáo sư Dart. Người ta tự hỏi : trong nhiều phiên hội nghị quốc tế, có người đã dùng lời thóa mạ, đe dọa thay vì nêu lý lẽ chánh đáng như vậy phải chăng là hình ảnh tinh vi của đàn khỉ kêu choen choét để sua đuổi khỉ lạ bước vào địa phận của mình ?

**Bản năng chiếm cứ lãnh vực,
chiếm đoạt địa vị, đẳng cấp
mạnh hơn bản năng tình dục**

Darwin cho rằng loài vật vì tranh nhau con cái mà tàn sát lẫn nhau (luật đào thải thiên nhiên), con khỏe sống sót, con yếu bị đào thải. Suốt một thế kỷ sau, khoa tâm lý học loài vật dựa vào quan điểm của ông. Bây giờ người ta biết rằng Darwin đã lầm. Khoa Vạn-vật-học mới đây đưa ra một quan niệm mới mẻ : loài vật không loại trừ nhau vì tranh nhau con cái mà chính vì tranh chấp địa vị trong xã hội của chúng.

Loài vật rất chú trọng đến địa vị, đẳng cấp trong xã hội của chúng. Chúng dùng

sức mạnh, can đảm và trí khôn để đoạt lấy địa vị ấy và bắt những con khác phải tòng phục. Ta thử xem một đàn gà : con gà trống mạnh nhất có quyền chiếm đoạt hết thóc trong sân mà không con nào giám chống cự. Loài quạ nhỏ (corneille) thông minh hơn, ấn định địa vị trên dưới rành rẽ trong một đàn. Chúng giữ địa vị ấy suốt đời. Một con ở địa vị cao không thèm tranh chấp với một con ở đẳng cấp thấp quá sợ mất thể diện. Tuy nhiên, khi xảy ra tranh chấp, đàn quạ vẫn có ý bênh con yếu kém, có lẽ vì bản năng quân bình sinh hoạt hơn là vì ý thức công bằng.

Nhà bác học Áo Lorenz quan sát giống khỉ rhesus cũng thấy như vậy. Ông đã hiểu phong tục của chúng khi tìm lứa đôi. Con đực chọn con cái. Con cái dù ở địa vị nào, đã lấy con đực là được ở đẳng cấp con đực và hưởng quyền lợi tương đương. Những con đẹp nhất và trẻ nhất được chú ý đến hơn cả ; những con xấu xí sẽ dành lại cho các chú khỉ yếu kém.

Nhưng trong một đàn quạ kia đã xảy ra một trường hợp, không khác gì xã hội loài người. Một con quạ trẻ có tính phóng lãng đã vắng mặt lúc phân phối thê noa và cắt đặt ngôi thứ. Lúc trở về nó đánh bại con đầu đàn, tiếm ngôi chủ tể. Con quạ cái, vợ nó trước kia bị khinh rẻ bây giờ cũng đủ phong độ một bà lớn trong đàn quạ.

Điều lạ là cả đàn quạ thừa nhận sự đổi thay ấy và chịu sống trong trật tự mới. Có lẽ luật làm chủ là một luật thiên nhiên, loài vật phục thiện khi kẻ cầm đầu có đủ tư cách và đã chứng tỏ được tư cách ấy. Luật ấy rất phổ biến trong các

loài vật thượng thặng, trừ loài sâu bọ thể chất thô sơ, bản năng là những bản năng thô sơ từ mấy trăm triệu năm về trước cho nên xã hội của chúng tổ chức theo những luật thiên nhiên khác. Ý thức về địa vị và chủ quyền có nhiều cái lợi: cả đàn gửi đời sống vào tay một con đầu đàn sáng suốt và dũng mãnh. Cả đàn cần trật tự để sinh sống, nhu cầu trật tự phải ở trên các nhu cầu khác. Loài vật vâng theo luật huyền nhiệm đó.

Đặt lại vấn đề nghiên cứu những bản năng nguyên thủy và tâm trạng con người

Những công cuộc khảo cứu hôm nay của các nhà vạn vật học lay động đến gốc rễ thuyết của Freud xưa kia về bản năng loài vật, thuyết ấy đặt nền tảng trên bản năng trụ cột là bản năng dục tình, và trên những mâu thuẫn gây ra bởi dục tình. Sau lưng chúng ta có một khoảng thời gian bảy chục triệu năm tiến hóa. Trải qua lịch trình tiến triển ấy chúng ta bị chi phối bởi những luật thiên nhiên giống hệt như loài vật.

Chúng ta không biết rõ, nhưng chúng ta có thể thấy được mãnh lực của những luật ấy, loài vật và sự tiếp diễn những bản năng ấy trong xã hội loài người. Theo Freud, những mặc cảm gia đình (giữa bố con, mẹ con v. v... những thăm kịch âm thầm diễn ra trong cõi vô thức của loài người dưới quyền điều khiển của viên đạo diễn dục tình, đã ảnh hưởng đến suốt cả cuộc tiến triển của loài người. Nhưng người ta không thấy những cái gì tương tự như vậy ở loài vật được sống tự do giữa thiên nhiên. Hoạt động

để sinh tồn của chúng hướng về mấy nhu cầu chính yếu: mảnh đất dung thân, địa vị xã hội. Dục tình và bản năng bảo tồn nòi giống đặc biệt chi phối con cái hơn là con đực. Người ta phải căn cứ vào những dữ kiện ấy để nghiên cứu những bản năng của loài người về phương diện này sự nghiên cứu chưa tiến bộ bao nhiêu.

Thuyết của giáo sư Dart ghép giống Australopithecus vào gia đình nhân loại. Vậy ta có một ông tổ đồ tể hạng nặng, ông tổ ấy đem lại một yếu tố mới và một câu giải thích chủ yếu để tìm hiểu tâm trạng con người.

Trở lại chuyện cái xương đùi con sơn dương

Trước mắt nhà vạn vật học giống người là một trường hợp bất thường và bất ngờ của loài vật. Theo giáo sư Dart thì người là hậu quả của tấn thảm kịch thời Pléistocène, thời kỳ hạn hán kéo dài hàng mấy trăm ngàn năm, làm cho đời sống loài hàu (primate) lâm nguy, giống nào không thích ứng được với thời tiết đều bị tiêu diệt. Người là một dòng dõi thượng thặng của giống vượn nhân hình (anthropoïde). Bảy chục triệu năm trước đây, giống ấy đã có bộ óc phát triển hơn các giống vật khác. Chúng sống trên cây, ăn quả và hạt. Năm chục triệu năm sau chúng bỏ cây để xuống đất ở. Chúng thường đến những hồ ở Phi-Châu để uống nước và đôi khi bị mãnh thú ra ăn thịt. Hóa thạch còn lại chứng thực điều này. Trong 12 triệu năm nữa lại xảy đến một thời kỳ hạn hán bí hiểm, đất cháy khô, rừng bị hủy tan. Giống Anthropoïde

bị tiêu diệt chăng? Tình trạng chúng cũng như tình trạng giống khỉ đột ngày nay, lang thang khắp đó đây không còn kiếm được thức ăn thích hợp nữa. Giống khỉ đột đương bị dồn vào con đường tiêu diệt. Nhưng giống vượn nhân hình xưa kia sống sót trong rừng thưa, vì bỏ được thói quen ăn quả và tập ăn thịt, nên đã thích ứng với hoàn cảnh. Nhưng muốn ăn thịt nó phải trở thành kẻ săn mồi tức là kẻ giết thịt — với trí suy nghĩ thô sơ nó biết tạo khí giới bằng cách lấy xương đùi, xương hàm con sơn dương để hạ những con vật khác mà ăn thịt. Chỉ dùng khí giới để hạ những súc vật khác thôi ư? Chưa chắc — chiến tranh nguyên thủy xảy ra à ở thời kỳ này. Tất cả các bản năng tổ tông đều được vật dụng, như ở các giống quạ nhỏ hay giống sư tử, nhưng lần này vượn nhân hình đã bộc lộ được bản năng bằng một vũ khí. Thế là giai đoạn cuối cùng đã được vượt qua: trong hai hay ba ngàn năm sau óc loài vượn nhân hình sẽ lớn lên gấp 3 lần và trí khôn xuất hiện là lúc loài người nảy sinh. Có thể khôn, có hai bàn tay khéo léo và biết dùng khí giới để tăng cường sức lực, loài người quả đã có đủ yếu tố để thống trị muôn loài và mở đường cho tương lai.

Những phát kiến cách mạng của Dart

Kể ra cũng khá điên rồ khi chấp nhận rằng khúc xương đùi sơn dương là nguồn

gốc văn minh và học thuật của nhân loại, chấp nhận bản năng tàn sát là yếu tố mở con đường sống cho loài. Lại còn điên rồ hơn nếu cho rằng bản năng sơ khởi trong con người chỉ là bản năng loài vật tiến hoá đi. Ardey nói: « Chúng ta không phải là con của Adam, nhưng là con của Cain ». Gia tài văn hoá ta thừa hưởng của ông tổ tiền sử ghê tởm thế kia ư? Ai mà chịu nhận của nợ ấy! Nhưng gia tài truyền thống cát nghĩa được lịch sử của ta và đem lại một ý nghĩa cho lịch sử. Không phải bản năng tình dục chỉ phối đời sống, mà là bản năng xâm chiếm, bản năng trật tự, địa vị và uy thế. Tàn sát, chiếm đoạt, chiến tranh đã dẫn dắt cuộc sống, mà sự thoả mãn dục tình chỉ là một trong nhiều cạnh khía mà thôi. Cách nhìn của Ardey đem một vẻ bi quan mà tác giả lấy làm thích thú.

Cuốn sách dị thường của Ardey đem lại cho ta nhiều điều suy ngẫm. Bản năng tàn sát của loài người đã siêu tiến từ giai đoạn dùng lông xương đùi sơn dương đến giai đoạn sử dụng siêu bom khinh khí, mâu thuẫn thế-giới đã đến lúc trầm trọng như thời kỳ hạn hán Pléistocène, bây giờ người biết bỏ thói quen ăn trái cây, tìm thịt thú rừng để thích ứng với hoàn cảnh. Bây giờ thì sao? Câu trả lời cho tương lai liệu có còn ở trong trí óc còn người nữa không?

CÔ-LIÊU

Theo DANIEL BERNET
trong tạp chí Arts số 909

● Ngoài ta ra, không ai có thể hại ta được.

Gandhi

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. Đai-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 31.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vitthel Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 132

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Tổ chức Liên-phòng

Đông-Nam-Á (SEATO) liệu có

đứng vững được trước

những sóng gió hiện tại không ?

VIỆT - ANH

HỘI nghị các cố vấn quân sự của khối Liên phòng Đông-Nam-Á (SEATO) đã họp ở Paris ngày 3 và 4-4-63. Các cố vấn quân sự của 8 nước đều có mặt ở thủ đô nước Pháp có lẽ là để bàn về tình hình quân sự có vẻ trầm trọng ở Đông-Nam-Á. Hội nghị đó cũng có mục đích sửa soạn cho hội nghị các ngoại trưởng 8 nước cũng họp vào ngày 10-4-63 ở Paris. Ông Pote Sarasin, vị tổng thư ký người Thái-Lan của tổ chức cũng đã đến Paris để sửa soạn cho hội nghị tối cao nói trên. Chắc chắn là có 5 vị ngoại trưởng sau đây tham dự : ngoại trưởng Hoa - Kỳ : ông Dean Rush, ngoại trưởng Anh : Lord Home, ngoại trưởng Pháp : ông Maurice Cour de Murville, ngoại

trưởng Thái : ông Thanat Khomen và ngoại trưởng Úc : Sir Garfield Barwick — Ngoại trưởng Hối là ông Zulfikar Ali Bhutto chưa chắc đã tham dự — Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Tân-Tây-Lan là ông Keith Holyoake chắc sẽ do ông bộ trưởng quốc phòng đại diện. Còn Phó Tổng Thống kiêm ngoại trưởng Phi-Luật - Tân là ông Emmanuel Paleaz mãi đến phút cuối cùng mới quyết định đi phó hội.

Hội nghị tám ngoại trưởng nay mai ở Paris chắc không giải quyết được vấn đề gì mới lạ. Nhưng người ta hy vọng bên lề hội nghị sẽ có nhiều vấn đề được đem ra bàn cãi và có thể thu lượm được nhiều kết quả hơn là hội nghị khoáng đại.

TỔ CHỨC LIÊN PHÒNG ĐÔNG NAM Á...

Trước hết ta cũng cần nhắc qua một vài điểm về tổ chức này. Tổ chức SEATO gồm 8 nước trong đó có 3 nước là cựu đế quốc (Anh Mỹ Pháp), 3 nước không thực sự ở Đông Nam-Á: Úc, Tân-Tây-Lan (Úc-Châu), Hối quốc cũng nằm trong tổ chức minh ước Trung-Uơng (CENTO). Chỉ có 2 nước là thực sự ở Đông-Nam-Á là Thái và Phi-Luật-Tân. Trong 2 nước đó cũng chỉ có một nước bị Cộng-sản đe dọa thực sự là Thái Lan. Trong số 8 nước chỉ có 2 nước da vàng ở Đông - Nam - Á, còn 6 nước kia chỉ là những nước da trắng hoặc pha màu (Như Hối quốc) Vì thế nên nhiều người có ác ý cho rằng Tổ chức SEATO chẳng qua chỉ là một hình thức của các nước đế quốc để bảo vệ các thuộc địa cũ của họ khỏi lọt vào tay Cộng-sản, nhất là khi mục tiêu chính phòng ngự của nó lại là các quốc gia liên kết Đông-Dương cũ (Việt Miên Lào) đang bị Cộng-sản đe dọa trực tiếp.

Tổ chức đó được thành lập ngay sau khi hội nghị Genève 1954 kết liễu mới được 2 tháng. Thực ra nó đã được sửa soạn từ lâu. Và người đầu tiên có công khai sinh ra nó là cố ngoại trưởng Hoa-Kỳ : ông John Foster Dulles.

Tổ chức này có một văn phòng đặt trụ sở vĩnh viễn ở Bangkok. Ông Tổng Thư ký của tổ chức là ông Pote Sarasin, người Thái - Lan lãnh lương đều đều mỗi tháng 10.000 mỹ kim. Ông đứng đầu một văn phòng gồm có mấy trăm nhân viên và chi

tiêu hàng tháng gần 1 triệu mỹ kim. Số tiền đóng góp, dĩ nhiên là do Hoa-Kỳ chịu một phần lớn. Hàng năm 2 lần, các vị cố vấn quân sự của 8 nước thường thường họp ở một nơi do họ chỉ định đồ thảo luận về các kế hoạch quân sự của khối hoặc đề vạch kế hoạch tổ chức những cuộc thao diễn quân sự. Ngoài ra, mỗi năm một kỳ, các ngoại trưởng của 8 quốc gia trong khối họp hội nghị tối cao ở một trong 8 thủ đô. Việc phân phối nơi họp phải cho đều giữa 8 nước. Năm nay cả 2 hội nghị, hội nghị các cố vấn quân sự và hội nghị các ngoại trưởng đều họp ở Paris.

Lực lượng mạnh nhất của khối liên phòng Đông-Nam-Á vẫn là lực lượng của Hạm đội thứ 7 của Hoa-Kỳ vừa để bảo vệ eo biển Đài-Loan, vừa để bảo vệ miền duyên hải Đông-Nam-Á. Nhưng dù sao sự huy động các lực lượng đó để đối phó với tình thế khẩn trương ở Đông-Nam-Á không thể có tính cách tức thì. Mỗi nước đều phải hành động phù hợp với hiến pháp của mình. (agir selon ses règles constitutionnelles)... Vì sự huy động không có tính cách đương nhiên như trong tổ chức NATO (North atlantic treaty organisation) ở Âu - Châu nên Cộng-sản mới dám mạnh dạn lấn lướt ở Lào mà không gặp phải phản ứng mạnh mẽ của khối.

Ở Việt-Nam trước tình hình càng ngày càng trầm trọng, sự can thiệp càng ngày càng sâu của Mỹ vào cuộc chiến tranh chống cộng trước sự bất lực hoàn toàn của khối SEATO khiến

ta có thể tự hỏi là khối này có còn lý do tồn tại nữa không?

Như chúng ta đều biết mục đích chính của tổ chức SEATO là để ngăn chặn không cho ảnh hưởng Cộng-sản lan tràn xuống miền Đông - Nam - Á. Vùng che chở của nó gồm có một khu vực rộng từ vĩ tuyến thứ 23 trở xuống và bao trùm không những các nước đã gia nhập khối đó như Thái-Lan, Phi-Luật-Tân mà còn cả những nước không gia nhập khối như Việt Miên Lào được chỉ định đích danh.

Hoa-Kỳ còn nhấn mạnh rõ là chỉ can thiệp trong trường hợp một nước trong khối hoặc được khối che chở bị Cộng-sản xâm lăng mà thôi. Điều đó chứng tỏ là khối Liên Phòng Đông-Nam-Á chỉ có mục đích chống cộng và địa bàn chính yếu của nó chỉ là Thái-Lan, Việt, Miên, Lào và Phi-Luật-Tân. Khối Liên Phòng Đông-Nam-Á thường niên hay mở những cuộc tập trận lấy những tên như Sea Leon, Sea Demon, Ocianlink, Sealink, Sea Devil (nếu là các cuộc tập trận của hải lực hoặc hải lực không quân phối hợp) hoặc như Air Progress, Air Link (nếu chỉ là những cuộc tập trận không quân) Những cuộc tập trận đó rất hùng vĩ phô trương lực lượng của Đồng minh để Cộng - sản phải e ngại mà không dám làm dữ. Nhưng Cộng-sản Á - Châu lại không phải là loại Cộng-sản làm dữ. Chúng không hùng hùng hổ hổ không phô diễn lực lượng mà lại ngấm ngấm len lỏi, thỉnh thoảng xuất hiện đánh một trận rồi lại rút lui, phân tán vào rừng núi.

Bởi vậy tàu to súng lớn không có tác dụng gì đáng kể trong việc tiêu trừ chúng. Rút cuộc tiền bạc ném vào các cuộc tập trận đó để làm thêm phần hào hứng cho những người tham dự chỉ có tính cách thể thao hơn là chiến trận.

Năm nay các vị ngoại trưởng và các vị cố vấn quân sự lại nhóm họp ở Paris, thủ đô của một nước xa chiến trường hàng vạn dặm để cứu xét tình trạng của khối Liên Phòng Đông-Nam-Á, một tổ chức đang hấp hối nếu không tìm được ra trong thời gian gần đây những phương sách hiệu nghiệm để cứu vãn. Quá nhiều mâu thuẫn đã nảy ra trong lòng tổ chức. Các vị đại biểu cũng đã nhận rõ thầy như vậy, nên đã chú trọng đến những hội nghị tay đôi tay ba nhiều hơn là những khoáng đại hội nghị càng phơi bày thêm những khó khăn mà không giải quyết được gì. Những khó khăn đó là những khó khăn nào?

Khó khăn thứ nhất, mục tiêu chính của khối Liên Phòng Đông-Nam-Á là sự bảo vệ bán đảo Đông Dương chống sự xâm nhập của Cộng-sản. Nhiệm vụ đó có thể nói là gần như hoàn toàn thất bại.

Trước hết, nước Lào là nước đầu tiên mà khối này có thể giúp đỡ. Nhưng những lúc mà nước này bị Cộng-sản xâm nhập nặng nề nhất, khối này cũng không hề có ý định can thiệp chỉ vì không có lời yêu cầu chính thức của quốc-gia đương sự. Chỉ mãi đến khi Thái-Lan hoảng hốt

TỔ CHỨC LIÊN PHÒNG ĐÔNG NAM Á...

vì vụ Nam-Tha thất thủ (5-62) yêu cầu Mỹ đưa quân qua giúp đỡ, một nước như Anh, Úc Tây-Tân-Lan mới hưởng ứng một cách cho có mặt bên cạnh lực lượng của Hoa-Kỳ. Còn các nước khác chỉ tỏ cảm tình suông. Thành ra cuộc tấn công mạnh của Pathet Lào đã đưa đến một kết quả bất lợi cho thế giới tự do là thành lập một chính phủ Trung lập với một lực lượng Cộng-sản còn nguyên vẹn và một lực lượng quốc gia đã bị sút mẻ nhiều. Hơn nữa, trong bản tuyên ngôn Trung lập của mình nước Lào đã công khai từ khước sự che chở của khối Liên Phòng Đông Nam Á.

Trong một cuộc phỏng vấn ngày 5-4 ông Pote Sarasin đã trả lời là «tình hình ở Lào hiện nay còn nguy hiểm hơn hồi tháng 5 năm ngoái và tổ chức SEATO cũng không thể làm gì hơn trừ khi chánh phủ Lào lên tiếng yêu cầu». Đó là một điều không thể nào xảy ra được. Tin cuối cùng cho biết Xiêng Khoang bị thất thủ vì tay Pathet lập, lực lượng Khong Le bị đe dọa nặng. Hiểm họa Cộng-sản quả là nguy hiểm hơn lúc nào hết. Tổ chức SEATO hiện có làm gì được không?

Nhìn sang nước Miên, ta cũng thấy là Thái-tử Sihanouk cũng muốn theo khuôn nước Lào, muốn các nước đã ký thỏa ước Genève 1962 hội họp để công nhận một chế độ Trung-lập cho Miên quốc, hay ít ra thì cũng ký vào một văn kiện công nhận nền Trung lập của Cao-Miên. Như vậy cớ nhiên là Sihanouk cũng không chịu công nhận sự bảo vệ của khối Liên

Phòng Đông Nam Á. Và lại giữa Miên và Thái là nước có chân trong khối, đang có xích mích nặng nề về vấn đề biên giới và còn nhiều vấn đề khác. Dĩ nhiên là không đời nào Sihanouk chịu nhờ Thái. Hơn nữa Cao Miên là nước hiện nay đang được Cộng-sản vượt vẻ hơn bao giờ hết. Sihanouk vừa đi thăm Bắc Kinh và Hà-Nội, được Mao-Trạch-Đông và Hồ-Chí-Minh ca ngợi và rì tai rất nhiều. Gần đây Sihanouk sẽ đón tiếp ở Thủ đô của ông nào là Bujnev, chủ tịch Nga-Sô, nào là Lưu-Thiếu-Kỳ chủ tịch Trung-Cộng, nào là Hồ-Chí-Minh. Ông tán thành đường lối của Tổng Thống Soekarno và tỏ ý lạnh nhạt với ông già Nehru, nghĩa là Sihanouk hiện nay đang mang rất nhiều tham vọng, những tham vọng đó đã đang đưa ông vào con đường khuynh tả. Dĩ nhiên là với chính sách đó ông không đời nào chịu yêu cầu sự can thiệp của khối Liên Phòng Đông Nam Á trừ phi khi nào có những triệu chứng bất lợi cho ông, những triệu chứng đó bây giờ chưa có và có lẽ còn lâu mới xuất hiện, vì lẽ Cộng sản đang muốn dùng con săn sắt để bắt con cá rô. Cao Miên sẽ là con bài của họ ở Đông-Nam-Á, vừa có lợi. vừa đỡ tốn kém. Khối SEATO có xoay đổi nổi tình thế chăng? Còn Việt-Nam là nơi mà Cộng sản quấy rối mạnh nhất, Việt-Nam cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc gia nhập khối SEATO và cũng chưa bao giờ lên tiếng nhờ tổ chức đó can thiệp giúp đỡ vì Việt-Nam thừa hiểu là gia nhập khối đó,

bản thân mình cũng không được hưởng lợi lộc gì hơn, mà lại còn phải chịu thêm nhiều nghĩa vụ tốn kém. Việt-Nam cũng chưa thấy có lúc nào cần phải kêu gọi đến sự che chở của khối này vì nó sẽ làm tình thế càng thêm rắc rối với sự can thiệp mạnh mẽ của Bắc Việt và Trung Cộng. Và lại quân đội của khối này chưa quen với lối chiến tranh du kích, ăn ăn hiện hiện, dương đông kích tây : Là người ngoại quốc trên đất Việt-Nam họ sẽ bối ngỡ và sẽ dễ dàng bị cô lập giữa một khối dân chúng không hiểu mình. Và lại sự can thiệp công khai của khối Liên Phòng Đông-Nam Á vào Việt-Nam sẽ là một sự vi phạm nặng nề hiệp ước Genève 1954. Vì vậy cho nên khối này chỉ có thể ủng hộ tinh thần và Việt-Nam sẽ không bao giờ mời họ can thiệp và đổ bộ hàng chục vạn quân lên trừ phi tình hình thay đổi rõ rệt, Việt Cộng và Trung Cộng ồ ạt tiến quân xuống miền Nam. Và lại hiện nay chỉ có Hoa Kỳ là có khả năng giúp đỡ Việt-Nam Cộng-Hòa trong cuộc chiến tranh một mất một còn với Cộng sản này ; trừ Anh Quốc và Pháp Quốc là những nước hiện nay ít có quyền lợi ở Đông Nam Á và cũng ít phụ thuộc vào Hoa Kỳ. Còn các nước khác như Phi Luật Tân, Thái Lan, Hối Quốc, đều là những nước nhận viện trợ của Mỹ tất nhiên khả năng cũng hạn chế nhiều, việc gửi quân họ sang Việt-Nam có khi còn là một gánh nặng cho ta là đằng khác. Vì thế cho nên Việt Nam cũng ít trông mong gì được vào tổ chức SEATO mà chỉ trông vào sự

giúp đỡ của Hoa Kỳ hay một vài nước khác như Anh, Úc, dưới hình thức song phương mà thôi.

Nhưng nếu tổ chức SEATO là một tổ chức vững mạnh ít nhất cũng như tổ chức NATO ở Âu Châu thì ít ra nó cũng có thể đóng được một vai trò quan trọng trong công cuộc ngăn chặn làn sóng đỏ.

Nhưng nó đã không đạt được mục đích của nó vì hai lý do sau đây :

Lý do thứ nhất thiên về tính cách chiến thuật chiến lược.

Lý do thứ hai là mâu thuẫn nội bộ giữa các nước sở quan.

Vấn đề thứ nhất ta đã từng đã động tới là các chiến lược gia của khối quan niệm trận giặc chồng Cộng như là một trận đánh cổ điển, hai bên giàn quân thành chiến tuyến, khi một bên bị đẩy lui rồi thì hậu phương của mình hoàn toàn yên ổn và khi nào chủ lực của địch tan là địch phải cuốn giáo quy hàng. Quan niệm đó hoàn toàn lỗi thời, cuộc chiến tranh ở Việt-Nam là một cuộc chiến tranh không chiến tuyến. Địch ở trong ta và ta cũng ở trong địch, không có tiền tuyến, không có hậu phương. Địch quân lúc nào cũng tìm cách len lỏi, chúng không giữ đất và cũng không bao giờ đánh lâu. Khi nào chúng đánh là khi chúng tập trung quân mạnh hơn ta thập bội. Còn khi nào chúng thấy ta mạnh là chúng rút lui mất dạng vào trong vùng rừng núi hoặc những khu sinh lầy có cây cối che chở. Với chiến thuật đó thì xe tăng đại bác cũng

không có hiệu quả bao nhiêu. Nhưng những tướng lĩnh của tổ chức thì vẫn cứ nghĩ theo quan niệm cũ. Những cuộc tập rượt vĩ đại của họ, rút cuộc cũng không đi đến đâu. Nước mà Việt-Nam gửi quân đến học lồi du kích chiến lại không phải là một nước nằm trong khối Liên Phòng Đông Nam Á (Mã-Lai).

Vấn đề thứ hai là mâu thuẫn nội bộ giữa các nước sở quan. Trước hết Thái Lan thường trách là tổ chức SEATO huy động nặng nề và bắt lực trước những tiến bước của Cộng sản Thái Lan phản đối đường lối trung lập nước Lào do Anh, Mỹ chủ trương. Chính Thái-Lan là nước đã có sáng kiến đứng ra thành lập một tổ chức khác hiệu nghiệm hơn (ta sẽ nói đến ở phần sau). Hối quốc là nước vừa có chân trong tổ chức SEATO, vừa có chân trong tổ chức CENTO (Center East Nation Treaty Organization). Trong cuộc tranh chấp Ấn-Trung-Cộng. Hối đã trách Anh Mỹ viện trợ cho Ấn-Độ để chống Trung Cộng làm cho Ấn Độ trở nên mạnh hơn và nguy hiểm hơn đối với Hối. Hối đã từng có lần dọa sẽ rút chân ra khỏi tổ chức SEATO khiến Anh Mỹ phải bỏ hơi để hòa giải hai bên Ấn-Hối mà vẫn chưa xong. Hối quốc vừa ký hiệp ước biên giới với Trung Cộng khiến nước này xích lại gần Cộng sản hơn và lại càng làm khó hơn cho sự điều đình của Anh Mỹ. Do đó mà Hối quốc rất thờ ơ với tổ chức SEATO vì tổ chức đó không có lợi gì cho họ hết, SEATO là một tổ chức chống Cộng mà kẻ thù chính của Hối lại không phải là Trung Cộng mà

là Ấn Độ — Nếu xảy ra chiến tranh Ấn Hối, hiệp ước SEATO sẽ không được áp dụng. Vì thế cho nên ta không lấy gì làm lạ khi thấy vị ngoại trưởng Hối còn lưỡng lự chưa biết có đi phó hội ở Paris không.

Giữa Anh Mỹ Pháp cũng không phải là không có mâu thuẫn sâu sắc. Mỹ thì chủ trương diệt Cộng đến cùng. Còn Anh Pháp thì có vẻ lưỡng lự hơn, muốn ngã theo một giải pháp thật sự trung lập. Ví dụ như là Anh và nhất là Pháp đã triệt để ủng hộ giải pháp Souvana Phouma. Còn đối với Mỹ thì giải pháp Souvana Phouma chỉ là một giải pháp bất đắc dĩ — Đối với vấn đề Trung lập hóa Việt-Nam, Anh Pháp có vẻ gật gù suy nghĩ còn Mỹ thì cương quyết từ chối nhất định giúp chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa chống Cộng đến cùng.

Tóm lại hiện nay trong công cuộc chống Cộng, chính phủ Việt-Nam Cộng Hòa chỉ trông vào sự giúp đỡ của một mình Hoa-Kỳ. Sự giúp đỡ của các nước khác chỉ có tính cách tượng trưng mà thôi.

Thành ra khu vực mà tổ chức SEATO nhằm che chở lại không che chở gì được hết. Các vùng khác thì lại không cần đến sự che chở của khối SEATO. Có một nước có ích lợi cho Việt-Nam trong công cuộc chống Cộng hơn là nhiều nước khác trong tổ chức (chúng tôi muốn nói Mã-Lai) thì nước này lại không phải là hội viên của SEATO. Nước đó chỉ được nối liền với SEATO bằng sợi giây lỏng lẻo của khối Liên Hiệp Anh. Nhưng gần đây

một vấn đề được đặt ra là vấn đề « liên bang đại Mã-Lai » do sáng kiến của chính phủ Anh và chính phủ Mã-Lai, sau này được sự tán thành của chính phủ Tân-Gia-Ba đã làm phật lòng không ít một chánh phủ cũng nằm trong tổ chức SEATO là chính phủ Phi-Luật-Tân, Tổng Thống Macapagal đã quyết liệt phản đối kế hoạch nói trên, kế hoạch mà cả Anh lẫn Hoa Kỳ đều đồng ý. Rắc rối hơn nữa là Indonésia cũng lại nhảy vào cuộc và cũng kịch liệt phản đối việc thành lập Liên Bang Đại Mã Lai. Việc phản đối này làm cho Phi Luật Tân xích lại gần Indonésia hơn một chút (ai cũng biết Indonésia là một nước Trung lập khuynh tả) và xa Anh Mỹ hơn một chút. Cộng Sản chắc sẽ lợi dụng tình thế này để đục nước béo cò.

Có một điều cần chú ý là trước khi đi Paris phó hội với các vị ngoại trưởng trong khối minh ước SEATO, thủ tướng Thái đã bay sang Manille để cùng Phó Tổng Thống Kiêm ngoại Trưởng Phi Luật Tân là ông Emmanuel Paloez và thủ tướng Mã Lai là Hoàng Thân Abdul Rahman họp hội nghị lần thứ hai của tổ chức A. S. A (Association for South East Asia). Tổ chức này được thành lập từ tháng 7-1961, do sáng kiến của Thái Lan, lúc đầu chỉ có mục đích trao đổi văn hóa và kinh tế, nhưng sau này vì sự bất lực của khối SEATO trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp trong nội bộ các nước chòng cộng ở Đông-Nam-Á và cả vấn đề chòng cộng nó chung ở trong vùng này, tổ chức nói trên

đã có xu hướng muốn giải quy t những vấn đề chính trị.

Trước hết trong tổ chức này người ta không muốn để cho các nước da trắng tham dự. Người ta rất hoan nghinh sự gia nhập của Việt Nam Cộng Hòa vì nước này ở một vị trí trung tâm của tổ chức và đang chòng Cộng một cách quyết liệt trên tất cả mọi phương diện. Nhưng Việt Nam còn chưa quyết định thái độ vì chưa có gì chứng tỏ khả năng của tổ chức nói trên. Trong kỳ hội nghị này tổ chức ASA họp ở Manille để nghiên cứu về tình hình chính trị chung ở Đông Nam Á và nhất là vì việc thành lập Liên Bang Đại Mã Lai.

Ngày 1-4-1963 trong một cuộc họp báo có cả Phó Tổng Thống Paloez (PLT) ông Thanat Khoman, ngoại trưởng Thái, đã tuyên bố : « Vấn đề của chúng tôi không cần hòa giải, chúng tôi đều là bạn hữu và có thể tự mình giải quyết vấn đề một cách mỹ mãn ». Nói vậy thôi chứ Phi Luật Tân vốn còn bất mãn lắm, vì thế cho nên ông Paloez đã định ở lại nhà để mặc cho nhà ngoại giao Thái một mình bay đi Paris, may ra trong cuộc gặp gỡ giữa các ngoại trưởng Anh, Hoa Kỳ có thể tìm ra được giải pháp nào ôn hòa chăng. Nếu được đem ra trước toàn thể hội nghị, chắc sẽ không giải quyết được gì. Nhưng nếu đem ra thảo luận riêng thì có thể đem đến nhiều kết quả bất ngờ. Hội nghị các ngoại trưởng hiện nay đã khai mạc và bế mạc để rồi một số bộ trưởng lại đi dự hội

TỔ CHỨC LIÊN PHÒNG ĐÔNG NAM Á...

ng nghị OTAN cũng họp ở tòa nhà nói trên. Nhiều người đã cho rằng những tuần lễ sau đây sẽ là những tuần lễ rất quan trọng nó quyết định số phận của liên minh Âu Châu và Liên minh Á Châu. Các cuộc gặp gỡ ngoài hành lang cũng rất quan trọng nhưng còn trong vòng bí mật.— Vấn đề Đông Nam Á trong đó nổi nhất là 2 vấn đề Lào và Việt Nam chắc chắn sẽ được đem ra mổ xẻ, cả vấn đề hợp tác giữa các nước Tây phương trước nguy cơ Cộng sản nữa. Các nhà ngoại giao của 8 nước trong khối sẽ đem ra thảo luận các vấn đề sau đây :

1.— Có nên tiếp tục hoạt động chính trị quân sự ở Lào không.

2.— Làm thế nào để tìm ra những biện pháp để chống lại cuộc chiến tranh xâm nhập ở Việt Nam Cộng Hòa.

3.— Bàn luận về cuộc xung đột biên giới Ấn Độ Trung Cộng.

4.— Bàn về vấn đề Đại Mã Lai.

Một nhận xét nữa cần phải nêu ra là hội nghị SEATO và hội nghị OTAN lần này cùng sát nhau và họp cùng một nơi, thành ra nhiều vấn đề hệ trọng liên quan đến cả 3 khối SEATO, CENTO, NATO sẽ được đem ra xét cứu. Do đó những quyết nghị đưa ra trong kỳ hội nghị này có thể có một tầm quan trọng quyết định.

Một tờ báo Anh (The Guardian) đã có một ý kiến rất ngộ nghĩnh là nên mời ngoại trưởng Nga tham dự hội nghị này vì ông cùng với Anh là đồng

chủ tịch hội nghị Genève, mời ông dự hội nghị may ra có thể giải quyết gì được chăng ? Tổ chức SEATO là một tổ chức có mục đích chống Cộng. Tất nhiên Nga Sô không thể dự một hội nghị để bàn về vấn đề ngăn chặn ảnh hưởng của cộng sản ở Đông Nam Á. Và lại Nga Sô và Trung Cộng ngày nay còn rất nhiều vấn đề bất đồng ý kiến. Chắc gì Nga đã gây được áp lực đối với Trung Cộng ở khu vực này của Á Châu. Hơn nữa không khi nào Nga Sô lại chịu hy sinh các đồng minh Á Châu của họ để nhượng bộ quyền lợi của các nước Tây Phương ở một nơi mà họ đang lợi thế.

Hội nghị SEATO hiện đã bế mạc vào ngày 10-4. Vấn đề Ai-Lao được nêu lên trước tiên, nhưng rồi cũng đành phải bó tay vì không còn có vấn đề Ai-Lao yêu cầu can thiệp nữa. Ông Pote Sarasin còn xác nhận thêm là hiện giờ cũng không thể nào đặt vấn đề quân Mỹ đổ bộ trở lại lên đất Thái nữa.

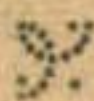
Về vấn đề Việt-Nam, hội nghị cũng chỉ biết hoan nghênh lời tuyên bố của ngoại trưởng Dean Rush loan tin rằng tình hình Việt-Nam Cộng-Hòa rất khả quan về cuộc chiến đấu chống Cộng đã thu lượm được những kết quả. Vì hội nghị họp ở Paris nên có lẽ vì xã giao Pháp cũng hứa sẽ lưu ý đến tình hình Đông Nam Á hơn.

Về vấn đề tổ chức ngoài việc tái cử ông Pote Sarasin làm Tổng Thư ký trong một nhiệm kỳ 2 năm nữa

và việc quyết định lần sau (1964) sẽ họp ở Manille, có một quyết định khá quan trọng. Đó là quyết định bãi bỏ lệ đồng thanh chấp thuận tuy quyền phủ quyết vẫn được duy trì. Như thế có nghĩa là chỉ cần đa số hội viên quyết định là có thể đem ra thi hành. Nước phản đối có thể không tham dự. Như vậy sự huy động của lực lượng sẽ được dễ dàng hơn. Một vài nước có thể can thiệp nhanh chóng mà không rõ sự chống đối của một vài nước khác.

Chúng ta mong sau hội nghị này, tổ chức SEATO với một vài cải tổ mới đó sẽ là một lực lượng chống Cộng khá mạnh ở Á Châu để bù lại sự bất lực của khối này trong suốt thời gian từ trước tới nay. Đứng trước những vấn đề lớn ở Á Châu, mong tổ chức sẽ có một thái độ cương quyết và nhanh chóng hơn, nếu không sẽ bị đào thải để một tổ chức khác hữu hiệu hơn thay thế. Thời gian sẽ trả lời chúng ta.

VIỆT-ANH



★ Đấng quân vương, tên mục đồng, con chó và con trầu: tất cả đều có nỗi khổ đau riêng.

Voltaire

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

B A O - H I E M

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện - thoại 23 739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai Ie HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Calre -
Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

những kẻ câm lặng (*)

TU Y bảy giờ còn đang trong mùa Đông mà bình-minh lại rạng rỡ bắt đầu một ngày trên thành-phố đã nhận nhịp hoạt-động. Ở đầu đập ngoài hải cảng, biển và trời lẫn vào nhau trong một vẻ sáng chói lọi. Dầu vậy, Yvars không để ý đến cảnh vật. Gã nặng nhọc đạp xe dọc theo những đại lộ song hành với bến tàu. Chiếc chân tàn tật để cứng nhấc trên bàn đạp cố định trong khi chiếc chân kia cố dẫn vượt qua những quãng đường lát đá còn ẩm-ướt sương đêm. Đầu cúi gằm, mình ngồi cứng trên yên, khi thì gã tránh những đường xe-điện cũ, khi thì gã ngoặt mau tay lái để nhường vài chiếc xe hơi vượt qua và thỉnh thoảng gã lấy khuỷu tay đẩy chiếc túi dẹt đựng phần ăn trưa Fernande đã bóí cho gã ra sau lưng. Gã chưa xót nghĩ đến đồ đựng trong túi. Giữa hai lát bánh mì, tồi thay vì nhồi bíp-téch chiên dầu hay trứng tráng theo kiểu gã thích lại chỉ có ít phó-mách mà thôi.

Con đường tới xưởng đối với gã chưa bao giờ có vẻ dài đến như thế. Mà gã cũng già rồi còn gì. Ở tuổi 40, gầy-gò kheo-khư như một dây nho leo, những bắp thịt gã không còn nóng mau lên được nữa. Đôi khi, đọc những bài tường-thuật thể-thao thấy người ta gọi một lực-sĩ 30 tuổi là lão-tướng gã thường nhún vai và nói với Fernande : « Nếu đó là một lão-tướng thì mình thành gì nhỉ, dễ mình bị sắp vào loại về vườn rồi chắc ». Tuy nhiên gã biết anh nhà báo kia không hoàn-toàn lầm. Ở tuổi 30 hơi thõa ta đã lụi rồi, dầu ít khi nhận thấy rõ. Ở tuổi bốn chục, ừ, thực ta chưa về vườn những sửa-soạn trước một chút để về là vừa. Có phải vì nghĩ thế mà lâu nay trên đường từ nhà tới xưởng đóng thùng ở đầu tỉnh đằng kia gã không

(*) « Les muets » trong tập tàn-truyện « L'Exil et le Royaume », Gallimard 1957.

NHỮNG KẺ CĂM LẠNG

buồn ngắm nhìn biển cả nữa? Hồi hai mươi tuổi, gã không thể nào chán chiêm-ngưỡng biển được; biển còn hứa-hẹn với gã một ngày cuối tuần vui thú trên bãi. Mặc dù quê, mà cũng vì quê nữa, gã vẫn thích bơi lội. Nhưng rồi năm này qua năm nọ, nào cưới Fernande, nào sinh đứa con trai, nào làm thêm giờ để sinh sống: làm ở xưởng đóng thùng ngày thứ bảy, làm lãng nhăng ở những nhà tư ngày chủ nhật. Dần dần gã mất thói quen của những ngày hoạt động cuồng nhiệt thỏa chí. Nước sâu và trong, trời nắng gắt, các cô gái, đời sống nhục thể, còn hạnh-phúc nào khác nữa ở quê hương gã đâu. Và hạnh-phúc ấy đã qua đi theo tuổi trẻ rồi. Yvars vẫn yêu biển mãi nhưng chỉ trong lúc ngày tàn khi nước ở vịnh hơi thâm màu lại. Thời-gian êm-ả chum lên chiếc sân nhỏ trước nhà, gã ngồi đấy, sau một ngày làm việc, dễ chịu, bằng lòng trong chiếc áo sơ mi Fernande đã giặt thật sạch, đã ủi thật thẳng, tay lại thêm ly rượu hồi pha lạnh hơi nước đọng. Buổi chiều ngả dần, một sự êm-dềm ngán-ngủi lan nhẹ trong không gian, vài người hàng xóm trò chuyện cùng Yvars, bỗng nhiên hạ hẳn giọng. Gã không rõ lúc đó gã sung sướng hay gã muốn khóc. Ít nhất thì gã cũng bằng lòng trong những phút ấy. Gã chẳng có gì để làm hơn là chờ đợi, dịu dàng chờ đợi, không cần biết là chờ đợi gì.

Những buổi mai đi làm thì trái hẳn lại, gã không thích nhìn ngắm biển cả tuy bao giờ gã cũng trung thành với ước hẹn từng chiều. Buổi sáng hôm ấy gã đạp xe đi, đầu cúi nặng nhọc hơn thường lệ: tim gã cũng chịu nặng thêm. Chiều tối hôm qua khi rời cuộc họp về nhà báo tin bắt đầu đi làm lại, Fernande

đã vui mừng hỏi gã: «Thế ư nhà, ông chủ tăng lương rồi phỏng?» Ông chủ chẳng tăng cắc khô gì cả, cuộc đình-công thất-bại rồi. Bọn gã không khéo sắp đặt, phải nhận như thế mới được. Đó là một cuộc đình-công vì phản-nộ, không hơn không kém, nghiệp-đoàn cũng có lý khi chỉ nhu nhược theo rồi thôi. Hơn nữa, mười lăm hai chục mạng thợ có ra cái thá gì; nghiệp-đoàn còn lưu-ý đến nhiều xưởng đóng thùng đã phải đóng cửa. Họ chẳng thể nào giúp bọn gã hơn được. Việc đóng thùng không còn chạy ngon, bị sự cạnh tranh của việc đóng tàu và cam-nhong si-téc đe-dọa. Càng ngày người ta càng đóng ít lần đi, thùng lớn cũng như nhỏ; bây giờ chỉ cần sửa chữa những chiếc thùng lớn đã có sẵn. Giới chủ-nhân thực ra cũng trông thấy việc làm của họ có hại nhưng dù sao cũng phải trừ-tính chút lờ lãi chứ; đối với họ cách giản-tiện nhất là giữ nguyên lương-bổng công nhân đầu giá sinh-hoạt có tăng cao lên đi nữa. Bọn thợ đóng thùng có thể làm gì được khi việc đóng thùng không còn? Ta không thể nào đổi nghề khi ta đã cực-nhục mới học được cho có một nghề trong tay; hơn nữa nghề này lại khó khăn phải tập việc làm dài. Người đóng thùng giỏi biết ghép sát những mảnh thùng cong, hơi lửa riết chặt lại và đánh đại sắt thành kín bung mà không dùng đến rafia hay sợi gai thì thực hiếm. Yvars biết thế lắm và hãnh-diện vì điều đó. Đổi nghề cũng chẳng sao, nhưng từ bỏ những gì mình biết rõ, từ bỏ chính sở-trường của mình không phải dễ dàng đâu. Một nghề tốt thế mà không dùng đến, ta bị kẹt đó thì đành cam chịu. Nhưng ngay sự cam chịu nào có dễ dàng gì! Thực khó mà

ngậm miệng lại để khỏi có thể thực sự tranh luận và để hết buổi sáng này sang buổi sáng khác đi đi về trên con đường cũ với nỗi nhọc mệt tích lũy thêm dần rồi đến mỗi tuần thò tay ra nhận lấy số lương mà họ rất muốn trả mình, số lương chỉ dụng ngày một eo hẹp ấy.

Bởi thế bọn gã đã nổi sung lên. Có vài ba người trước còn lưỡng lự, nhưng sau những cuộc bàn cãi đầu tiên với chủ thì sự tức giận tràn ngập lòng mọi người. Thực vậy, ông ta lại bảo gọn lỏn làm không làm thì bỏ. Người lớn ai đi nói thế. Esposito phải thốt lên : Không biết ông ta nghĩ sao ? Tưởng tội mình sắp tụt quần xuống hả ? ». Tuy nhiên, ông chủ không phải là quân đều giả. Ông ta đã nổi nghiệp cha, lớn lên ở trong xưởng này và từ lâu năm rồi quen thuộc hầu hết các tay thợ. Đôi khi ông ta còn mời bọn gã điểm tâm ngay trong xưởng nữa ; họ đã nướng cá hồi hay dồi lợn gác khói trên lửa đốt dăm bào, rồi chuyển choáng hơi men ông ta thực sự dễ chịu lắm. Vào dịp tết đầu năm mới, bao giờ ông ta cũng mừng tuổi cho mỗi thợ năm chai vang ngon và, bao giờ cũng vậy, mỗi khi có ai trong bọn gã ngã bệnh hay nhân một dịp bất thường gì đó, cưới hỏi hay chịu lễ ban thánh thể chẳng hạn, ông ta còn cho tiền bạc làm quà nữa. Nhân dịp sinh con gái, ông ta đã mang kẹo chia mừng với mọi người. Hai hay ba lần gì đó, ông ta đã mời Yvars về cơ nghiệp ở miền duyên hải của mình để đi săn. Thực ra, ông ta mến thợ lắm, cứ luôn miệng nhắc đến ngày xưa cha mình khởi nghiệp chỉ là một người thợ tập việc. Tuy vậy chẳng bao giờ ông ta đến chơi nhà ai trong bọn gã cả, ông ta không biết điều chút nào.

Ông ta chỉ nghĩ đến mình vì ông ta chỉ biết có mình ông ta thôi, và bây giờ lại « làm không làm cứ việc bỏ ». Nói cách khác : ông ta bây giờ lại đâm ra cố chấp. Phải, chính ông thì ông được quyền làm vậy.

Bọn gã đã buộc nghiệp đoàn nhúng tay vào, xưởng thợ đã đóng cửa đó. Thế mà ông chủ lại bảo : « các anh đừng nhọc xác định công làm gì. Xưởng nghỉ thì tôi càng tiết kiệm được nhiều thứ ». Điều đó thực không đúng, nhưng như thế có dàn xếp được chuyện gì đâu bởi vì ông ta đã nói thẳng vào mặt bọn gã rằng cho bọn gã làm việc là vì lòng nhân đạo đó thôi. Esposito đã nổi điên lên và rửa ông ta không phải là người. Ông chủ lại cũng máu nóng và người ta phải xúm vào can ngăn họ ra mỗi người một phía. Nhưng đồng thời cả bọn thợ đều đã xúc động. Hai chục ngày ròng đình công : các bà vợ ở nhà buồn khổ, hai ba người trong bọn đã ngã lòng, và để chấm dứt, nghiệp đoàn đã khuyên nên nhượng bộ, hứa hẹn sẽ làm trọng tài để điều đình và thu xếp cho bù lại những ngày đình công bằng cách làm thêm giờ. Bọn gã phải quyết định trở lại làm việc. Dĩ nhiên là làm dóc tự nhủ rằng như như thế chưa ổn, như thế còn cần xét lại. Nhưng sáng nay nổi một nhọc như sự thất bại đè nặng lòng, chút phở mách thay vì miếng thịt, thì chẳng còn ảo tưởng nào nữa. Mặt trời chiếu rạng-rỡ, biển không hứa hẹn gì cả. Yvars dẫn người trên chiếc bàn đạp độc nhất và sau mỗi vòng bánh xe gã cảm thấy như già thêm lên một chút. Gã không thể nghĩ đến xưởng thợ, đến bạn bè, đến ông chủ mà gã sắp gặp lại mà không cảm thấy tim

NHỮNG KẺ CÂM LẶNG

mình nặng thêm. Fernande đã lo lắng :
« Rồi các anh sẽ nói gì với ông chủ ?
— Chẳng nói gì hết. » Yvars đã ngồi trên chiếc xe đạp, lắc đầu. Gã cắn chặt răng ; khuôn mặt nhỏ bé nâu sạm có những nét thanh tú của gã đánh lại.
« Mình đi làm. Thế đủ rồi ». Bây giờ thì gã đang đạp xe đây, răng vẫn cắn chặt với nỗi giận buồn và khô ảm đạm tỏa lên tận trời.

Gã bỏ đại lộ, dẫn thân vào những đường phố nhộp nháp của xóm kiểu Tây-Ban-Nha cổ lỗ. Những đường phố ấy đổ vào một khu chỉ có những nhà để xe, những nhà kho chứa sắt rỉ và những gara sửa chữa xe hơi, xưởng thợ ở trong đó : một loại nhà kho, tường gạch xây cao lưng chừng, phía trên lắp kính cho đến tận mái nhà lợp tôn dợn sóng. Xưởng trông sang hăng đóng thùng cũ, cách một cái sân. Bao quanh sân là những nhà thoáng từ ngày xưởng mở rộng thêm chỉ dùng làm kho chứa máy móc hư và những thùng rượu cũ. Bên kia sân, qua một con đường che ngói cổ, tới khu vườn nhà ông chủ. Sừng sững ở đầu vườn dinh cơ ấy vừa to vừa xấu, tuy thế có vẻ dễ thương với bụi nho hoang và đám hoa kim-ngân quăn-quít bên cầu thang phía ngoài.

Yvars nhìn ngay thấy cửa sổ còn đóng kín. Một bọn thợ đứng cạnh đấy, yên lặng. Từ ngày gã làm việc ở đây, lần này là lần đầu gã thấy cửa đóng khi tới xưởng. Ông chủ cố ý muốn trả miếng bọn gã đây. Yvars lái quẹo về bên trái, cắt xe đạp vào căn nhà thợ học việc cạnh bên xưởng và tập tễnh bước về phía cửa. Từ xa gã đã nhận ra Esposito, thằng cha đen đúa lông lá làm việc ngay cạnh bên gã, Marcou, đại

diện trong nghiệp-đoàn có chiếc đầu ca-si tài-tử, Said, người Ả-Rập độc nhất trong xưởng rồi tất cả mọi người, yên lặng, nhìn gã đến gần. Nhưng gã chưa tới thì bọn người kia đã thành linh quay cả lại về phía những cánh cửa xưởng thợ vừa mở rộng. Lão chăm công Ballester hiện ra trong khung cửa. Lão quay lưng lại bọn thợ, từ từ đẩy cánh cửa nặng trên đường rầy.

Ballester là người thợ già nhất đám, lão đã phản đối cuộc đình công nhưng mà lão đã lặng lẽ bỏ đi khi Esposito bảo lão rằng lão chỉ vun quén lợi lộc cho chủ. Bây giờ đây lão đang đứng cạnh cửa, to ngang nhưng ngán đùn trong chiếc áo tích-cô xanh nước biển, chân đã bỏ giày (chỉ có lão và Said là hay để chân đất khi làm việc) và lão đang chăm chăm nhìn từng người vào một bằng đôi mắt trắng già như không mầu, khuôn mặt già nua sạm đen, chiếc miệng buồn dưới hàng râu mép dày và cụp xuống. Bọn gã yên lặng, cảm thấy xấu hổ khi phải trở lại thất bại, lộn ruột lên vì chính sự im lặng của mình, nhưng càng kéo dài càng bất lực, không phá tan được nỗi câm nín ấy. Họ bước qua cửa, không nhìn lại Ballester dù họ biết lão chỉ thi hành lệnh chủ khi bắt họ vào xưởng kiểu này và cứ nghiệm về mặt chua chát và nỗi buồn khổ của lão họ cũng rõ lão đang nghĩ gì. Còn Yvars, gã lại nhìn chăm lại lão Ballester, trước thương gã lắm, chỉ lắc đầu mà không nói gì.

Bây giờ thì họ đều ở trong phòng thay đồ, bên phải lối ra vào : từng ngăn riêng để đồ, chia cách nhau bằng những tấm gỗ tối, mỗi bên vách treo tới góc tường một chiếc tủ nhỏ có khoá hân hoi ; ngăn

cuối cùng kể từ cửa vào được sửa thành phòng tắm bên dưới có cống thoát nước đào ngay trên nền đất nện. Ở giữa xưởng, tùy theo chỗ làm việc ta thấy những chiếc thùng nhỏ đã lắp xong những đai sắt, lỏng lẻo còn chờ nung lửa tán chắc, những chiếc ghế dày khoét khe dài ở giữa (và nơi vài chiếc ghế này những chiếc đáy tròn bằng gỗ để trườn lăn trong khe chờ bào sửa lại), cuối cùng là những lò còn để nguội, Dọc theo tường ở bên trái lối ra vào những chiếc bàn thợ xếp hàng dài. Trước những chiếc bàn này chất đồng nhiều chồng ván thùng để bào. Sắt tường phía bên phải, gần ngay phòng thay đồ, sừng sững hai chiếc cửa máy, dầu mỡ bóng loáng mạnh-mẽ nhưng lạng-lẽ.

Đã từ lâu xưởng trở nên quá rộng đối với một dúm thợ làm việc ấy. Đó là một điều lợi trong những lúc nực-nội thì lại là một điều hại khi mùa đông. Nhưng hôm nay trong khoảng không rộng-rãi này, công việc bỏ dỡ đó, những chiếc thùng lơ tay hồng vút trong một xó, một vòng đai quấn lấy dưới chân phía trên ván thùng xoè nở như một bông hoa thô-kịch bằng gỗ, bụi mùn cửa phủ đầy trên băng, đây đó vài hộp đồ nghề và máy móc, tất cả mang lại một vẻ gì hoang phế. Bọn gã sừng-sờ nhìn và lưỡng-lự đứng, bây giờ họ bận những chiếc áo tích-cô cũ kỹ và những chiếc quần bạc thếp, vá chằng vá đụp. Ballester quan sát họ. Lão nói: « Thế nào, làm chứ? ». Từng người một họ vào chỗ họ, cầm miệng như hến cả lượt. Ballester đi từ chỗ này đến chỗ khác chỉ sơ cho họ công việc sắp phải làm hay phải làm cho xong. Chẳng ai trả lời lấy một câu. Rồi thì, tiếng búa đầu tiên vang lên đập trên chiếc đục gỗ đầu bịt sắt,

đánh sâu vòng đai xuống bụng một chiếc thùng, tiếng bào nghiêng rít qua một mắt gỗ và Esposito cho một chiếc cửa chạy rồ lên cùng tiếng lưỡi thép giật giọng. Said tùy người sai gọi mang lại những mảnh gỗ thùng hay chum lửa dăm bào để hơ cho thùng nở tròn trong khuôn lưỡi sắt. Khi chẳng ai sai gọi, hấn ra sức nện búa tán những vòng đai sắt rộng bỏ rỉ hoét. Mùi thơm của vỏ bào đốt đã tỏa ngợp xưởng. Yvars đang ngồi bào và chấp số ván thùng do Esposito cắt ra, gã nhận rõ mùi thơm cũ quen thuộc ấy và tìm gã chột thất lại. Mọi người làm việc trong yên lặng, tuy nhiên một hơi nồng, một sức sống dần dần tái hiện trong xưởng thợ. Qua những khung kính lớn một ánh sáng tươi tắn tràn lan khắp nhà. Những đợt khói lam lừng lơ trong không khí ối vàng; Yvars còn nghe thấy cả tiếng một con muỗi vo-ve gần chỗ gã.

Vào lúc đó cánh cửa thông sang xưởng đóng thùng cũ chột mở ra và ông Lassalle, tức ông chủ, đứng sừng sững nơi ngưỡng cửa. Ông ta ngoại tam tuần, gầy gò sạm nắng, chiếc sơ-mi trắng bẻ cổ rộng ra ngoài bộ com-lê ga-bạc-din màu nâu xám nhạt, trông ông có vẻ dễ chịu, gọn gàng lạ. Mặc dù bộ mặt xương sấu, nét sắc như dao cắt, thần sắc ông luôn luôn gọi ta sự thiện cảm y như phần đông các nhà thể thao buông thả phong thái tự do. Tuy nhiên ông ta đang có vẻ gì như ngại ngần khi bước qua cửa. Lời chào của ông không vang lên rõ ràng như thường ngày mọi người cũng chẳng ai trả lời nữa. Tiếng búa ngừng ngại, lời nhịp rồi lại trở lại ngon trớn như trước. Ông Lassalle lưỡng lự bước vài bước, rồi tiến về phía chú Valery,

thợ mới làm cùng bọn gã có một năm nay. Ông chủ nhìn hấn lấp đầy một chiếc thùng nhờ gần chỗ cửa máy, cách bên Yvars vài bước. Valery cứ cặm cụi làm, chẳng mở miệng lấy một tiếng. Ông Lassalle nói : «Này, khá chứ chú em ? » Người con trai ấy bỗng nhiên có những cử chỉ vụng về. Hấn liếc nhìn Esposito ngay gần hấn, đang ôm trên đôi tay to lớn một chồng ván thùng để mang đến cho Yvars. Esposito cũng nhìn lại hấn nhưng cứ tiếp tục làm, và Valery lại cúi mũi vào chiếc thùng không đáp lời ông chủ. Ông Lassalle, sững-sờ đôi chút, đứng sững một phút trước người con trai ấy rồi ông nhún vai và quay sang phía Marcou. Người thợ này ngồi kẹp lấy chiếc băng, đang bào rìa một cái đáy bằng từng cử động chậm rãi và chắc chắn một. « Chào bác Marcou ! » Ông Lassalle nói bằng một giọng hơi sảng. Marcou cũng chẳng trả lời, chỉ chăm chú lự bào từng dăm thực mỏng. Ông Lassalle quay về phía những người thợ khác, cao giọng . « Các anh có ý gì đây mới được chứ ! Mình không đồng ý, đúng rồi, nhưng điều đó không cấm mình làm việc bên nhau. Vậy thái độ này của các anh dùng làm gì đây ? ». Marcou đứng dậy, nhấc chiếc đáy thùng lên, xoay tay đo lại bề kính, nheo đôi mắt lờ lờ lộ vẻ hoàn toàn thỏa mãn và, cứ im lặng, đi sang phía một người thợ đang lấp một chiếc thùng nhỏ. Trong khắp xưởng ta chỉ nghe thấy tiếng búa đập và tiếng cửa máy chạy. Ông Lassalle nói : «Được, khi nào hết chuyện các anh bảo với Ballester cho tôi biết» Khoan thai, ông chủ bước ra khỏi xưởng.

Tuồng như ngay sau đó vang lên trên cái ồn ào của xưởng hai hồi chuông gọi. Ballester mới ngồi xuống quần điều thuốc

lá nặng nhọc đứng dậy và tiến về phía cửa xưởng. Sau khi lão đi, tiếng búa đập bớt mạnh dần ; một người thợ vừa ngừng hấn thì Ballester trở lại. Từ ngoài cửa lão chỉ gọi vọng vào : « Ông chủ cho kêu bác Marcou và bác Yvars ! » Cử động đầu tiên Yvars định làm là đi rửa tay nhưng Marcou nắm gã lại khi gã đi qua và rồi gã tập tễnh theo người thợ bạn.

Ngoài sân, ánh sáng rất tươi, rất ấm đến nỗi Yvars cảm thấy nó lan trên mặt, trên tay để trần của gã. Họ trèo lên thang lầu phía ngoài, dưới dàn kim ngân đã trở đôi ba chùm hoa. Khi họ đi vào hành lang trang hoàng đầy bằng tượng lệ, họ nghe thấy tiếng trẻ khóc và tiếng ông Lassalle nói : « Em phải ru nó ngủ sau bữa ăn mới được. Nếu không, đến phải gọi Bác sĩ mất ». Rồi ông chủ hiện ra ngoài hành lang và ra dấu cho họ vào chiếc văn phòng nhỏ mà họ đã biết từ lâu, bày biện quê kệch, tường treo đầy đồ kỷ niệm về thể thao. « Các anh ngồi đi », ông Lassalle nói thể khi vào chỗ sau bàn giấy. Họ vẫn đứng ngay như tượng. « Tôi cho gọi các anh bởi vì Marcou là người đại-diện và Yvars là thợ làm lâu năm nhất, sau Ballester. Tôi không muốn trở lại những bàn cãi đã qua rồi. Tôi cũng không muốn, không chút nào muốn, cho thứ các anh đòi ! Câu chuyện đã thanh toán, chúng ta đã đi đến kết luận là phải làm việc trở lại. Tôi thấy rõ các anh cần ở tôi điều đó và điều đó thực cực nhọc cho tôi, tôi cứ nói toạc điều tôi nghĩ với các anh thế. Tôi chỉ muốn thêm có lời này nữa thôi : cái gì tôi không thể làm được hôm nay có lẽ tôi sẽ làm được khi nào công việc lại trôi chảy. Và nếu tôi có thể làm được thì tôi làm ngay trước cả khi các anh đòi hỏi

tôi nữa. Trong khi chờ đợi: chúng ta hãy làm việc trong hòa khí đã! » Ông ta bỗng im lặng, có vẻ suy nghĩ, rồi ngừng nhìn họ, hỏi: « Thế nào? ». Marcou nhìn ra ngoài trời. Yvars, răng cắn chặt, muốn nói, nhưng không nói nên lời. « Hãy nghe này, ông Lassalle bảo họ, các anh đều cần nệ cả. Rồi chuyện qua đi mà. Khi nào các anh biết điều như trước thì đừng quên những lời tôi vừa nói nhé ». Ông ta đứng lên, đi lại phía Marcou, chìa tay ra và nói: « Thôi, rua! ». Marcou tái người đi, khuôn mặt của một chàng ca sĩ khả-ái rần lại và sau một phút bỗng trở nên dửng-dần. Rồi hắn dùng dùng quay gót, đi ra. Ông Lassalle xám cả mặt, nhìn Yvars không đưa tay bắt tay gã mà quát: « Đi đi cho khuất mắt! ».

Khi họ trở lại xưởng thợ mọi người đang ăn trưa. Ballester đã đi khỏi rồi. Marcou chỉ nói: « chuyện hão cả! » và trở về chỗ làm việc. Esposito ngừng gặm bánh để hỏi hai người đã trả lời thế nào; Yvars nói chẳng trả lời gì hết. Rồi gã đi kiểm chiếc túi dệt và trở lại ngồi trên chiếc băng làm việc. Khi bắt đầu ăn thì gã nhận thấy gần bên gã Said ngả lưng trên đám dăm bào đưa mắt nhìn mung lung qua những khung kính xanh màu nền trời giờ không còn chói chang. Gã hỏi Said đã ăn xong rồi sao, thì hắn trả lời hắn đã nhá sung trừ bữa rồi. Yvars chợt ngừng ăn. Sự khó chịu từ lúc gặp ông Lassalle đột nhiên biến mất nhường chỗ cho một sự ăn cần nể hậu. Vừa đứng dậy, vừa bẻ bánh, gã nói để chặn lời từ chối của Said rằng tới tuần sau mọi sự sẽ khá hơn. Gã bảo: « Rồi chú lại mời lại tôi, lo gì! » Said cười. Bây giờ thì hắn nhắm nháp miếng

bánh Yvars cho, ~~thực~~ **chậm** rãi như thể một người không đói.

Esposito lấy một chiếc soong cũ và nhúm một ngọn lửa nhỏ bằng dăm bào và ván vụn để hâm nóng chai cà-phê hần mang theo. Hắn nói rằng đó là quà của lão bán tạp-hóa tặng cả xưởng khi lão biết tin cuộc đình công đã thất bại. Chiếc lọ trước đựng mù-tạc nay dùng làm ly truyền từ tay này sang tay khác. Mỗi lần chuyển là mỗi lần Esposito nghiêng rót cà-phê pha sẵn đường cho từng người. Said tợp uống ngon lành hơn hẳn khi hắn ăn miếng bánh. Esposito uống chỗ cà-phê còn lại ngay trong chiếc soong nóng bỏng, vừa chếp môi vừa văng tục. Chính lúc đó Ballester trở vào, báo đến giờ làm việc.

Trong khi bọn gã đứng lên thu dọn đồ đoàn vào túi thì Ballester tới ngồi giữa cả bọn rồi chợt nói rằng chuyện qua là cú đau cho cả bọn, cho chính lão nữa, nhưng đó không phải lý do để hành-động như trẻ nít, cứ dằn dỗi thì chẳng đi đến đâu cả. Esposito tay cầm chiếc soong quay ngoắt về phía lão; khuôn mặt dầy dạn và dài đuồn chợt đỏ ửng lên. Yvars biết rõ điều hắn sẽ nói, mọi người đều nghĩ đồng thời như gã, rằng bọn gã không dằn dỗi, rằng người ta đã bịt miệng bọn gã lại bằng câu làm không làm thì bỏ, rằng nổi tức giận và sự bất lực đôi khi quá đau đớn đến nỗi ta không há miệng kêu than được. Họ đều là người cả, thế thôi, và họ không chịu phải giả-dối tươi cười vui vẻ. Nhưng Esposito lại không nói tiếng nào về những điều này, mặt hắn rạng rỡ và hắn đi tới vỗ vỗ vào vai Ballester trong khi mọi người trở lại chỗ làm việc. Thêm một lần nữa những

NHỮNG KẺ CÂM LẶNG

tiếng búa vang dội, trong khắp xưởng tràn đầy tiếng ồn ào quen thuộc, mùi vỏ bào và mùi quần áo cũ ẩm mồ-hôi. Chiếc cửa máy lớn gập lên và nghiêng ngon miếng gỗ xẻ ván thùng mà Esposito đang từ từ đẩy về phía trước. Ở chỗ vết xẻ những tia mùn cửa vọt át vọt ra như thể vụn vỏ bánh mì phủ đầy lên đôi tay to lớn lông lá đang nắm chặt lấy miếng gỗ ở hai phía lưỡi cửa nghiêng ghé. Khi miếng ván thùng đã dứt rồi, ta chỉ nghe thấy tiếng nổ ầm-ì.

Bây giờ mà Yvars đã cảm thấy đau dần sống lưng vì cúi gập người bào. Thói thường thì phải lâu nữa mới mệt. Chắc hẳn vì gã bỏ bằng không dờ tới nghề những tuần không hoạt động kia. Nhưng gã không nghĩ tới tuổi tác chông chắt làm công việc tay chân thêm nặng nhọc, nhất là công việc đẩy lại không phải chỉ cần đến sự chính xác mà thôi. Con nhúc mỗi ngày báo thêm cho gã biết cái già sừng sộc sắp đến. Khi đó thì bắp thịt nhão ra, răn ra, công việc trở nên khổ dịch, rồi sửa soạn chiều tổ tiên và những buổi chiều mệt ngọc giấc ngủ chẳng khác gì giấc chết. Con trai gã muốn trở thành một ông giáo, nó có lý đấy chứ, những ai diễn thuyết tràng giang đại-hải về công việc thủ công vị tất đã hiểu họ đang nói về gì.

Khi Yvars ngừng dậy để thở và để xua đuổi những ý nghĩ không hay chuông gọi lại chợt reo lên. Nó reo lên một cách khác thường, từng giây ngừng ngắn rồi lại quả-quyết tiếp tục khiến bọn thợ đều dừng tay làm việc. Ballester lắng nghe, ngạc nhiên rồi quyết-định thận-trọng đi ra phía cửa. Lão mất hút một

lát sau thì chuông ngừng reo. Bọn thợ làm việc trở lại. Thình lình, cánh cửa bật mở và Ballester chạy vội về phía phòng thay đồ. Lão vội trở ra, vội xỏ chân vào đôi giày vải trong khi khoác mau chiếc áo ngoài, vội nói với Yvars khi đi ngang qua : « Con nhỏ làm kinh. Tôi đi kiếm ông Germain ». Và chạy ra phía cửa lớn. Bác-sĩ Germain phụ trách y-tế cho cả xưởng; ông ở trong khu phụ-cận thành phố. Yvars nhắc lại tin ấy, không bình phẩm. Bọn thợ đứng ngồi quanh gã, nhìn nhau bối rối ! Người ta chỉ còn nghe tiếng máy cửa bỏ chạy không. « Có lẽ chẳng việc gì đâu », tiếng một người trong bọn cất lên. Họ trở lại chỗ làm việc, xưởng lại chất-chứa tiếng động, nhưng mọi người làm việc chậm chạp như thể đang chờ đợi một cái gì.

Vào khoảng mười lăm phút, Ballester trở lại, cởi áo ngoài và, không nói một câu, đi trở ra lối cửa nhỏ. Trên những ô kính, ánh sáng yếu lờn. Một lát sau, trong những quăng thời-gian mà lưỡi cửa không nghiêng cắt gỗ người ta nghe thấy tiếng rú của một chiếc xe-nhà thương, lúc đầu xa-xôi, rồi gần dần và bây giờ thì im ắng hẳn lại. Một thoáng nữa qua, Ballester trở lại và mọi người tiến về phía lão. Esposito đã tắt máy. Ballester vừa thay đồ trong phòng lão vừa kể rằng con bé « đi » mau quá, chẳng khác chi có một lưỡi hái vừa hạ xuống. « Mẹ kiếp ! » Marcou thốt lên. Ballester lắc đầu và tỏ lộ một cử chỉ mơ hồ về phía xưởng; nhưng cả bọn đều có vẻ xúc động. Bây giờ người ta lại nghe rõ tiếng rú của chiếc xe nhà-thương. Họ đều có cả đây, trong xưởng thợ lặng lẽ này, dưới những đợt sóng

ánh sáng vàng vọt đổ từ ngoài trời vào qua những khung cửa kính, với những bàn tay thô cứng vô-dụng duỗi dài theo những chiếc quần cũ kỹ phủ đầy mặt cửa.

Buổi chiều còn sót kéo dài mãi ra. Yvars không còn cảm thấy mệt nhọc nữa nhưng tim gã vẫn se thắt. Gã muốn nói được chút gì. Nhưng gã chẳng có gì để nói hết, cả bọn người kia cũng vậy. Trên những bộ mặt trầm ngâm của họ người ta chỉ đọc thấy nỗi buồn rầu và một vẻ buồn bã chịu đựng. Đôi phút, trong lòng gã chữ bất hạnh hiện ra, nhưng mới thoáng đã lại biến đi như chiếc bọt nước nổi lên rồi tan vỡ ngay cùng một lúc. Gã thêm được trở về nhà, thấy lại Fernande, đứa con trai, và chiếc sân nhỏ bé. Ngay khi ấy Ballester báo đến giờ tan sở. Máy móc ngừng chạy. Bọn thợ từ từ tắt lửa và xếp dọn chỗ mình lại, rồi lần lượt từng người họ ra phòng thay đồ. Saïd ở lại cuối cùng vì hắn phải lau chùi nơi làm việc và tưới nền đất bụi bặm. Khi Yvars đến chỗ thay đồ thì Esposito, to lớn và lông lá, đang đứng dưới vòi nước. Hắn quay lưng lại bọn thợ, sát sà bông kêu bành bịch khắp người. Thói thường bọn gã hay cười nhạo sự cả thẹn của hắn ; thực vậy, con gấu người này gian ngoan dẫu nhem nhớp phần kín của thân thể hắn lại. Nhưng hôm nay chẳng ai có vẻ để ý đến điều đó. Esposito đi giặt lùi ra và quần khăn quanh lấy hạ thể như kiểu đóng khố. Những người khác lần lượt theo nhau tắm ; Marcou vỗ dôm đốp vào mạng sườn để trần trong khi có tiếng cửa lớn từ từ nghiêng bánh chạy trên đường rầy. Ông Lassalle vào thành lĩnh.

Ông ta vẫn ăn mặc như lần trước, nhưng đầu tóc hơi bù rối. Ông dừng lại ở ngưỡng cửa, đứng sững ngắm xưởng thợ không người, đi vài bước, rồi dừng lại nữa và nhìn về phía phòng thay đồ. Esposito, vẫn đóng chiếc khố kia, tiến lại phía ông chủ. Trần như nhộng và lại lúng ta lúng túng hắn đóng đưa bước, chân nam đá chân chiêu. Yvars nghĩ nên nói với Marcou đôi câu. Nhưng Marcou đang đứng lẫn dưới làn mưa nước từ vòi tia xuống kia. Esposito lấy chiếc sơ mi và quàng nhanh vào người trong lúc ông Lassalle nói : « Anh về nhé ! » bằng một giọng hơi rề rề rồi bước về phía chiếc cửa nhỏ. Khi Yvars nghĩ phải kêu ông ta lại thì cánh cửa đã khép chặt mất rồi.

Yvars đi thay đồ, không tắm rửa gì nữa, chào bọn thợ một cách thân ái và họ cũng đáp lại nồng-nhiệt không kém. Gã vội vàng ra khỏi sở, lấy xe đạp và khi gã lên yên thì lại nhúc nhích mỗi cùng mình. Bây giờ gã đạp xe trong lúc tàn lụi của buổi chiều qua thành phố đông đúc. Gã đi thực nhanh, gã muốn mau trở lại mái nhà cũ kỹ với chiếc sân thân yêu. Gã sẽ tắm trong chiếc thùng giặt áo quần và rồi sẽ ngồi ngắm biển xạm màu hơn ban mai đã đi theo gã dọc theo bên ngoài những hàng đèn của các đại lộ. Nhưng có đứa con gái nhỏ kia cùng theo gã nữa, và gã không thể ngừng nghĩ về nó.

Tối nhà, thằng con gã đã đi học về đang ngồi xem sách tranh ảnh. Fernande hỏi gã mọi chuyện có êm đẹp không. Gã không nói gì, bước khỏi thùng giặt rồi đến ngồi ở chiếc băng tựa lưng vào tường trước sân nhà. Quần áo vá chằng vá đụp phơi đầy quanh hắn, bầu trời

NHỮNG KẺ CÂM LẶNG

trở nên trong suốt, bên ngoài bức tường thấp ta thấy biển cả dịu hiền của ban chiều. Fernande mang chai rượu pha hồi cùng hai cái ly và ấm nước lạnh. Nàng ngồi xuống cạnh chồng. Gã vừa kể cho nàng nghe hết thấy mọi chuyện vừa nắm lấy tay nàng như trong những ngày đầu tiên mới lấy nhau. Lúc kể xong, gã ngồi im lặng, quay mặt ra bể thì

hoàng hôn đã vội vã chạy từ chân trời nọ sang chân trời kia rồi. Gã nói : « A, mà đó là lỗi ở ông ta ! » Gã muốn trẻ trung lại, cả Fernande nữa, và cả hai sẽ sang bờ bên kia của biển cả.

ALBERT CAMUS

Cô THANH-NGÂN dịch

Cáo lỗi

Trong loạt bài « Tiểu thuyết đi về đâu ? » của Trạng-Thiên đăng từ B. K. số 147 và số 150 có vài chỗ có thể khiến độc giả thắc mắc :

— Nhận xét về 3 giai đoạn triết học theo A. Comte dẫn ở B. K. số 147, trang 32 là thuật theo đúng lời P. de Boisdeffre (Où va le Roman ?) Thật ra theo các sách triết thì 3 giai đoạn đó là : giai đoạn thần học, giai đoạn siêu hình và giai đoạn thực nghiệm.

— Vì sự sơ sót của ấn công trên B. K. số 150, trang 44, giòng thứ 4 dư một chữ « của » và bao nhiêu chữ madeleine trong đoạn ấy đều viết hoa như tên riêng. Thực ra thì madeleine là danh từ chung, là tên gọi một thứ bánh (bánh quả bàng).

Sẽ phát hành trong tháng 5

Con đường

Thi phẩm đầu tay của TRẦN-ĐẠI

Tựa của thi sĩ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Gồm 1 số bài thơ lựa ở những bài đã đăng trên các tạp chí Tân-Phong, Bách-Khoa, Tự-Do v. v... và những bài mới nhất của tác giả — Chỉ phát hành 150 bản đặc biệt in trên giấy blanc-fin, giá mỗi tập 50 \$, không phát hành bản thường. Xin liên lạc thẳng hoặc gửi bưu phiếu tới trước cho Lê-Tất-Điều :

Tòa soạn BÁCH-KHOA, 160, Phan-Đình-Phùng — Saigon

con đường ngựa chạy

kịch viên-linh

CÁC VAI

NGƯỜI XÀ ÍCH : Già, dứt khoát, rành rọt

NGƯỜI TÀI XẾ XE ĐÒ : Đứng tuổi, hay cười nhỏ, tự mãn.

HIỆP : Thanh niên, tự tin.

TÂM : Thiếu nữ thời sự, người yêu Hiệp

KIM-HÀ : Nữ ca sĩ vang bóng một thời, buồn rầu, bạn đồng hành của Hiệp và Tâm.

NGÀN : Thím Hiệp, chung chung.

ĐẠI : Bạn Hiệp, thời trang

NGƯỜI LƠ XE : Hò hét.

Con đường ngựa chạy là một kịch bản được viết ra theo những yếu tố kỹ thuật đã định sẵn, đó là một vở kịch phóng thanh và đã do Ban Kịch Hoa Lư trình diễn trên làn sóng điện của Đài Phát Thanh Saigon hồi tháng 2-1963 vừa qua. Bởi thế mong bạn đọc sẽ không phải ngạc nhiên khi thấy những lời đối thoại trong kịch bản này có nhịp chậm và những lời ghi chú nặng về tính cách thâm âm hơn là mô tả. Trong buổi trình diễn đầu tiên. *Con đường ngựa chạy* được các diễn viên sau đây đảm nhiệm các vai chánh : ● Người Xà Ích : Thanh-Nam ● Người tài xế xe dò : Tô-Kiểu-Ngân ● Hiệp : Hoàng-Thư ● Tâm : Bích-Thủy Kim-Hà : Minh-Châu ● Ngàn : Kiểu-Hạnh ● Đại : Tác giả ● Phần nhạc : Bạch-Tuyết ● Đạo diễn : Thanh Nam và Thái-Thủy.

MỞ MÀN

(Buổi chiều, trên một con đường dài, các nhân vật ngồi gần nhau trên một chiếc xe đồ cũ, xộc xệch, chậm chạp lăn bánh về miền quê...)

Tiếng máy nổ ọc ạch, thỉnh thoảng người tài xế lại còi).

Tâm : Trời ơi xe pháo thê này bao giờ mới tới nơi ông Tài ?

Người lái Xế : (hì hà) : Tới mà. Sẽ tới mà cô.

Tâm : Thì phải tới chứ. Nhưng điều này thì nửa đêm cũng chưa biết chừng.

Người lái Xế : Hồi nào đèn giờ chưa có chuyện đó cô Hai.

Tâm : Anh Hiệp, đồng hồ anh mấy giờ rồi ?

Hiệp : Bồn giờ rưỡi.

Tâm : Trời ơi bồn rưỡi rồi sao ? Thê này thì nửa đêm mới tới thật.

(Tiếng xe vẫn chuyển động)

Tâm (lớn tiếng) : Từ đây tới đó còn bao nhiêu cây sò nữa bác Tài.

Người lái Xế : Hơn hai mươi cây.

Tâm : Thím Ngân ơi. Cháu đã bảo với Thím với anh Hiệp mà. Phải sáng mai hãy đi có phải hơn không ?

Ngân (nhẹ nhàng) : Cháu nói chỉ thêm chuyện ra, đã chắc gì xe đèn chậm đâu ?

Tâm : Lại còn không chậm. Còn phải qua một cái cầu lớn lắm mà cầu lại chỉ chạy từng chiều một thôi. Đợi xe bên kia qua hết cũng phải mất đến một tiếng đồng hồ rồi.

Hiệp : Chậm thì chậm, sao em nói mãi vậy ?

Lân (cãi) : Em bảo sáng mai hãy đi sao anh không nghe.

Hiệp : Đầu 12 giờ đêm nay tới còn hơn là sáng mai mới tới. Thôi em đừng nói nữa.

Ngân : Đã bảo thôi nào. Chắc gì đã muộn chứ ? Mà hình như đồng hồ cháu nhanh ấy phải không Hiệp ?

Hiệp : Dạ, nhanh năm mươi phút thôi.

Ngân : Thê à. Này Tâm, cháu xem bảng ghê trên ai có đồng hồ hỏi lại xem.

Tâm (gọi) : Anh Đại ! Anh Đại ! Anh ấy ngủ rồi thím. Xe chạy xộc thê này mà ngủ, được.

Ngân (nói thì thào) : Cháu hỏi cái cô ngồi gần anh Đại ấy xem. Đó, cái cô tóc xõa ấy.

Tâm (giếu) : Thôi, ngay từ lúc lên xe cháu đã ác cảm với mái tóc ấy rồi, Tóc xõa lại rồi bù, môi đã trề lại cứ trề ra, làm ra bộ đợt sóng mới đầy mà.

Hiệp (dùa) : Vậy em tưởng đợt sóng mới là xấu à ?

Tâm : Thê anh cho «đợt sóng mới» là tốt à ?

Hiệp : Anh thấy cái gì không cổ lỗ là anh thích.

Tâm (chọc) : Thê còn đợi gì mà không thích người ta đi ?

Hiệp : Anh nói chuyện đàng hoàng em lại xuyên tạc đây nhé. Thím Ngân này, thím thấy mái tóc ấy thê nào ?

Ngân : Thì mỗi người mỗi khác, biết đâu mà nói. Nếu người ta đứng đắn thì mái tóc ấy rất đẹp. Có vẻ đàn bà lắm. Nhưng nếu người ta này nọ thì mái tóc ấy không có vẻ gì là... là con còn gái nữa.

Tâm : Tức là đàn bà chứ gì ? Trước thím bảo có vẻ đẹp đàn bà lắm, sau thím lại bảo không còn là con gái nữa. Thế thì có khác gì đâu.

Hiệp : Em không hiểu. Khác chứ. cháu đồng ý với thím đây. Cô ấy tuy có mái tóc thế mà đứng đắn lắm.

Tâm (ý tứ) : Anh giỏi ghê ha ? Chưa chi anh biết người ta là người đứng đắn rồi.

Hiệp : Anh trông ai chỉ cần trông thoáng vẻ ngoài là hiểu người đó ngay.

Tâm : Vậy anh hiểu em lắm đây hả ? Em là người thế nào anh nói coi.

(Tiếng nhạc đệm trong tiếng xe chạy)

Ngân : Thôi đi. Chuyện đâu đâu lại vụn vào chuyện mình.

Tâm : Thím đề anh Hiệp với cháu. Nào, anh Hiệp, anh nghĩ gì nữa ?

Hiệp (nén cơn nóng) : Anh hiểu em chứ sao không hiểu.

Tâm : Ờ, nói ra coi.

Hiệp : Anh nói hoài rồi.

Tâm : Mỗi lúc anh một khác, lúc này anh nói chắc sẽ khác hồi nào.

Hiệp : Hồi nào ?

Tâm : (cười) : Hồi thứ nhất. Bây giờ đang chuyển sang hồi thứ nhì rồi còn gì ?

Ngân (ngạc nhiên) : Cháu nói cái gì đó ? Hồi thứ nhất, hồi thứ nhì (cười) Chắc sẽ có hồi thứ ba nữa chứ ?

Tâm (cười, giọng vẫn chưa hết khó chịu) : Dạ. Hồi thứ ba là hồi kết cuộc. Cháu có bảo anh Hiệp rằng chuyện gì cũng có ba hồi. Như một vở kịch cổ điển vậy. Giữa chúng cháu, hồi thứ nhất là hồi anh Hiệp đến... đến... (cười) đến tán cháu ở trường Khoa Học, hồi năm ngoái đó...

Ngân : Sao cháu bảo bây giờ đang chuyển sang hồi thứ nhì ? Thế là làm sao chứ ?

Tâm : Ờ, thế mà thím không hiểu à ? Sáng mai là bắt đầu hồi thứ nhì rồi.

Ngân , (vỡ lẽ) : À, hay nhỉ. Sáng mai anh Hiệp sẽ ra mắt... (cười) ra mắt bồ mẹ vợ đây hả ? Thế là bắt đầu hồi thứ nhì à ?

Hiệp : Dạ, bắt đầu. Cháu đã gặp ba má của Tâm lần nào đâu. Mấy lần hai cụ lên Sài-Gòn cháu lại đi xa.

Ngân : Ra hôm nay cháu mới về quê vợ lần đầu tiên đây ?

(Tiếng xe lịch kịch, có tiếng còi).

Tâm : Cái gì thế kia ? (nói lớn). Cái gì thế bác Tài ?

Người Tài Xế : Dạ, mấy con trâu, tội nhỏ nó thả đồng ra đường. Lần nào cũng vậy, cô Hai à. Nó chặn lối hoài.

Tâm : Lâu lâu mới về quê, thầy lạ ghê. À, thím vừa nói gì thím Ngân ? (cười vọt) Chưa, chưa mà. Sao gọi là quê vợ được ?

CON ĐƯỜNG NGỰA CHẠY

Ngân (vui) : Thẻ quê cháu không gọi là quê vợ anh Hiệp à ?

Tâm : Mà cháu đã là vợ anh ấy đâu ? Ờ...

Ngân : Thì cũng như... mai kia là vợ chồng với nhau còn gì ?

Tâm (đùa) : Người ta thay đổi từng giờ từng phút nữa là mai kia ? Lỡ cháu từ chối thì sao chứ ?

Ngân (ngghiêm) : Đừng đùa đại vậy nào Tâm.

Tâm (trêu Hiệp) : Anh Hiệp đừng tưởng bờ nghe. Coi chừng em từ chối phắt đó không chừng.

Ngân : Thôi nào Tâm.

Hiệp (gượng) : Biết đâu Tâm nói đúng.

Ngân (kêu) : Lại cháu nữa Hiệp. Ô ra cô cậu không nhớ hôm nay cô cậu mang nhau về ra mắt các cụ à ?

Tâm : cháu nhớ chứ. (cười) Biết đâu từ đây về đền nhà lại không có chuyện gì xảy ra.

Ngân (gắt) : Ô, lạ. Chuyện gì mới được chứ ?

Tâm : Thím thử hỏi anh Hiệp coi.

Hiệp (cười) : Thím không nhớ ra à ? Cái cô tóc xõa ngồi băng ghế trên kia kia.

Ngân (cười thờ ra) : Cùng ngồi trên một chuyến xe. Dẫu đi chung một đoạn đường đi nữa, thì rồi mỗi người cũng một đường chứ ?

Tâm (trêu Hiệp) : Nếu người ta không còn đường nào thì người ta về đâu anh Hiệp ?

Hệp : Làm sao anh biết. Hỏi chi lạ vậy ?

Tâm : Anh vừa nói, nhìn ai anh biết ngay họ mà.

Hệp (nửa đùa, nửa thật) : em đừng đùa thẻ nguy hiểm cho em lắm đó.

Tâm (cười gượng) : Thím nghe chưa thím Ngân. Anh Hiệp thách cháu đó.

Ngân : Đã bảo thôi mà.

Tâm : Cháu còn nhớ anh ấy khen mái tóc ấy ghê lắm.

Hệp : Ờ, cái đó đúng.

Tâm : Trông cứ như là...

Hệp : Nói thẳng ra coi. Là gì, nói thẳng ra coi.

Tâm : Cứ như bạn anh ấy.

Hiệp : Anh thiếu gì bạn gái. Em nói thẻ làm sao biết ý em ?

Tâm : Anh có nhiều loại bạn lắm mà.

Hiệp (ngghiêm) : À, em định nói ..

Tâm : Đó, anh nhớ ra rồi đó.

Hiệp : À... à... (cười)

Ngân : Thẻ là thẻ nào Hiệp ?

Hiệp : Tâm muốn chỉ các cô ca sĩ mà cháu quen đây.

Ngân (thì thào) : Thôi nói khế chứ, cô ta quay lại nghe kia kia.

Tâm (ra vẻ hài lòng) : Vừa nhắc đến ca sĩ cô ấy quay lại liền. Chắc bạn anh thật đây anh Hiệp. (nói với) Kia cô ấy có vẻ muốn hỏi gì kia. Thím Ngân...

Ngân (lịch sự) : Xin lỗi cô, chúng tôi nói chuyện riêng. Nói về mấy cô bạn

ca sĩ hát ở phòng trà Saigon. Khi vừa nhắc đến chữ ca sĩ thấy cô có vẻ đề ý nghe, nên... (cười giao thiệp) nên đoán là nếu cô là ca sĩ chắc cháu tôi có quen...

Hiệp : Xin lỗi cô, chắc chúng tôi làm phật lòng cô ? Đây là thím Ngân tôi. Đây là Tâm em tôi. Còn tôi là Hiệp.

Kim-Hà : Tôi là Kim-Hà.

Hiệp : A, Kim-Hà, bây giờ tôi mới nhận ra cô. Có đến hai năm nay cô không hát lại ?

Kim-Hà : Dạ, Vâng hai năm.

Hiệp : Thím Ngân, Cô Kim-Hà nổi tiếng từ lâu lắm, ở các vũ trường đó.

Kim-Hà : Không có gì, anh nói quá.

Ngân : Độ này cô nghỉ hát rồi sao ?

Kim-Hà : Dạ, tôi nghỉ đã hai năm rồi.

Hiệp : Cô cũng về thăm nhà ?

Kim-Hà (nói lớn) : Không, không phải. Tôi. Tôi đi không có việc gì quan trọng cả.

(Tiếng xe đồ lịch kịch rồ máy bóp còi)

Hiệp (ấp úng) : Thề ạ. (một lát) Chắc cô về thăm ai ?

Kim-Hà : Vâng. Tôi về tìm một người bạn. Tôi không ngờ xe lại chạy trễ thế này ?

Hiệp : Bây giờ tôi hoàn toàn nhận ra cô.

Kim-Hà (cười) : Chắc tôi già lắm rồi.

Hiệp : Không có. Ý tôi không định nói thế. Nhìn cô trong ánh đèn mờ.

lại cách đây hai năm. Bây giờ trông thấy cô ngoài ánh sáng mặt trời nên có khác đôi chút.

Kim-Hà (buồn) : Dạ. Hối đó thật vui.

Hiệp : Vâng. Bây giờ cũng vui vậy.

Kim-Hà : Không. Anh tưởng người ta không đổi thay sao ? Hai năm đâu phải chóng gì ? Hai năm đổi với đàn bà khác lắm anh ạ. Có phải thế không cô... (cười) xin lỗi tôi quên...

Hiệp : Tâm.

Kim-Hà : Có phải thế không chị Tâm ?

Tâm (ức) : Vâng. Có lẽ.

Kim-Hà : Chị về quê chắc vui lắm. Gặp những người thân của mình thì không gì vui bằng.

Tâm (dừng dừng) : Dạ, vui lắm.

Kim-Hà (làm thân) : Nơi chị sắp tới có biết bao người đón đợi. Tôi nhiều lúc mong được như thế lắm.

Tâm (cười, nói móc) : Thề ạ. Tôi tưởng quen biết nhiều như cô cũng vui lắm chứ ?

Kim-Hà : Vâng, Cũng từng thời.

Tâm : Tôi nay cô ngủ lại nhà người bạn chứ ?

Kim-Hà (thần nhiên) : Nếu tôi tìm thấy nhà. Đây là lần đầu tiên tôi tới.

Tâm (nghi ngại) : Thím Ngân này, cháu chỉ sợ xe tới muộn, nhà ba má cháu cách bến xe đến hai cây sô. Nếu khuya quá thì phải ngủ lại nhà bác cháu... (cười) Chứ không thì có thể mời cô Kim-Hà...

(Nhiều tiếng cười gượng gạo)

Kim-Hà (cười) : Thôi cảm ơn chị. . .
(đang háng) cảm ơn cô Tâm. Chắc tôi
sẽ tìm thấy nhà bạn tôi, nếu không
đã có khách sạn.

Tâm (khó chịu) : Cô ở khách sạn
một mình sao ?

Kim-Hà : Vâng.

Tâm (mánh khéo) : Tôi thì sợ lắm.
Nghe đến hai chữ khách sạn, tôi thấy
nó làm sao ấy.

Hiệp (can thiệp) : Em hay suy nghĩ
này nọ quá. Khách sạn thì cũng là cái
nhà chứ gì ? (nói rồi cười) một đảng
mình thuê tháng, một đảng mình thuê
ngày. Ở rồi nó cũng quen đi.

Kim-Hà (bắt đầu tức) : Hối tôi mới
lớn tôi cũng hay nghĩ như cô Tâm
lắm.

Tâm (nghe) : Mong tôi sẽ được
thạo như cô.

Hiệp : Em lại dùng cái câu ấy của
anh Đại (gọi) À, Đại, sao ngủ mãi.

Kim-Hà : Thề ra ông ngồi bên tôi
đây cũng là người quen của cô. . . cô
Tâm ? và của anh ?

Hiệp : Vâng. Anh Đại là bạn tôi.
(gọi) Đại ngủ mãi.

(Mọi người cười. Tiếng xe chuyển
động).

Hiệp : Nào dậy chứ.

Đại (ngái ngủ) : Xin điều thuốc cậu.
Hiệp. Hiệp. Xin điều thuốc.

Hiệp, (giới thiệu) : Cô Kim Hà. Anh
Đại.

Đại : Xin lỗi cô.

Kim-Hà : Dạ, không sao. Ông ngủ
ngon quá.

Đại : Vâng. Tôi hay ngủ trên xe,
mỗi khi đi xa. Ủa, mà ời chưa Hiệp ?

(Tiếng xe chuyển động. Mọi người
cười khẽ).

Đại : Chưa tới sao ? Năm giờ rồi
mày ?

Tâm, (tức) : Còn lâu. Anh có thể
ngủ một giấc nữa được.

Hiệp : Này Đại. Cậu không nhớ cô
Kim-Hà ?

Đại : Kim-Hà. À ca sĩ Kim-Hà đây
hả ? Hân hạnh biết cô.

Kim-Hà, (lạnh) Không dám.

Đại (lò) : Để nghị cô Kim-Hà cho
anh em chúng tôi thưởng thức giọng
vàng.

Kim-Hà (cười) : Cảm ơn ông. Hy
vọng gặp ông ở phòng trà.

Đại : Tôi tưởng hát trong lúc xe
chạy thì nhất.

Kim-Hà : Vâng. Tiếc rằng hôm nay
tôi không được khỏe.

Đại : Tôi rất thích nghe cô hát bản
« Gái Xuân ».

Kim-Hà : Thề à ? Hối xưa thì được,
bây giờ tôi không còn hứng để trình
bày bản đó nữa.

Đại (trúng tủ) : Trời ơi, cô còn có
thể hát bản « Gái Xuân » mãi mãi. Theo
tôi thì người đàn bà trẻ đến năm bốn
mươi tuổi ấy chứ.

Kim-Hà (cười nhạo) : Vâng. Ông nói
đúng đây ạ. Tôi trên 40 tuổi rồi.

(Nhiều tiếng cười gượng, xe bóp còi inh ỏi).

Tâm : Lại cái gì thế kia bác tài ?

(Xe bóp còi, động cơ tiếp tục nổ)

Người lái Xế (quát lớn) : Tránh ra mày. Ủa, đây đường xe chạy : đâu phải đồng cỏ mà tụi bay thả trâu lộng vậy ? Tránh ra.

(Tiếng còi dồn dập. Xe rú ga và ngừng hẳn. Im lặng).

Người Tài Xế : Xe ban rồi cô bác (nhiều tiếng hành khách than phiền) Kỳ quá. Xe với cô.

Tâm : Biết ngay là nửa đêm mới tới mà. Hôm nay đi thật lắm rắc rối. Anh Hiệp. Em nói có đúng không ?

Hiệp (khô khan) : Đúng. Rồi sao ?

Tâm (lúng túng) : Sao à ?

Ngân : Tâm. Sao nhắc lại làm chi nữa ? Bác tài, liệu sửa xong sớm không ?

Người lái Xế : Cái đó khó biết bà à. Để tôi thử xem. Thôi mời cô bác xuống nghỉ chút coi sửa được không.

(Tiếng cửa xe mở và sập. Tiếng chân lộn xộn. Tiếng máy thử nhiều lần).

Đại (nói nhỏ) : Này Hiệp, ra đây Hiệp. Ra ngoài này một chút.

Hiệp : Gì vậy Đại ?

Đại : Hình như trước kia cậu có gặp Kim-Hà rồi ?

Hiệp : Không. Có trông thấy, có nghe hẳn hát mà thôi.

Đại : Vậy mới quen ở trên xe à ?

Hiệp : Ừ, Mà sao ?

Đại : Hỏi vậy. (Đổi giọng). Hình như cô Tâm có vẻ không bằng lòng.

Hiệp (khó chịu) : Thế à. Tôi không để ý đâu. Mà không bằng lòng về cái gì ?

Đại : Vẻ... Vẻ chuyện đi này.

Hiệp : Có lẽ không phải thế. Cậu định nói cái khác đây chứ.

Đại : Ồ, không.

Hiệp : Tâm đưa tôi về thăm quê, nhân thế ra mắt ba má nàng, vậy là tốt chứ ?

Đại : À, (lập liêm) Cũng không có gì phiền hà ? Mày phải tính thế nào chứ nằm với cái xe ở đây không xong đâu.

(Tiếng chân hai người bước song song).

Hiệp : Lại coi họ sửa ra làm sao. Kể đi chuyện này một thật.

Ngân (gọi từ xa) : Hiệp. Lại đây Hiệp.

Hiệp (bước tới) : Gì đó thím ?

Ngân : Tối trời rồi đây. Đã đèn gần bảy giờ rồi còn gì.

Hiệp : Vâng. Bảy giờ đúng, À, đồng hồ này nhanh. Bảy giờ kém mười phải không cô Kim-Hà ?

Kim-Hà : Dạ. Bảy giờ kém năm. Ông tài ông ấy bảo độ một tiếng nữa có thể chạy đờ được.

Hiệp : Một tiếng nữa à ? (cao giọng) Còn mấy cây nữa thì tới bác tài ?

Người Tài xế (nhanh nhẩu) : Chỉ chừng bảy cây nữa thôi, phải qua một cái cầu.

Hiệp : Hay ta đi bộ Thím Ngàn ?

Tâm : Ai đi thì đi, tôi đợi xe này.
Anh Đại tính sao ?

Đại : Tôi cũng vậy. Đi bộ bảy cây sò trong đêm, đường lại đường đá, tôi chịu.

Hệo : Cô Kim-Hà, Cô đi bộ được không ?

Kim-Hà : Qua cầu mà kẹt độ một tiếng nữa thì trời tối lắm. Có lẽ được, anh.

Hiệp : Chúng tôi có hai người rồi. Các ông các bà có ai đi cùng với chúng tôi không ?

Vài hành khách : Nhẽ ra chúng tôi cũng đi bộ, nếu không mắc kẹt hàng hóa ở trên mui.

Hiệp : Thím Ngàn.

Ngàn : Thôi thím đi với Tâm và anh Đại.

Tâm (cười khiêu khích) : Em đồ anh đèn trước đây anh Hiệp. Nửa tiếng sau thì tụi này cũng vẫn thừa sức, vượt như thường. À, có cái xe ngựa kia.

Nhiều tiếng nói : Xe ngựa à. Xe ngựa thì tốt lắm.

(Tiếng xe ngựa. Chuông leng keng. Vó ngựa đần gấn).

Hệo (gọi) : Xe ông chờ được mấy người. Ông Xà ích ?

Người Xà ích (già, hân hoan) : Xe về đây, trông tron đó thấy Hai. Ít lắm cũng sáu người.

Hiệp : Hay lắm. Nào Thím Ngàn, Tâm, Đại, cô Kim-Hà. Mình có năm người thuê cả chuyến.

Tâm : Em không đi xe ngựa.

Hiệp (hơi gắt) : Tại sao không mới được chứ ?

Tâm : Em không thích. Ngồi nó thô lỗ con người ra.

(Nhiều tiếng cười khúc khích)

Hiệp (nóng) : Em mà nói được câu ấy sao ? Ở thành phố khác. Ở đây khác.

Tâm (khủng khỉnh) : Em không biết. Từ bé đèn giờ, nhà em ở thị trấn mà em cũng chưa hề trèo lên cái thứ xe đó.

Người Xà ích (ho, thở) : Phải cô Tâm con ông Thành-Phước không ? Cô nỡ nói với già này thế sao ? Con ngựa nó xấu sao cô.

Ngàn (vội đỡ lời) : Thôi ông đừng chấp mà. Cô ấy còn trẻ lại quen ở thành phố...

Tâm (bực) : Thím kệ cháu. Ăn nhằm gì...

Người Xà ích (thần nhiên) : Tôi dư mười năm đánh xe thô mọ cho bà con lối xóm, bây giờ mới thấy có người nói như con gái ông Thành-Phước.

Hiệp : Thôi bỏ qua đi ông.

Tâm (hét) : Khỏi ai xen vào chuyện tôi. Bộ tôi còn con nít sao ? Nay ông đừng có nhắc đèn tên ông già tôi nghe.

Ngàn : Thôi mà Tâm. Hiệp, cháu đi trước đi. Nhớ chờ Thím ở bên xe.

Tâm (hét) : Khỏi chờ.

Người Xà ích : Cô Tâm à. Ông Thành-Phước hàng ngày vẫn đi xe thổ mộ đó.

Người Tài xế (nói lớn) : Thôi ông già. Ông đi cho tôi sửa xe chớ Bộ ông muốn cướp hết khách tôi sao ?

Người Xà ích : Nói hay sao chớ ? Tôi nào tranh môi với xe đồ hồi nào ?

Người Tài Xế (vẫn nói lớn) : Vậy ông còn đứng dềnh dàng đó chi ?

Người Xà Ích : Ủa lạ kìa ! Đường này đâu phải độc quyền của xe đồ ta ?

Người Tài Xế (hét) : Lơ mày. Bóp còi cho tao.

Lơ Xe : Có ngay. Có ngay.

(Tiếng còi bóp inh ỏi. Con ngựa nhảy quăng, hí liên hồi)

Người Xà Ích (kêu) : Bà con coi, nó xử ức ngựa tôi.

(Tiếng roi quất vun vút. Ngựa và vó ngựa tới tấp)

Người Xà Ích : Tránh lui. Tránh lui thầy.

(Vó ngựa chạy lộn xộn một quãng trong lúc còi xe bóp liên hồi)

Hiệp (quát lớn, đập tay vào thùng xe) : Có im không. Lơ. Tao vặn cái còi vút đi cho mày biết.

(Tiếng chân bước vội. Tiếng kim khít va dưới đất. Hiệp vặn cái còi xe bằng cao-xu vút xuống đường)

Hiệp : Mày nhận còi nữa tao coi ? (gọi lớn) Ông xà ích, đánh ngựa lại đây đi.

Lơ Xe : Sao bẻ còi tôi kìa ?

Hiệp : Còn hỏi hả ?

Người Tài Xế : Ông không thầy hấn tranh khách tôi sao ? Thủa nào đèn giờ chưa có chuyện xe thổ mộ xử ức xe đồ.

Hiệp : Người ta xử ức anh bao giờ ?

Người Tài Xế : Đó kìa. Hấn tranh khách của tôi.

Hiệp : Xe anh hông tôi phải gọi xe khác chứ ? Tự tôi gọi người ta đèn, anh hiểu chưa. Mà thôi trả tiền vé anh rồi còn tranh khách nổi gì ?

Người Tài Xế, (cãi) : Mà ông... Ông làm mất mặt tôi đa.

(Vó ngựa lại dần. Tiếng người thở nhọc nhè nhẹ)

Người Xà Ích, (cảm động) : Cảm ơn Thầy. Thôi mời thầy với cô lên.

Hiệp : Không có gì đâu ông. Cô Kim Hà, cô lên trước đi.

Kim-Hà : Cảm ơn anh. Anh Hiệp.

Hiệp : Đại. Cậu đi xe này không ?

Đại (nói nhanh) : Thôi, Thôi cậu đi trước. Để tôi đi với cô Tâm với bà Ngàn.

Hiệp : Thím đi sau sao thím Ngàn.

Ngàn (bước chân lại gần nói nhỏ) : Thím muốn đi với cháu lắm, nhưng phải ở lại với con Tâm: chứ để nó một mình sao được.

Hiệp : Vâng. Thề cô Kim-Hà với cháu đi trước.

CON ĐƯỜNG NGỰA CHẠY

Ngân (huýt miệng) : Ở các cháu đi trước (suy nghĩ) Chết, xin lỗi cô Kim-Hà nhé.

Kim-Hà, (ung sướng, đáp ứng) : Dạ, không sao ạ.

Hệp, (nói lớn) : ba ông nào không có hành lý nặng lên với chúng tôi.

Người Xà Ích (nói lớn) : Ngoài cô với thấy ra, tôi không chờ một ai nữa hết.

(Tiếng roi vút, tiếng cười vui. Vó ngựa chạy xa)

Người tài xế (mỉa mai) : Trời ! Anh hùng ta. (quát) Lơ mày ! Nhặt cái còi lên. Quay ma-ni-ven thử coi.

(Tiếng quay xoành xoạch, tiếng để-ma-rê khan mãi)

Có tiếng nói : Lẽ ra tôi cũng đi xe thồ mộ cho rồi.

Có tiếng cười : Thôi để cho ông đó được tự nhiên.

Tâm (bật khóc) : Thôi cháu không về nữa. Cháu không về nữa đâu. Thím Ngân, thôi quay lại Sài Gòn đi.

Ngân : Nin đi nào. Có gì đâu.

Tâm : Như thế mà còn không có gì sao được.

Ngân (gắt) : Cháu làm như dễ lắm ấy.

Tâm : Dễ chứ sao không dễ. Trông như thế mà làm gì lại không dễ được. Người ta lại có tình ý với nhau từ trước nữa. Anh Đại, phải anh Hiệp biết cô ấy từ lâu rồi không ?

Đại (lập lò) : Cô Kim-Hà ấy à ?

Tâm (gắt) : Còn cô nào nữa. Anh chỉ tránh chuyện.

Đại : Tôi tránh chuyện gì đâu ?

Tâm (nóng) : Nào, có phải họ quen nhau từ trước không ?

Đại : Biết thì chắc biết lâu rồi.

Ngân : Mà ăn thua gì. Họ mới gặp nhau đây mà.

Tâm : Bây giờ không như hồi thím nữa thím ơi ! Một tháng là đủ để người ta hiểu thấu nhau rồi.

Ngân : Dù sao tôi không để họ làm thế đâu. Anh Hiệp anh ấy cậy tôi đi bằng được, nhẽ nào anh ấy cũng làm thế.

Tâm : (giục) Xe pháo sao bác Tài ? Xe gì mà xọc xà xọc xịch vậy.

Người tài xế : (cười mỉa) Cô không lo mà. Sẽ vượt cái xe thồ mộ bảy đời ấy không mấy chốc.

Tâm : Thì cũng phải chạy mới vượt được chứ ?

Người tài xế : Rồi cô xem, tôi sẽ cho lão già ấy biết tay. Ngựa làm sao tranh nổi với máy được chứ ?

Đại : Máy nào chứ máy nấy ấy à ?

Người tài xế : Ông trí thức mà còn hỏi thế. Máy nào thì cũng là khoa học cái đi. Ngựa mà làm sao chạy đua với tôi được.

(Nhạc nhẹ nhẹ, tiếng để-ma-rê khan)

Người tài xế : Lão già không biết thân.

Đại : Ngựa với ông thì ông thua trông thấy rồi.

Người tài xế : Ngựa với xe tôi chứ ?

Ngân : Vậy ăn gì đền ông hay ông già đây ? Cái xe với con ngựa thôi mà.

(*Nhạc mạnh, tiếng Ngân cười*)

Tâm : Khỏi cần biết điều đó làm chi thím Ngân. Miễn vượt cái xe thồ mộ bấy đời này.

(*Bỗng sau câu nói đó, tiếng xe nổ. Nhiều hành khách nói*) :

— Được rồi ! Được rồi !

Người tài xế : Mời cô bác lên đi.

Tâm (*hớn hờ*) , Để xem người ta làm phách.

Đại (*tán*) , Những kẻ làm phách bao giờ chả nhiều. Cô Tâm à.

Tâm : Gì anh Đại ?

Người tài xế : Thôi mời cô với ông lên xe đã.

(*Tiếng cửa xập. Xe chạy*)

Lơ xe : Xe mất còi rồi nghe anh Hai. Cần thận đó.

(*Nhiều tiếng cười*)

Người tài xế (*quát*) : Vậy còn nói sao mày. Mày coi chừng đi. Thấy gì phải la lên cho lớn.

Lơ xe : Khỏi lo. Anh mặc cái miệng tôi.

Đại : Tâm này . . .

Tâm : Anh định nói gì anh Đại ?

Đại (*ngập ngừng*) : Cô Kim-Hà đó.

Tâm : Làm sao chứ ?

Đại : Tôi cuộc với cô rằng, cô ta đang hát ở trong xe thồ mộ.

(*Nhạc đệm mạnh*)

Tâm (*nóng*) : Thôi anh đừng nói nữa.

Đại : Ăn thua gì đền tôi đâu. Tôi nói cho Tâm hay vậy.

Tâm : Rồi làm sao ?

Đại (*cười*) : Còn làm sao nữa thì cô phải biết chứ. Cô là đàn bà cô hiểu điều đó hơn tôi mới phải.

Tâm : Tôi nhìn mái tóc của hần tôi biết ngay mà. Anh khỏi nói nữa (*gọi lớn*) Thím Ngân à !

Ngân : Gì đó nữa ?

Tâm : Cháu phải làm cho ra chuyện.

Ngân : Làm gì. Làm thế nào ?

Tâm : Cháu không chịu được anh Hiệp nữa.

Ngân (*lưỡng lự*) : Cái đó tùy Tâm. Thím không dính gì vào đó cả. Dù sao, để mai hãy nói chuyện.

Tâm : Không, phải nói cho xong đêm nay. (*lớn tiếng*) Sao không thấy cái xe ngựa đây.

Lơ xe : Sắp tới đền nơi rồi cô hai. Nó chạy lên trời sao được kìa ?

Người tài xế (*vui mừng*) : Đó thầy chưa. Nó kia kìa !

Tâm : Đâu nào bác Tài ?

Người tài xế : Đó, trong ánh đèn pha bên trái đó. Cô kia đang giơ hai tay như nói cái gì kìa.

Đại : Ca-sĩ Kim-Hà đang hát đây.

CON ĐƯỜNG NGỰA CHẠY

Tâm : Cái kèn đâu anh lơ ?

Lơ Xe : Có đây.

Tâm : Không hỏng chứ ?

Lơ Xe : Hỏng sao được. Kèn cao su chứ đâu phải kèn điện.

Tâm : Anh đưa tôi.

Lơ Xe : Có đây. A ha

Ngân : Tâm. Cháu làm gì vậy ?

Tâm : Thím mặc cháu.

(Tiếng vó ngựa nghe rõ dần. Lóc cóc lẫn trong tiếng động cơ)

Người Tài Xế : (cười lớn, vọng nói)
Sao không cho ngựa phi nước đại đi ông già ? Sao chạy chậm quá vậy ?

Lơ xe : Ê, thồ mọ mà định đua với ta sao ?

Người tài xế : Ông già. Ông già.
Thôi cho chiếc xe cà-tàng về phú-de cho rồi.

Lơ xe : Cô hai. Bóp còi, bóp còi cho con ngựa nó nhảy coi. Một ! Hai ! Ba !

(Tiếng còi bóp inh ỏi. Vó ngựa chộn rộn. Người tài xế và tên lơ hò hét khoái chí)

Ngân : Tâm ! Tâm ! Cô điên à ?

Tâm : Không điên cũng phải điên.

Đại : Có lẽ thôi đi. Ai lại làm thế.

Tâm (hét) : Anh im cái mồm.

Lơ xe (hò) : Xe thồ mọ. Xe thồ mọ.
Đi về cái mỗ.

Người tài xế : Để cho nó biết thân.
Đua với máy móc thì nó đáng sỏ quá rồi.

(Tiếng còi xe vó ngựa và ngựa hí ầm ầm)

Nhiều hành khách : Có thời đi không ? Ông tài, hãm xe lại. Người ta già cả mà.

Người tài xế (hét) : Thồ mọ. Thua chưa mọ ?

(Tiếng Kim Hà hét lớn)

Người Xà Ích (hét, giọng hào hển) :
Bu-xê-phan ! Bu-xê-phan ! Chớ sợ con. Chớ sợ đồ chó đồ cún. Chớ nháy nào. Ông Hiệp, ông để cô đầy nháy xuống níu dùm con ngựa. Gọi tên nó cho nó bớt sợ : Bu-xê-phan, phải rồi...

Kim-Hà : (la) Anh Hiệp. Coi chừng.

Tâm (khóc nức nở) : Đó, anh Hiệp.
(hét) Để tôi liệng cho nó chết.

Lơ xe : Đừng ném cái kèn đi cô Hai.

(Tâm ném cái còi xuống đường)

Lơ Xe : Nó chỉ sợ cái còi mà.

Người tài xế : Mày ngu vậy. Nó sợ cái xe chớ. Nó sợ tao quá mà.

Lơ xe : Coi đó. Mất cái còi là hết rồi.

(Vó ngựa trở lại đều đều, tiếng người thồ, tiếng động cơ xe).

Người Xà Ích (rên) : Trời ơi, chưa bao giờ tôi gặp như thế này. Thật chúng không bằng con ngựa. Thôi ngừng lại chút đi ông Hiệp.

(Vó ngựa thưa dần, dừng lại, tiếng động cơ đi xa)

Người Xà Ích : Tội thồ để kiểm đường chạy rồi. Thật chúng không bằng con ngựa nên chúng mới làm thế (buồn rầu). Kìa cô Hai khóc sao ?

Kim-Hà (bật khóc) : Nó có làm sao không ông ?

Người Xà Ích, (cảm động) : Con Bu-xê-phan ấy hả cô ? Không, nó khỏe lắm. Cảm ơn cô. Cảm ơn cô lắm.

Hiệp : Thôi đừng khóc. Vui mới phải Kim-Hà.

Người Xà Ích : Không đáng buồn cô à. Người ta xử tệ với mình, mới buồn. Tội nó tội thò đề chấp làm chi. Thôi ta về cho sớm.

(Tiếng vó ngựa tiếp tục)

Hiệp : Cô biết hôm nay chúng tôi về đây có việc gì không ?

Kim-Hà : Việc gì đó anh ?

Hiệp : Không ai ngờ nổi đâu. Hôm nay là lần đầu tiên tôi đi con đường này với Thím Ngàn tôi. Chúng tôi về chào ba má Tâm để rồi tháng sau tôi xin cưới Tâm.

(Nhạc đệm, vó ngựa nhịp nhàng)

Kim-Hà, (ngạc nhiên) : Sao lại thế được anh ?

Hiệp : Đó là một điều may mắn.

Người Xà Ích : Ông định cưới con gái ông Thành-Phước đó sao ông Hiệp ? Ông ta thì tốt lắm.

Hiệp : Bây giờ ông nghĩ sao về cô ấy ?

Người Xà Ích, (lưỡng lự) : Tôi không dám trả lời đâu ông Hiệp. Tôi còn mãi nghĩ đến con ngựa của tôi. (Vụt nói lớn) Kia sao bọn thò đề nó đậu xe lại. Chúng định giờ trò gì nữa ?

Kim-Hà : Coi chừng.

Hiệp : Mình cứ đi tới.

(Vó ngựa gò vững chãi. Tiếng chuông thánh thót)

Hiệp : Đỗ lại một chút ông.

Người Xà Ích : Đỗ lại làm gì chứ ?

Hiệp : Chắc xe họ hỏng.

(Tiếng ngựa bắt chợt dậm gót và hí)

Người Xà Ích : Bu-xê-phan, bỏ qua đi con.

Hiệp (gọi to) : Thím Ngàn.

Ngàn : Cháu sang đây chuyển đồ sang hộ thím. Cái xe thô tả.

(Tiếng chân bước thông thả)

Người Xà Ích : Chào bà.

Ngàn : Chào ông. Ông ghét lây tôi không ?

Người Xà Ích : Dạ, không có. Tôi biết mà.

Ngàn : Anh Hiệp.

Hiệp : Gì đó thím ?

Ngàn (ngắn ngủi) : Còn... còn cô Tâm với anh Đại bên xe.

(Tiếng nhạc buồn dài)

Hiệp (dần đo) : Để thử xem. (bước đi) Tâm à.

(Im lặng, ngoài tiếng nhạc đệm)

Hiệp : Tâm à, ra xe về cùng một thê. (một lát) Anh Đại.

Đại (áp ứng) : Tôi đây Hiệp.

Hiệp : Tôi đi trước nhé.

Đại : Được rồi. Cậu đi trước đi.

Hiệp : Làm ơn đưa cô Tâm về nhà dùm nhé, Đại.

CON ĐƯỜNG NGỰA CHẠY

Đại : Được rồi. Mai gặp cậu hả ?

Hiệp : Không. Sáng mai tôi về Saigon. Thôi đi nhé ?

(*Tiếng chân bước rành rọt*)

Hiệp : Thôi ta đi.

Người Xà Ích : Ê, bọn thỏ đề, bóp kèn coi.

Kim-Hà : Thôi mà ông.

Hiệp, (*cười*) : Con đường này bây giờ chỉ có chúng ta. À, cháu xin giới thiệu lại với Thím : Đây là cô Kim-Hà, bạn thân của cháu đây.

Kim-Hà (*ngượng*) : Thôi đi anh Hiệp.

Ngân (*đùa*) : Gớm, tôi chán anh quá anh Hiệp. Mai về Saigon sớm chứ ?

Hiệp (*ý tứ*) : Hình như Kim-Hà còn tìm một người bạn nào nữa, xong đó mình về Saigon ngay.

Kim-Hà (*lúng túng*) : Không, không, không tìm ai nữa. Em tìm thầy rồi.

Ngân : Ai thế nhỉ ?

Hiệp : Cháu thầy chả cần biết làm gì. Dẫu Kim-Hà muốn tìm ai thật đi nữa, mà bây giờ đã bỏ ý định ấy rồi thì thôi chứ thím. Người ta chỉ cần cái ý tưởng cuối cùng thôi.

(*Ba người cười nhẹ nhàng trong nhạc ngựa*)

Kim-Hà (*như chợt tỉnh*) : À ông xà ích ơi, con ngựa này tên Bu-xê-phan à ?

Người Xà Ích : Dạ, Bu-Xê-Phan.

Kim-Hà : Bu-xê-phan nghĩa là gì ông?

Hiệp : Cái tên nghe lạ quá. Nghe như một cái tên lịch sử nào thì phải.

Người Xà Ích : Dạ thầy nói đúng. Hồi xưa tôi có một thằng con trai. . .

Kim-Hà : Sao lại hồi xưa hả ông. . .

Ngân (*vội ngăn*) : Đề ông nói hết đã nào cô.

Kim-Hà : Chết tôi xin lỗi. . . (*lên giọng*) Rồi sao nữa ông ?

Ngân : Chắc là cậu ấy. . .

Người Xà Ích (*Buồn*) : Dạ, nó không còn nữa. Nó mê ngựa lắm bà ơi. Nó lơ là việc học vì mấy con ngựa. Nó dành dụm tiền mua được một con ngựa hồng đẹp lắm,

Kim-Hà : Con này cũng là ngựa hồng. . .

Người Xà Ích : Dạ. Nhưng ngựa nó bây giờ là ngựa đua. (*vui, vẻ*) Nó là nài mà !.

Ngân : Cậu ấy ưa đua lắm ?

Người Xà Ích : Dạ, nó sống vì con ngựa. Hồi đó trường đua Phú Thọ còn phồn thịnh lắm. Ngựa nó nổi tiếng là ngựa hay. Mười độ thì có đến tám độ nó về nhất. Rồi nó bị mua chuộc thấy Hiệp à. Bởi vậy, trời ơi nó kiêu căng đáng ghét. Rồi làm sao thấy cô biết không ? Một hôm nó tới sỏ nên mang ngựa chạy đua với xe máy dầu. (*tức bực*) Ai biểu nó ngu thế không biết.

Kim-Hà : Ở trường đua sao ông ?

Người Xà Ích : Dạ. Nó đua với mấy thằng ôn dịch bạn nó. Đường thẳng là để cho mấy thứ máy móc vô tri, vậy mà nó không biết nên nó mới chết.

Kim-Hà : Trời ơi chết à ?

Người Xà Ích : Làm sao không chết ? Nó ngã rồi cái xe nó cán qua cổ làm

sao sòng ? Nó biểu nó bắt chước A-Lịch-Sơn đại đế nên đặt tên cho con ngựa của nó là Bu-Xê-Phan.

Hiệp : (cười) Tôi dờ quá, vậy mà không nhớ ra ; phải rồi, Bu-Xê-Phan (chợt nhớ) À tức là con ngựa này chứ gì ?

Người Xà Ích : Dạ ; Tôi nuôi nó sau khi con tôi chết (buồn). Bây giờ thì nó nuôi tôi. Tôi nhất định không thêm chạy xe ba bánh nữa.

(Mọi người im lặng. Vó ngựa gõ lóc cóc. Nhạc).

Người Xà Ích (nói lớn) : Quãng đường này sắp cầm xe thổ mộ rồi.

Ngân : Sao lại phải cầm xe thổ mộ hở ông ?

Người Xà Ích : Xe đồ nó cạnh tranh mà. Nó ghét tôi lắm. Nó bảo kỉnh càng, kém thắm mỹ, không hợp thời, dễ gây tai nạn, trời ơi một khi nó không ưa mình thiếu gì kẻ a dua làm hại. Tôi thì như con ngựa này, không bao giờ tôi đứng xấp bóng mặt trời hết.

Kim-Hà : Con ngựa này không bao giờ đứng xấp bóng mặt trời sao ? (ngạc nhiên) Sao lạ ghê thím Ngân ?

Ngân : Thím cũng không rõ nữa.

Người Xà Ích (hào hứng) : Thấy cô biết không ? Kỳ lắm, hễ xấp bóng mặt trời là nó nhảy cuống lên ngay. (Nói lớn) Đây này để tôi thử cho coi ;

Ngân (cười) : Coi chừng ngã ông ơi !

Kim-Hà (vội nói) : Cứ thử đi ông ! Không sợ !

(Tiếng vó ngựa chậm rãi).

Kim-Hà : Hay nó thích nhìn thẳng vào mặt trời ? Hễ không thấy ánh mặt trời là nó sợ ?

Người Xà Ích (nhè nhẹ) : Quay lại, quay lại, quay lại mày ! Quay hẳn lưng lại phía mặt trời nào. Quay hẳn lưng lại. Thề . . .

(Vó ngựa gõ mạnh, đập chộn rộn tới tấp)
(Tiếng cười vui lẫn tiếng thét).

Kim-Hà (la) : Thôi đủ rồi, thôi kia, ngã bây giờ !

(mọi người cười ; êm dần...)

Ngân (sửng sốt) : Lạ quá anh Hiệp nhỉ ?

Kim-Hà : Con ngựa này chắc nó sợ bóng tôi.

Hiệp : Hà làm như nó có dĩ vãng vậy ?

Kim-Hà (cãi) : Sao lại không ? Nó có dĩ vãng như người ta chứ ?

Người Xà Ích (điềm đạm) : Gắn đúng như thế đây. Thật ra nó sợ cái bóng của nó. Nhìn thẳng vào mặt trời nó mới có can đảm (cười). Ấy vậy mà có người không dám làm như con vật này đâu. Khi ánh sáng rọi thẳng vào mặt họ thì họ chóng mặt muốn ngã. Lúc ấy phải dẫu mặt trong bóng tôi thầy cô à . . .

(nhạc, một lát)

Hiệp (đổi giọng) : Hà chắc hãnh diện về cái nghề ca-si lắm chứ ? Và yêu ai ghét ai thì lộ hết ra mặt. Bây giờ có thể nói thẳng ra là Hà yêu ai không ?

(nhiều tiếng cười nhẹ nhàng ; vó ngựa đi ;)

Kim-Hà : Cảm ơn anh Hiệp. Anh muốn nghe em hát không ?

(Một lát, lời ca cất lên từ nhỏ đến lớn dần, từ xa vọng lại, lẫn trong vó ngựa chạy êm, nhịp nhàng . . .)

Nước chảy qua mùa khát-vọng
 Quên số ngày quên cả nghĩ
 Chân cầu nghĩ tiếng cuộc
 Gửi buồn cho đá cười trên sóng
 và trôi mãi
 Chưa quen thanh-tĩnh động sen hồ

Mất bờ, không thoát ý
 Tám vạn trang dài nuôi nguy-biến
 Thấy, lại tìm, ngâm tưởng sáng
 Xét mình chỉ thấy những người-ta
 Mãi đem vô-nghĩa làm thiên-hạ
 Cuộc đời nghe điềm trống canh ba

Khỏi lười giăng gác nhận
 Gối cỏ vọng-ưu
 Thánh chen hiền ngủ kỹ, đắp tà-dương
 bắt góc trời riêng
 nghĩ nhạc

Bắc thang tìm giá-trị
 Nửa vời, ngại gió, quay về thấp
 Vui rộng reo xa, đầy mộng lúa
 Đồi các vì sao lấy thóc
 Buổi mới lây tham
 trọng số nhiều
 Phải mừng, vẫn tiếc
 Trót đa-mang ngọc

khó chữa thơ

Hòa-Âm XX

Đ. T.

BÁCH KHOA CLI

Điểm sách

CỔ PHƯƠNG-THẢO

Tên sách : Mùa Áo Ảnh.

Tác giả : Đỗ-Thúc-Vĩnh.

Nhà xuất bản : Cơ Sở Tự Do.

ĐẦU năm 1945, Văn rời Sài Gòn tương đối còn sống trong cảnh thanh bình để ra Hà-Nội đầy những âu lo khác khoải giữa một tình thế sôi sục trước cơn bão tố. Nhưng mới một tháng, anh đã nhận được ba lần giấy gọi vào Nam. Và anh già từ Hà Nội.

Khi người công-chức — đồng thời là văn-sĩ — ấy trở lại Sài Gòn thì anh đã được lệnh xuống Tiền-Giang. Trước khi xuống sở anh tạm trú lại Sài Gòn ít ngày ở nhà trọ cũ, nhà bà Hải-Ký, một người góa-phụ rất tốt có ba cô gái rất là đáng yêu : cô Hằng người con gái lớn, đã đi dạy học và hai cô nhỏ là Tươi và Mỹ còn là nữ-sinh. Nhưng Văn tìm cách lảng tránh, vì anh nhận thấy thời cuộc không cho phép mình nghĩ ngợi lan-man đến chuyện ái-tình.

Sau một thời gian xuống tại Mỹ-Tho nhận việc, Văn được có dịp làm quen với giới

thượng lưu trí thức sống đời no đủ, chăm chỉ làm tiền cũng như tiêu tiền. Tiêu biểu cho lớp trí thức khá no đủ ấy là Luật-sư Chân và Bác-sĩ Hữu. Ngoài ra anh còn làm quen với Hồng và Châu, cũng là công-chức tại đây. Trong một chuyến đi công tác vòng quanh ba tỉnh Tây-Ninh, Chơ-lơn, Tân-An, Văn cùng với viên chủ sở người Pháp gặp đảo chính Nhật vào đêm mùng 9 tháng 3, ở tại tỉnh lỵ Tây-Ninh. Văn bèn tìm cách trở về Sài Gòn. Anh gặp lại Hằng vẫn cứ tha thiết yêu anh, gặp Phước người đang theo đuổi cô Hằng — và Thi, cháu bà Hải-Ký, bạn thân của anh từ lâu. Một bầu không khí đầy những lo âu, toan tính chính trị lớn vờn ở trong sinh-hoạt Sài Gòn.

Văn lại trở về Tiền-Giang. Trái với mong đợi của khá nhiều người, Nhật giao lại quyền cai trị cho Pháp, chỉ nắm lấy sự điều khiển ở trên thượng tầng. Phong trào

Thanh-niên Tiền-phong phát triển mạnh mẽ, lan tràn khắp chốn. Văn cũng bị lôi cuốn theo phong trào và anh tham gia công tác hết sức tích cực. Trong thời gian này anh lại được Hường — vợ Bác-sĩ Hữu — tỏ tình với anh nhưng anh tìm cách chối từ. Văn vẫn tham gia hàng hái trong các hoạt động thanh-niên Tiền-phong bấy giờ đã bị cán bộ Việt - Minh chi phối. Trong cuộc tranh chấp giữa các đảng phái, lực-lượng, Văn suýt bị giết nhưng may nhờ Hường cứu thoát. Việt - Minh thừa dịp quân Nhật sắp bại, hô hào dân chúng đứng lên cướp lấy chính quyền. Vai trò của Văn đã hết quan trọng và anh bị đẩy ra ngoài sinh hoạt chính trị của những thành phần chủ yếu. Những phần tử nào cộng tác với Pháp dần dần đều bị Việt-Minh bí mật thủ tiêu. Bất mãn với chính sách ấy Văn bèn đứng ra bảo lãnh cho Chấn và Hữu. Đến khi Pháp theo hân Anh chiếm lại miền Nam, đánh lấy Mỹ-Tho thì Văn đi theo lực lượng kháng chiến, phụ trách công tác tuyên truyền.

Từ đây bắt đầu một cuộc phiêu lưu qua các kinh, ngòi, sông, rạch. Văn cùng một số anh em thân tín — những người trí thức kháng chiến không có đảng phái — mất dần liên lạc với cấp lãnh đạo phải sống trôi giạt qua các địa phương, chịu những nghi kỵ, chia rẽ ở trong các giới cầm quyền nhưng được đồng bào thôn xóm tận tình giúp đỡ.

Cuối cùng họ trôi giạt về một miền hẻo lánh ở tận Cà-Mau. Trong ấp Rạch-Lá heo hút, những người trai trẻ nhiệt thành đối với kháng chiến nhưng không bắt được liên lạc, tìm cách hòa mình sống với đồng bào chất phác. Họ được cảm tình hầu hết những người trong xóm, được những dì Chín, anh Năm, cô Tám mến yêu. Nhưng trong đợt

chờ gần như tuyệt vọng, họ có cảm tưởng Chính phủ Trung Ương đã bỏ rơi cuộc kháng chiến cũng như các cấp lãnh đạo đã bỏ rơi họ. Đồng thời, tin tức từ xa truyền lại : Việt-Minh ký kết hiệp-định sơ-bộ, Pháp đã chiếm hẳn Miền Nam, kháng chiến trở thành tuyệt vọng, và họ trở thành hoang mang.

Rốt cuộc, Văn cùng anh em chia tay mỗi người tùy sự thuận tiện tìm về mỗi ngả. Văn muốn biết rõ tình hình Hà-Nội nên tìm cách về Sài-gòn. Gia-đình của bà Hải-Ký đã hết phú-túc như mới độ nào. Cô Hằng bị Pháp tình nghi bắt nhốt. Phước trốn ra bưng kháng chiến. Thi đã có vợ, ở nhờ nhà vợ, ngoan ngoãn chạy theo miếng cơm, manh áo hàng ngày. Thành phố đầy sự chia rẽ Bắc-Nam do bọn mặt trận Bình-Dân xúi giục. Và anh gặp lại Hường, bấy giờ giàu có, sang trọng, vẫn còn tha thiết yêu anh.

Giữa một đêm hè 46, Văn đã trở về Hà-Nội, trong lúc bóng đêm đã, những khác khoải, lo âu rủ xuống mặt đường...

Đó là tóm tắt câu truyện của một tác phẩm khá lớn, dày gần 500 trang sách, cỡ giấy 15 X 21. Sau *Bóng Tre Xanh*, *Dì Mơ*, quyển *Mùa Áo Ảnh* chứng tỏ tác giả mỗi ngày mỗi phong phú hơn trong sự sáng tác và về sức nặng công trình thì Đỗ-Thức-Vĩnh là một ngòi bút đã có tác phẩm vượt trội bao nhiêu tác phẩm xuất hiện từ mấy năm nay.

Quyển *Mùa Áo Ảnh*, theo như nhiều người nhìn nhận là một tác phẩm hồi ký, một loại tự truyện. Nhưng Đỗ-Thức-Vĩnh là một nhà văn có nhiều chủ định rõ hơn, cao hơn những sự mô tả về mình và sự kiểm tìm hình bóng thân yêu của ngày quá vãng. Người đọc qua cái tên sách và

nội dung, qua sự liên hệ của nó với quyển *Dì Mơ* (vốn là đoạn sau của *Mùa Áo Ảnh*) đã cảm thấy đây là một tiểu thuyết luận đề.

Có lẽ tác giả muốn bàn đến một vấn đề trí thức — tất nhiên của một tầng lớp trí thức — và cái bi kịch của nó.

Vậy tầng lớp ấy gồm những con người thế nào ?

Đó là một số không ít những người thanh niên Việt-Nam lớn lên trong hoàn cảnh Pháp thuộc, trưởng-thành trực tiếp bằng những kiến thức văn hóa thực dân, gián tiếp bằng những tiếng vọng bi thảm trong sự giãy giụa của một cuộc đời dân tộc. Lớp trí thức ấy không có những mối nhiệt tình kiêu hãnh của những con người liêu lĩnh của năm 30, chiến đấu trong sự tuyệt vọng, dù không thành công cũng cốt thành nhân, gửi lên từng loạt sinh mạng quý giá trên đoạn đầu đài sau khi đã đem hơi phổi cuối cùng gọi lên những tiếng « Việt Nam Độc-Lập » để cho những người chưa hề tưởng mình có một tổ quốc tìm thấy bóng dáng, hình thù của một quê hương. Lớp trí thức ấy cũng không phải là những người khuất phục dưới những đàn áp sau năm 30, cố gắng kêu đòi cải cách, cố gắng vui vẻ trở trung, quay lưng lại phía kẻ thù nhưng đem những mối căm hờn còn lại trút hết lên đầu những kẻ tay sai cho giặc, hoặc tự chôn vùi trong sự trác-táng, trong cảnh bê tha để tạo một dịp thoát ly giả tạm vì không chuyên chở nổi được cuộc đời tủi-nhục quá nhiều.

Không, đó là một loại trí thức đã ngẩng đầu lên nghe ngóng khi những bom đạn

thế chiến thứ nhì bùng nổ từ một phương trời xa xôi. Ly rượu mà họ toan nâng, men đã nhạt rồi. Mồi thắm, má đào mà họ muốn gần áp lại, không còn hương dậy nồng nàn. Cuộc đời với những mộng đẹp yên lành chừng nghe xao động. Trên khắp hoàn cầu, dân tộc nhược tiểu quặn mình vùng dậy, đòi hỏi tự do. Làn sóng âm ỉ, trào dâng, khua động rạt rào tứ hướng. Một số vươn lên, vung tay cổ bẻ xích xiềng. Một số rút lại, cúi thấp hơn nữa trong hầm trú ẩn cá nhân. Và một số khác, ngẩn ngơ không biết mình đây sẽ phải làm gì. Họ là anh Văn, và những bạn bè, trôi giạt trên một chiếc bè kháng chiến phiêu lưu sau khi tình hình dập dồn xô đẩy vào một bến nước hoang vu.

Không được chuẩn bị từ trước nên họ choáng váng, ngẩn-ngơ chỉ còn biết lắng nghe lời tim đập những điệu dặt nước ân tình. Vốn sẵn bản chất thụ động, kết quả của lò giáo dục trong các trường dạy Thực Dân, họ không có sức phản-ứng nhạy-động kịp thời. Họ chờ điều khiển và đành để cho thời cơ nhảy đến, bủa vây áp lực chung quanh. Tinh thần công chức, làm theo mệnh lệnh, sống theo khuôn khổ, mất hết khả năng tự-động cần-thiết cho một thời cuộc quay cuồng vũ bão. Để tự hướng dẫn, họ chỉ trông vào một thứ lương tri nguyên khối vẹn tròn. Để tự chọn lựa, họ chỉ trông cậy ở mỗi quả tim đa cảm. Họ không nhìn thấy quần chúng lo âu và ước nguyện gì. Cuộc đời của họ cách xa « dân lành » nhiều quá. Họ chỉ xét đoán « trăm họ » theo món lương tri và trái tim mình đã bị sách vở làm cho sai lệch hoặc nghe dư luận qua những người thân gần gũi,

đôi kẻ xóm diềng hoặc vài tân khách mà cơn gió lạ đưa vào bàn giấy hay một gian phòng đầy đủ tiện-nghi. Từ một thế đối chủ quan như vậy họ tưởng lầm họ vô can đối với cuộc đời hay ngộ nhận mình làm ra lịch sử. Kịp đến một lúc nào đó, cơn lốc vùng xoay, họ bị xa lìa sự sống chung quanh, bờ ngõ thấy mình bỗng đứng thành khách không nhà, lạc lõng giữa một cuộc đời không còn đất đứng.

Từ đây, nảy sinh bị kịch. Đó là bi kịch của một lớp người trí thức không có quần chúng, miên man nếm trải một niềm cô độc mỗi ngày mỗi đậm sâu hơn. Không nắm quần chúng và không trực tiếp hay là gián tiếp ảnh hưởng đến họ, những trí thức này sống trong tình trạng hoang-mang, giao động. Cuộc đời công tác của Văn và bạn hữu anh đã chứng thực cho điều ấy. Đứng trước tình hình sôi nóng của bao giai đoạn lịch sử, anh vẫn không hiểu mình phải làm gì. Anh ngỡ ngác mãi, anh băn khoăn mãi, và bị động mãi. Anh gặp đảo chính giữa đường và gặp cách mạng giữa đường. Rồi anh lại gặp kháng chiến giữa đường và anh từ già kháng chiến giữa đường. Ở đâu, nhờ cái lương trí và quả tim kia, anh cũng được nhiều đồng bào che chở thương yêu nhưng không bao giờ anh được đồng bào nghe theo vì anh không che chở nổi đồng bào. Trong lúc bình yên, anh là trí thức cô độc. Giữa cảnh gian nguy, anh là trí thức tị-nạn. Xét trên phương diện chính trị anh không đóng được vai trò chủ định đã dành mà trên phương diện ái tình anh cũng tỏ ra là người cả sợ.

Đó là nội dung chính của luận đề tác-phẩm, tuy chưa có lời giải đáp. Trong

cuộc chiến-đấu oanh liệt và gian khổ ấy anh Văn bao giờ cũng muốn tiêu diệt kẻ thù nhưng chỉ chời vơi giữa mùa ảo-ảnh ! Ảo ảnh kháng chiến, ảo ảnh độc lập, ảo ảnh về sự vùng dậy của mình, ảo ảnh ngay cả về sự tiêu diệt kẻ thù. Vai trò của anh là một ảo ảnh cũng như quyền năng của anh. Tất cả, mơ hồ, phân tán, chập chờn hư thực. Cuối cùng, bị kịch hạ màn, và anh đối diện với mình : đó là khán giả, đồng thời cũng là diễn viên, nhưng không phải là đạo diễn.

Tóm lại, tác giả gần như đã viết một thiên hồi ký để cốt trình bày một cái luận đề trí thức, hay nói cách khác, tấn kịch bi thảm của một tầng lớp trí thức đã được xây dựng từ một tinh thần tự kiểm điểm mình. Đi xa hơn nữa, đó là nội dung của một tự phê có cái tham vọng rút bài học lớn cho một bước đường lịch sử tương lai !

Tất cả chủ tâm về một luận đề như trên bày tỏ, đã được tác giả nêu lên từ đầu tác phẩm, ở trong lời tựa : *« Giai đoạn lịch sử 45 - 46 càng có nhiều khía cạnh cần phản ánh, các vấn đề căn bản của dân tộc càng phức tạp, mà chừng nào bài toán thời đại chưa đi đến một lời giải thỏa đáng cho thời đại chúng ta và thế hệ tới đây thì các khía cạnh của giai đoạn lịch sử đặc biệt ấy vẫn cứ đáng nên được ghi lại để dùng làm tài liệu tìm hiểu, dùng làm vật liệu ít nhiều sẽ giúp vào việc xây dựng xã hội Việt-Nam trong cái « thế kỷ sai độn Cách mạng » hiện nay.*

Về Văn và lớp bạn Văn trong truyện tác giả không dám nghĩ là những nhân vật điển hình trọn vẹn của thời đại. Nhưng họ cũng không phải chỉ là những nhân vật

có tính cách lẻ loi, hoặc quá riêng biệt. Tự thâm tâm, tác-giả nhìn thấy, và dụng ý nhìn thấy qua họ một lớp thanh niên trí thức của thời đại, và chắc chắn đó không phải là một con số nhỏ.

... Tác giả thành khẩn đem Mùa Áo Ảnh cùng với Dì Mơ (1959) đóng góp vào phần kiểm điểm các dữ kiện của bài toán thời đại, với hi vọng sớm có thể trình bày những ý kiến riêng về đoạn đường tương lai, trong một cuốn truyện sau, kết thúc tập truyện này khởi đầu với cuốn Bóng Tre Xanh ».

Như thế quyển Mùa Áo Ảnh tuy chưa đủ làm thành một vấn đề nhưng đã mang sẵn trong mình cơ sở của một vấn đề khá lớn, tự nó đã có cái phần vấn đề bộ phận cần thiết ở trong toàn thể. Nhưng chủ-điểm ấy thật không phải là dễ dàng nhận thấy như trong phần đông tác phẩm luận đề từ trước đến nay. Người đọc chỉ có thể xem tác phẩm như mớ tài liệu có thật về một lớp người trong một cảnh đời đã qua và ai cũng dễ nghĩ Mùa Áo Ảnh là một hồi ký, là một tự truyện hơn là tác phẩm luận đề. Các phần mà « tự thâm tâm, tác giả nhìn thấy, dụng ý nhìn thấy... » thì người đọc sách khó lòng mà nhìn thấy được. Do đó, để tìm giá trị của sách, người ta nhìn nó như một lưu tồn kỷ niệm dành cho lớp con lũ cháu về sau, hoặc xem như một bút ký mô tả sinh hoạt Miền Nam qua những sông ngòi giữa thời khói lửa. Sự phê phán ấy, nếu quả là một ngộ nhận, thì phần trách nhiệm không phải thuộc về người đọc.

Nhưng bởi vì đâu mà phần chủ đề không gây được một ấn tượng sâu xa?

Ngoài sự kiện tác phẩm chỉ là bộ phận của một toàn thể mà lời giải đáp vấn đề

còn nằm trong một tác phẩm chưa viết (hay chưa xuất bản), chúng ta có thể nghĩ đến một mối mâu thuẫn căn bản thường trực ở nơi tâm hồn tác giả, mối mâu thuẫn đã làm nên cuộc đời Văn và định đoạt cho giá trị tác phẩm. Hầu như mỗi mâu thuẫn ấy xuất phát từ hai sự kiện: một bên là cái ý thức xã hội thiên về giải pháp trừu tượng, khái quát một bên là cái tình cảm cá nhân thiên về tinh thần tự vệ và những suy nghiệm chủ quan. Hai sự kiện ấy luôn luôn ở trong một thế tranh-chấp bản thân tiềm tàng và đủ hòa hoãn để giữ tác giả — cũng như anh Văn — trong một trạng thái bình yên hết sức. Nói về anh Văn, suốt trong tác phẩm, người đọc có thể nhận thấy là một con người rất mực quân bình. Tuy là thanh niên nhưng anh Văn đã đánh rơi nhiệt tâm tuổi trẻ từ thuở nào rồi. Anh không cảm hờn sâu sắc nên không gấn bó thiết tha. Dục vọng điên cuồng, chiến đấu say mê, cũng như băn khoăn, khắc khoải, lăm lăm, khát vọng... là những sự kiện xa lạ với anh.

Từ đầu chí cuối, xét trên công tác, anh đáng được gọi là người có khá đầy đủ lương tâm chức nghiệp.

Nhưng cái tác phong đáng mến và cố hữu ấy đã khiến cho anh lạc loài trong những sinh hoạt mới mẻ. Khi chưa bùng nổ Cách mạng anh là công chức đứng đắn được sự tín nhiệm của viên chủ sở. Khi Cách mạng rồi, anh là cán bộ đứng đắn được sự tín nhiệm của cấp lãnh đạo. Chung cuộc anh là một người biết nghe lẽ phải và cố làm đúng lẽ phải.

Nơi anh, ngoài người đàn ông cường tráng và người thanh niên tích cực còn có một cô con gái nhu-mì và một ông già

mức thước. Và khi người ta muốn tìm trong đó một loại con người ích kỷ, tầm thường thì khốn khổ thay, lại gặp một vị quân tử vô cùng đạo mạo. Bởi vậy anh Văn — với cốt cách ấy — đã đẩy lùi được tất cả vấn đề. Với anh, không có chuyện gì phải lo sợ nữa. Những thứ gian nguy, khổ nhục cũng như vùng dẫy lớn lao là những loại giống không sao thích hợp được với thời tiết, đất đai của cuộc sống anh. Cho dù anh phải lênh đênh giữa cảnh nước trời, chúng ta có thể yên tâm, vì anh sẽ có đủ cả gạo mắm sẵn rồi, sẽ có cả nướng, có cả cháo vịt. Nếu anh trơ trọi ở một góc đường, thế nào cũng có một người rước anh vào nhà nuôi dưỡng. Và nếu anh không còn tiền trong túi, sẽ có một người sẵn sàng cho mượn mà không nghĩ đến sự đòi. Nhưng đây là nói cho cùng lý lẽ. Thật ra anh Văn không bao giờ phải thiếu hụt: trong suốt thời gian trôi giạt và sống ở giữa đồng bào kháng chiến anh Văn vẫn còn tiêu bằng tiền lương dành dụm từ thời còn là công chức trước kia. Cho đến phút cuối anh vẫn còn lôi từ trong khoang thuyền một món tiền lớn để mà phân phát đều đặn cho các anh em trước khi mỗi người đi về mỗi ngả.

Tóm lại, vì cá tính không rõ đậm, bản chất khá xa cách với mức thường, anh Văn trở thành nhân vật đặc biệt, không chuyên chở được vấn đề thời đại. Anh không ở vào tầng lớp tiền phong, cũng không đứng trong hàng ngũ phản động. Cho đến thái độ lưng chừng khá phổ biến ấy, anh cũng không có. Anh chỉ bắt gặp tình cờ Cách mạng, bắt gặp tình cờ kháng chiến nên chỉ hiểu nó một cách mơ hồ. Khi nó hay hình đổi dạng theo đà sức lớn thì

anh vẫn nhìn nó bằng nhãn tuyến trù tượng ngày xưa nên không thể nào nhận biết nó nữa.

Kể ra, ở bên cạnh anh, còn một số người cùng chia cảnh tình và tâm trạng ấy. Nhưng họ không thuộc số nhiều. Bởi vì lực lượng của họ có thể chứa đầy một chiếc cà-dom.

Đó là tất cả vấn đề của nhân vật chính và cũng có thể là vấn đề của tác giả. Hầu như trong sự sáng-tác tác-giả vừa muốn trình bày một cái luận đề xã hội vừa lị chia xẻ bởi cái ý tưởng thuật lại truyện mình. Trong sự giản dị cổ hữu đã khiến tâm hồn luôn luôn đòi hỏi mức thước, tác giả dễ tin tưởng rằng sự thật mà mình trải qua có đủ tiềm lực để xây dựng nên một vấn đề lớn. Và giữa thể cách tiểu thuyết với loại tự truyện, tác giả vui lòng chấp nhận thể cách sau này. Giữa những cảnh đời quá khứ càng ngày càng mòn mỏi dần của bản thân mình và giữa cuộc sống chung quanh mỗi lúc mỗi thêm phong phú, tác giả tự bắt buộc mình lựa chọn sự kiện thứ nhất.

Xuất phát từ đây, cuộc đời tác giả trải qua nghiêm nhiên trở thành lịch sử. Quan niệm sáng tác dựa vào tài liệu sống thực của mình là một quan niệm phổ biến và rất đáng được hoan nghênh khi xuyên qua những mảnh đời có thực chúng ta đạt được những yêu cầu chính của một sáng tác là sự giải trí kết hợp với những khám phá về đời và sự xây dựng cuộc đời. Nếu tác giả đào sâu nhiều hơn tâm lý nhân vật và nhồi đúc lại sự việc theo sát chủ điểm của mình thì giá trị của tác phẩm sẽ lớn lao hơn. Nhưng tác giả còn nhiều ảo ảnh về cá nhân mình và trường hợp

minh. Tác giả đã chịu với nó khá nhiều mất mát, thiệt thòi nên nhìn thấy nó có đủ sức nặng để thành một mối ám ảnh sâu xa hay một bảo vật cần phải trân trọng giữ gìn. Rồi trong ánh sáng chòn vờn của ảo ảnh đó, khá nhiều sự vật không tên, sự việc không tuổi cũng được phục hồi sự sống bởi vì nó có liên hệ đến sự sinh hoạt tác giả. Có đọc khá nhiều trang sách tường thuật đầy đủ về một cảnh sống thông thường hay về một đôi trạng thái tâm lý quen thuộc xuyên qua những lời đối thoại bằng phẳng mới cảm thấy hết tấm lòng bảo trọng dĩ vãng ở nơi tác giả. Đồng thời để cho cá nhân của mình bớt nỗi cô độc và bớt lộ liễu, ngòi bút dồi dào lương tri kết nạp thêm vào khá nhiều cảnh sống dân quê qua những dặm dài kênh rạch. Nhưng đời sống của dân quê khá no đủ ấy cũng lại là ảo ảnh nốt. Trong *Bóng Tre Xanh*, tác giả có đủ thời gian để nhìn thấu đáo một hiện tượng xấu đã có gốc rễ từ biết bao nhiều thế kỷ ở trong sinh hoạt ruộng đồng miền Bắc. Nhưng sống giữa *Mùa áo ảnh*, tác giả chỉ kịp ngấm nhìn đồng ruộng miền Nam qua một nhịp chèo buồng lơ lửng hay dưới mái dừa xanh mát một buổi trưa nào, một đêm trăng nào. Vô tình tác-giả đã đem vào sự thể hiện cuộc đời dân quê khá nhiều tính cách thưởng ngoạn khiến cho bao nhiêu khổ cực của họ cũng có màu sắc thú vị khác thường. Ở trong bản chất công chức của anh chàng Văn thật dễ bắt gặp ít nhiều bóng dáng của một nhà thơ lãng mạn, dù nhà thơ ấy bao giờ mất cũng đắm đắm nhìn về một nẻo chân trời cách-mạng xa xôi. Bởi vậy, đọc *Mùa áo ảnh*, người ta nhiều khi có cái thú vị nhẹ-nhàng tìm thấy trong sự thưởng thức những loại tác phẩm phiêu-

lưu, du ký. Mỗi lạc quan âm thầm của Đỗ-Thúc-Vĩnh về đời dân quê miền Nam, thuần túy xét trên phương diện sinh-kế, có lẽ xuất phát từ cái nhãn quan của một con người miền Bắc còn nhiều ấn tượng về cuộc tranh sống gay go trên những bình nguyên thẳm đỏ phù-sa. Bất giác người ta nghĩ đến những nỗi bi quan rải rác ở trong *Một lá thư tình* (1) của bà Vân-Trang khi nói về những thảm cảnh của chốn đồng lầy Lục-Tĩnh, những nỗi bi-quan của một con người lớn lên giữa những vườn cây, ruộng lúa miền Nam cảm thấy khá nhiều ăm no ngày cũ đã hao mòn theo khói lửa loạn ly.

Chúng ta thông cảm những nỗi hạn chế mà tác giả *Mùa Áo Ảnh* khó lòng vượt qua, bởi những điều kiện sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần đã bị chỉ định từ lâu. Lại thêm những nỗi khó khăn khi đề cập tới vấn đề có nhiều liên hệ đến những sinh hoạt chính trị tế nhị hiện nay không khỏi ảnh hưởng sâu sắc đến sự từ tốn của chính tác giả và khiến cho sự từ tốn trở thành một sự dè dặt, hay xa hơn nữa, thành một thái độ gần như lãnh đạm, hững hờ.

Với một tinh thần khuôn phép như thế, kỹ-thuật tác-giả giữ vững một sự từ tốn, thung dung cổ hũu. Đó là một thứ kỹ-thuật trầm lặng, trầm lặng trong sự xây dựng con người, trầm lặng trong sự thể hiện vấn đề, trong cách sắp xếp sự việc, trong lối dùng chữ, làm câu. Theo một lẽ lối mực thước, trong một nếp nhà cẩn trọng, tác-giả cứ theo thứ tự thời gian mà đi, yên lành chép lại sự việc, âm thầm,

(1) do nhà Phù-Sa xuất bản (1963).

ĐIỂM SÁCH

khiêm tốn xây nên một tòa lâu đài cổ điển hết sức vững chắc nhưng không kém vẻ lạc loài giữa những mái lá, nhà tôn và những bin-đỉnh kiến trúc tân kỳ, sặc sỡ.

Người ta không thể chờ đợi những sự bất ngờ nơi Đỗ-Thức-Vĩnh : tác - giả không thuộc về những ngòi bút lấy sự giải trí làm một tiêu chuẩn khá cao. Mặc dầu có thừa thông minh, tác-giả cũng không cậy nó như một phép thuật nhiệm màu mà đem đặt nó dưới một lương tri bền bỉ của một con người bao giờ cũng thích sáng suốt ở trong lẽ phải, dù lẽ phải ấy có bị hạn chế bởi cái lương tri quen thuộc. Người ta cũng không chờ đợi những cái đột khởi lớn lao hay những tiêu - trầm bi-đát : tác-giả có thừa quân bình để khỏi bước ra con đường tự vạch sẵn rồi. Anh Văn trong truyện có đủ trường hợp để thành một loại anh hùng hiển hách nhưng bao giờ cũng đủ tiết chế để cản ngăn mình mạo-hiểm vượt qua ranh giới bình thường. Nhưng nhờ thế, có biết bao nhiều cơ-hội có thể khiến anh trở nên vụn vặt, thấp kém thì anh vẫn giữ nguyên được bản sắc của một con người biết điều rất mực lạnh lùng.

Người đọc nhiều khi bị đẩy vào một tình trạng hết sức khổ tâm vì không được hưởng một niềm thán phục lớn lao hay nếm một mùi tuyệt vọng bi thảm. Vốn đã quen sống trong một không khí văn nghệ đầy những bất thường lệch lạc, người ta luôn luôn chờ đợi tai ương, bất trắc hay những ngã rẽ tâm-tình tội lỗi nhưng không kém vẻ nồng nàn. Nhưng đến trang cuối, biết rằng mình đã chờ đợi một cách sai lầm và biết rằng mình không

nhìn mơ mộng gì hơn, người ta tìm thấy được một an-ủi rất lớn.

Niềm an ủi ấy, là với tác-giả, chúng ta không bị gạt lừa. Chúng ta vui vẻ tin rằng, tác-giả là người chân thực, dù sự chân-thực đã bị hạn chế. Đó là thái độ chân thực suy nghiệm từ óc chứ không phải là thái độ chân thành quá đổi phổ biến bộc khởi từ tim, đồng nghĩa với sự bệnh hoạn thường trực nơi một số người nhạy cảm.

Chúng ta chỉ tiếc tác giả hơi quá tự tin ở sự nhận thức của mình. Lòng tự tin ấy, nơi đây, chỉ là một thứ thói quen. Một chút hoài nghi về mình, đủ để thoát khỏi lớp không khí cũ, có lẽ làm cho tác giả khỏe mạnh thêm lên và những sinh lực có sẵn sẽ bùng dậy được.

Vì vậy, khi nghe trong lời nói đầu của *Mùa Áo Ảnh*, tác giả « hi vọng sớm có thể trình bày những ý kiến riêng về đoạn đường tương lai, trong một cuốn truyện sau, kết thúc tập truyện này, khởi đầu cuốn *Bóng Tre Xanh* », người ta không có hi vọng lớn lao nhưng không thất vọng chút nào. Với *Bóng Tre Xanh*, tác giả quay nhìn dĩ vãng miền quê bằng lòng thương ghét chân thành. Với *Mùa Áo Ảnh* tác giả lướt trên cuộc đời dân tộc bằng những thiện ý chứa chan. Nhưng qua *Di mơ*, anh Văn nhận thấy phải cùng dân quê chiến đấu. Anh đã từ chối ái tình, từ chối lối sống ích kỷ hèn mọn, nhưng không từ chối trách nhiệm của người trí thức. Trên một yêu cầu cách mạng, có lẽ người ta nhận thấy anh Văn cố chấp, chủ quan còn nặng quan điểm cục bộ của một kiến thức sách vở thiên về lý lẽ trừu tượng hơn là cứu xét vấn đề thực

tế trong một toàn bộ biến động. Nhưng trên bình diện phổ biến về người trí thức đối với cuộc đời, anh Văn thuộc về lớp người rất tốt, còn giữ được sự trong sạch tinh thần quý giá để tự bảo vệ được mình, luôn hướng mình tìm về quần chúng, tìm về lẽ phải. Chính tinh thần ấy, ở trong bút pháp chững chạc của một nhà văn từng trải, đã đóng góp được khá nhiều trong sự sinh hoạt văn-nghệ hiện nay. Chính tinh thần ấy đã nâng quyển Mùa Áo Ảnh lên hàng những tác-phẩm lớn có một giá trị tiêu biểu.

Ở trong tác phẩm sau này chứa đựng một lời giải đáp kết thúc cho một chu kỳ sáng tác công phu, người ta mong rằng tác giả sẽ già từ được ảo ảnh — mọi thứ ảo ảnh ràng buộc đời mình — để thật quay về với đời dân quê, cuộc đời đã có chiều dài lịch sử, chiều sâu và cả chiều cao của sự đấu tranh dai-dẳng, đầy những gian khổ và đầy vinh quang.

CÔ PHƯƠNG-THẢO



- Hãy cung cấp cho chúng tôi một người vừa làm vừa hát.
Người ấy sẽ làm nhiều việc hơn, làm hay hơn và làm lâu hơn.

Carlyle

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

- *Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.*
- *Installations de gazothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Phân bướm

tư ờ n g l i n h

Gởi người con gái đã vào trại cù

Rồi trăng cũng nhạt theo hương
Lan non hồng nội các vườn ngăn ngõ
Cánh nghiêng phân rụng tình cờ
Nửa khung trời cũ bấy giờ của ai

Tìm nhau khóc một hình hài
Đã vơi nhiều nước mắt loài chim sương
Bâng-khuâng thơ rồi đêm trường
Có đau-hin có sầu thương g'p vẫn

Thôi mong gì nữa mùa xuân
Phân rây buồn cỏ dương trần tháng năm
Đường sang cát mịn bụi lấm
Thôi mong gì tiếng nguyệt cảm gọi trăng

Người đi máu đọng vũng khăn
Sau chân mùa đã vào băng giá rồi.

T. L.

SÔNG BIỂN TRONG THƠ

cách ngăn biển rộng | hữu phương

Bao lần trở giấc nhìn khơi
Sương khuya rét buốt, nẻo đời thâm u
Tiếng tàu ngọt tựa lời ru
Vườn mơ thấp thoáng hiện từ dáng môi
Phải chăng em cũng ngậm ngùi :
Cách ngăn biển rộng, sao người nổi buồn ?

Núi cao như ngã vào hồn
Mưa nhây nhớt đó đó dồn xuống tim
Đường khơi nhô một bóng tìm
Chuyến xe danh vọng cuối miền gió mưa
Ra đi lời trẻ dặn dò :
Coi chừng ba nhé ! bão mùa hôm nay.

Đèn thành sáng một điểm tây
Tôi đi về hướng khói vây mịt mù
Máy tàu vẫn ngọt đàn ru
Vườn chiêm bao nở hiện từ hoa môi
Dường như em cũng bối hối :
Tiếng thơ đôi lúc ngậm ngùi nhắc ai ?

H. P.

TRÔI NỔI CUỘC ĐỜI | hoài hương

Người thủy thủ lái con tàu công tác
Đời lênh đênh như sóng nhớ bờ xa
Một chiều mưa tàu băng qua Vàm Sát
Gặp thuyền câu, anh ghé lời lân la.

Trong khoang nhỏ, ánh đèn dầu leo lắt
Hai vợ chồng, ba đĩa nhỏ xanh xao
Trông khách lạ, họ mở bình đôi mắt
Mà hoang mang, chưa dám hé môi chào.

Quê của họ, chiến tranh xưa tàn phá
Nhà cháy thiêu trong lửa loạn Tây ruồng
Đời cô quạnh, hơn mười năm đánh cá
Ghe là nhà, sông rộng thể quê hương.

Con cái lớn lên trên thủy triều, khói sóng
Nhìn nắng mưa, nghe gió đoán thời gian
Quen thuộc lắm kênh nào sâu, sông nào rộng
Mưa phương nào, khi mây kéo lang thang.

Khẽ hỏi vì sao không về xóm cũ ?
Thưa : « Quen rồi ». Tiếng nói vọng đơn sơ
Nhưng ánh mắt gợn tia buồn ắp ủ,
Thương liên miên trên liếp cỏ xanh bờ. . .

Những con nước đang tìm về biển cả
Chim tìm chim, lá ủ cội cây già
Người thủy-thủ dù lênh đênh khắp ngã,
Vẫn mong tìm. . . cảm động, ngóng quê xa.

H. H.

SÔNG CHIỀU

chiều buồn nắng xế đôi sông
ngày hoang liêu vỡ máu hồng trên cây
bến đìu hiu bóng chim gầy
về đâu hỡi lá thuyền mây tội tình
mắt xa trời thăm phiêu linh
gót lưu lạc với phận mình cô đơn
nghe chiều lạnh lạnh trong hồn
cái im vắng đến mỗi mồn thịt da
giọt sao nước bạc phai nhòa
cây nghiêng cổ níu trời xa nảo nùng
bờ lau sương ngủ lạnh lòng
buồn lên từng sợi tơ chùng nhớ thương



BUỒN HỘI AN

Nét buồn mái cổ đông phương
Tuổi già nua phố sâu thương phận đời
Thời xuân phần thịnh qua rồi
Sông Thu mòn mỏi biển trời Á Đông
Tiếng xưa hoài mấy điệu lòng
Giờ nghe sao rã cánh hồng kiều sa
Xót thương, từ độ phong ba
Còn lưu chứng tích hồn ta điệu tàn
Người mang triu mến hội an
Nghìn xưa, sau có muôn vạn đờn đau
Chừ về với phố u sầu
Với thành quách cũ lên màu thời gian
Với em thị xã lơ làng
Lời ru tình Quảng-Nam ngàn đau thương
Sài giang nước chảy xa nguồn
Mấy đời nay vẫn thêm buồn cho nhau...

thái tú hạp

Bách-Khoa

phỏng vấn giới nhạc sĩ

III

★ Bà PHẠM-THỊ-LẠC-NHÂN



Sinh tại Đà Nẵng (Trung-Việt) năm 1930.

1936 : bắt đầu học dương cầm với các bà phước Saint-Paul de Chartres.

1945-46 : thành lập ban nhạc học sinh trường Khải-Định (Huế).

1948-50 : học đàn với bà Nguyễn-Văn-Tị ở Sài-Gòn,

1950 : sang Pháp học tại Ecole Normale de Musique de Paris với nhạc sư Jean Micault.

1952-53 : học tại Conservatoire National de Musique de Paris với nhạc sư Jules Gentil.

1953 : tốt nghiệp dương cầm tại Conservatoire de Musique de Paris (Diplôme de piano)

1959 : theo học lớp hòa âm với nhạc sư Georges Daudelot và nhạc thính phòng với Victor Gentil.

Theo học với nhạc sư Alfred Cortot trong các lớp trình diễn âm nhạc tại Ecole Normale de Musique (cours d'interprétation musicale).

Đã tham dự và được giải thưởng :

— giải nhất dương cầm (*1er prix de piano*) tại Âm nhạc viện Grenoble, năm 1955 ;

— giải nhất dương cầm trong dịp thi tuyển « *Concours National de Musique* » tại Lyon, năm 1956.

Từ 1960, trở về Việt-Nam và dạy dương cầm tại trường quốc gia Âm nhạc Sài-Gòn.

Ngoài các hoạt động về trình diễn, đã thành lập ban « *Dạ-Quang* » (của hội Bạn người Mù), một ban nhạc đầu tiên người Mù tại Việt-Nam, đã được mời trình diễn tại nhiều nơi trong nước, đặc biệt tại trường quốc gia Âm nhạc và hằng tháng trên làn sóng điện của đài Phát thanh quốc gia.

● Cũng như đối với các bộ môn văn nghệ khác, âm nhạc Việt-Nam, ngoài tính chất dân tộc của nó, muốn được tiến triển cần có thêm những luồng gió mới. Tôi muốn nói nhạc Tây phương cổ điển cần được phổ biến mạnh hơn để giúp chúng ta quen thuộc với những âm điệu mới của nhạc ngoại quốc.

● Cần phải phục hưng nền nhạc cổ truyền bằng cách khai thác viết lối nhạc quốc tế, xây dựng theo lối hòa âm Tây phương.

● Ngay trên căn bản, loại nhạc gọi là cải cách hay tân nhạc không nâng cao được trình độ âm nhạc nước nhà, vì theo thiên ý, thực ra đó chỉ là sự pha trộn (không được khéo léo) nhạc Tây phương tầm thường, chỉ có công dụng giải trí, thường được dùng trong các phòng trà, các tiệm khiêu vũ.

I.— Tôi chuyên về dương cầm.

Tôi được huấn luyện về nhạc Tây-phương cổ điển từ thuở nhỏ.

Học nhạc, đối với tôi — dù là để trở thành nhạc sĩ chuyên về tấu nhạc (*instrumentiste*) — không những chỉ có mục đích trình diễn để thỏa mãn nhu cầu nghệ thuật và năng khiếu học hỏi của mình, mà còn làm thế nào để sau khi đã có một sở vốn căn bản về nhạc, huấn luyện những người

khác hiểu biết thêm về âm nhạc. Điều này đòi hỏi nhiều công phu cố gắng, nhưng tôi tưởng đó là nguyện vọng của những ai thiết tha phụng sự Nghệ thuật.

II.— Trước ngày gặp bà Nguyễn-Văn-Tị, giáo sư dương cầm đã sáng tác nhiều nhạc phẩm có giá trị, trình độ hiểu biết của tôi về âm nhạc chưa có gì đáng kể. Tuy được liệt vào hạng « *mầm non* » hồi còn nhỏ tại Huế, nhưng vì thiếu giáo sư, tôi



Bà Lạc-Nhơn trong một buổi huấn luyện các nhạc sĩ Mùa của hội Bạn Người Mùa, ban nhạc do bà sáng lập và điều khiển

không được chỉ dẫn chu đáo về dương cầm. Phải đợi đến năm 1948, vào Sài Gòn, tôi mới may mắn được làm học trò của bà Nguyễn-Văn-Tị, lúc bây giờ là nữ nhạc sư dương cầm độc nhất tại Saigon. Sự học hỏi của tôi được thỏa mãn, nhất là từ năm 1910, khi sang Paris theo học với các nhạc sư tài danh như Alfred Cortot, Jules Gentil, Jean Micault.

Sau 10 năm học tại các trường : École Normale de Musique de Paris, Conservatoire national de Musique de Paris, và những lần trình diễn tại các thánh đường Paris do Club des Amis des Arts et des Lettres tổ chức, cũng như ở các tỉnh như Grenoble, Lyon, Strasbourg, Montpellier, tôi được hấp thụ thêm kiến thức hiểu biết về âm nhạc Tây-phương.

Trình diễn một nhạc phẩm đòi hỏi, ngoài năng khiếu ra, rất nhiều công phu học tập. Nhạc sĩ thành công là khi đã hòa được hồn mình vào hồn nhạc phẩm để nhờ đó lôi kéo được thính giả, gây xúc động trong tâm hồn họ. Kỷ niệm đẹp đẽ

nhất của tôi thời gian ở Pháp là thời kỳ phụ huấn về kỹ thuật trình diễn những nhạc phẩm của Chopin, Schumann, với Alfred Cortot, một nhạc sư tài danh của nước Pháp và của thế giới vừa qua đời trong năm qua. Chính Alfred Cortot là người đã thành lập École Normale de Musique và là người đã đào tạo bao nhiêu nhạc sĩ độc tấu dương cầm vào hạng quốc tế. Ngoài Alfred Cortot, tôi còn được những nhạc sư như Jules Gentil và Jean Micault hướng dẫn chu đáo về môn dương cầm tại École Nationale de Musique và Conservatoire National de Musique. Tôi mang ơn rất nhiều những nhạc sư nói trên trong việc tốt nghiệp các viện âm nhạc Paris, Grenoble và đoạt các giải thưởng hạng nhất về dương cầm tại Pháp.

Từ ngày trở về nước, ngoài giờ dạy học tại trường quốc gia Âm nhạc, tôi đã có dịp trình diễn tại đài Phát thanh Pháp-Á và trong những buổi hòa tấu tổ chức tại thánh đường trường quốc gia Âm nhạc Sài Gòn, cộng tác với các nhạc sĩ

Pháp : Georges Mousny, Michel Piclin ; ông Đỗ-Thế-Phiệt và em tôi cô Phạm-Thị-Hồng-Tuyển.

không ngại ngừng nhận làm công việc trên là nhờ một kỷ niệm của thầy tôi, nhạc sư Jean Micault.

Nhưng hoạt động văn nghệ tôi ưa thích nhất gần đây là việc thành lập ban Nhạc « Dạ-Quang » gồm toàn nhạc sĩ mù. Hôm ấy, tiếp xúc với bà Trần-Vỹ, hội trưởng hội « Bạn Người Mù », tôi được bà hội trưởng ủy thác việc huấn luyện những người mù có năng khiếu về nhạc hầu giúp họ có một nghề nghiệp xứng đáng như bao nhiêu nghề nghiệp khác trong xã hội. Những người mù này, ngoài việc sẽ tự mình tìm được kế mưu sinh, còn nhờ nghệ thuật Âm nhạc họ đang trau giồi hằng ngày mà quên được phần nào cái hiện tại đen tối đang ám ảnh đời họ. Sở dĩ tôi

Hồi còn nhỏ, Jean Micault tuy không mù lòa hẳn như những người mù của ban « Dạ-Quang », nhưng nhờ có một nghị lực phi thường và lòng yêu chuộng nghệ thuật, Jean Micault đã trở thành một nhà độc tấu dương cầm vào hạng quốc tế. Lòng kính mến và nhớ ơn Thầy đã làm tôi hăng hái, quyết định đảm nhận việc dạy mấy người mù trong hội « Bạn người Mù » để thành lập ban « Dạ-Quang » ngày nay.

Phương pháp dạy nhạc cho người mù đòi hỏi nhiều thì giờ và kiên nhẫn hơn

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì ? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách ? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao ? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc..)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì ? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì ? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì ?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

đối với người bình thường. Họ không đọc được « nốt » nhạc, và vì thế phải giúp họ tự chép lại các nhạc phẩm bằng phương pháp Braille. Chúng tôi nhờ được cái may mắn là gặp những người có nhiều khiếu thẩm âm ; khi đã ghi một bản nhạc lên giấy, bản nhạc ấy được ghi mãi trong đầu óc họ, điều mà người sáng không làm được nhanh chóng bằng. Ở các nước Âu Mỹ, thường có những giáo sư đặc biệt để đào tạo nhạc sĩ trong giới người mù. Ở nước ta, vì hoàn cảnh chưa có, tôi thiết nghĩ có thể bù đắp sự thiệt thòi ấy bằng cách tự chúng tôi, những người may mắn hơn, được đi học ở trong nước cũng như ở ngoài nước, góp một phần công nhỏ trong việc giúp người mù đạt đến một trình độ hiểu biết nào đó về âm nhạc. Phần tôi, tôi không có cao vọng đào tạo những nhạc sĩ « có tài » trong ban « Dạ-Quang », nhưng tôi ước ao làm sao xây dựng cho họ có một nghề nghiệp bảo đảm tương lai đời họ, nhất là khi nghề nghiệp ấy nằm trong phạm vi nghệ thuật đang đeo đuổi. Nhóm nhạc sĩ mù trong ban « Dạ-Quang » chỉ là một thiểu số trong số những người mù có rất nhiều trong nước ta, ước mong của chúng tôi là nhờ sự cộng tác của nhiều giáo sư bạn hữu khác, trình độ hiểu biết về âm nhạc của những nhạc sĩ mù sẽ được tăng tiến, điều kiện cần thiết để nâng cao đời sống tinh thần lẫn vật chất của họ.

III. — Cũng như đối với các bộ môn văn nghệ khác như Văn chương, Hội họa, Kiến trúc, Âm nhạc Việt-Nam, ngoài tính chất dân tộc của nó, muốn được tiến triển, cần có thêm những luồng gió mới, những sinh khí mới. Tôi muốn

nói nhạc Tây phương cổ điển cần được phổ biến mạnh hơn để giúp chúng ta quen thuộc với những âm điệu mới của nhạc ngoại quốc. Như có lẽ mọi người đều nhận thấy trình độ hiểu biết và thưởng thức âm nhạc của đa số chúng ta còn chưa được khả quan lắm. Thường trong những buổi hòa tấu, đa số thính giả Việt-Nam chỉ mới thưởng thức được nhạc Tây-phương trong những giai đoạn cổ điển (classicisme) Bach, Vivaldi, Beethoven. . . , lãng mạn (romantisme) : Chopin, Schumann, Liszt... Họ chưa quen thuộc lắm với nhạc điệu ấn tượng của Debussy (impressionisme), Ravel.. còn nói gì đến nhạc Tây-phương cận-đại (musique contemporaine) mà đặc tính là cách dùng nhiều âm điệu bất hòa (dissonances).

Với chỗ nhận xét trên, trong phạm vi nghề nghiệp, tôi tưởng trong giai đoạn hiện tại, cần phổ biến trước hết âm nhạc Tây-phương cổ điển, tìm trong số những nhạc phẩm êm tai dễ nghe. Từ chỗ làm quen với loại nhạc đó, thính giả sẽ ham thích nhiều hơn. Tìm việc phổ biến trực tiếp, đó là nhiệm vụ của những người trong giới nhạc sĩ chúng tôi. Muốn thực hiện công việc này, cần phải tổ chức nhiều buổi trình diễn âm nhạc tại các thánh đường, hoặc dùng đĩa hát qua làn sóng điện. Điều cần thiết là phải cho nghe rất nhiều để gây xúc cảm ở thính giả.

Về phương diện nhạc Việt-Nam, tôi đồng ý với nhiều nhạc sĩ ở điểm cần phải phục hưng nền nhạc cổ truyền bằng cách khai thác lối viết nhạc quốc tế, xây dựng theo lối hòa âm Tây phương, không theo lối bắt buộc. Nghĩa là có thể dùng nhiều âm điệu bất hòa (dissonances), nhưng vẫn giữ được âm thanh thuần túy Việt-Nam.



Bà Lạc-Nhân đang đàn đề giảng
cho một nhóm nhạc sinh

Trong mục đích thực hiện điều này, vài nhạc sĩ Việt-Nam đã tiên-phong sáng tác như bà Nguyễn-Văn-Tị trong nhạc phẩm « Việt-Nam », một tuyển tập viết riêng cho dương cầm rất được tán thưởng ở Âu Mỹ ; Nguyễn Khắc-Cung trong nhạc-phẩm « Kim-Vân-Kiều » cho vĩ cầm, dương cầm ; Nghiêm-Phú-Phi trong nhiều nhạc phẩm cho ban hòa tấu và dương cầm và các nhạc cụ Việt-Nam ; ở Pháp có Tôn-Thất-Tiết, một nhạc sĩ trong số các nhạc sĩ Việt-Nam đầu tiên tốt nghiệp lớp sáng tác tại viện Âm nhạc quốc gia Paris. Là một nhạc sĩ say mê với nền nhạc Việt cổ truyền, Tôn-Thất-Tiết có rất nhiều triển vọng trong đường lối này.

Lẽ lối sáng tác trên để phục hưng nền nhạc Việt chỉ thích hợp cho một số người có sẵn căn bản vững chắc về âm-nhạc ; đối với đại chúng, cần phổ biến lối nhạc cổ truyền dễ hiểu hơn, tôi muốn nói nhạc « Dân ca » mà quần chúng Việt-Nam rất hâm mộ. Tôi không đồng ý lắm về danh từ « nhạc cải cách » vẫn được dùng lâu nay. Trước hết, ngay trên căn bản, loại nhạc gọi là « cải cách » hay « tân nhạc »

này không nâng cao được trình độ âm nhạc nước nhà, vì theo thiên ý, thực ra đó chỉ là sự pha trộn (không được khéo léo) nhạc Tây phương tầm thường, chỉ có công dụng giải trí, thường được dùng trong các phòng trà, các tiệm khiêu vũ.

Sáng tác loại nhạc này không đòi hỏi nhiều cố-gắng ; một số nhạc sĩ vì thế thích cái dễ dãi trong việc sáng tác mà không chịu khó tìm hiểu thêm phần sâu sắc tinh túy của âm-nhạc ; thành ra không những không có lợi cho người sáng tác mà đối với quần chúng cũng không gây được sự hiểu biết phong phú về nhạc. Nhiều sáng tác phẩm theo loại « Dân ca » của Phạm-Duy, Nguyễn-Hữu-Ba.... mà nguồn cảm hứng lấy ở các điệu chèo cổ, lối hát quan họ, hò Huế, hò Nam.... rất được quần chúng mến chuộng, chứng tỏ loại nhạc này rất thích hợp với tâm hồn người Việt. Đây mới thật là nhạc Việt-Nam thuần-túy, loại nhạc không « lai căng ». Theo ý tôi, một mặt các nhạc sĩ nước ta nên góp công sưu tầm, nghiên cứu loại nhạc cổ Việt-Nam, việc mà nhạc-sĩ Nguyễn-Hữu-Ba và một số nhạc-sĩ khác cố tâm

huyết đã làm lâu nay, một mặt phổ biến sâu rộng thêm hơn trong quần đại quần chúng loại nhạc bình dân này (musique populaire).

IV.— Trong hiện tại, âm nhạc Việt-Nam đang ở thời kỳ sơ khai ; từ ngành sáng tác đến ngành trình tấu, ta chưa có gì đặc sắc xuất chúng ; nhưng tôi tin rằng với sự góp công và thiện-chí của nhiều nhạc sĩ tài năng, và nhất là với trường quốc gia Âm-nhạc đang thời kỳ phát triển (mà tôi tưởng rằng đó là vườn ươm của tương lai nền nhạc Việt), chúng ta có thể tin tưởng nhiều hơn về mai hậu. Điều cần thiết là phải hoạt động, và hoạt động rất nhiều, tư nhân cũng như các hội đoàn.

Trên quan điểm một giáo sư Âm nhạc, tôi cho rằng khai thác tài năng sẵn có của nhạc sinh và đào tạo họ trở thành nhân tài trong nhạc giới, đó cũng là « một hình thức sáng tác » trong phạm vi nghề nghiệp. Những kỳ thi về đàn tại trường Quốc-gia Âm-nhạc không những đã gây nhiều hăng hái, tranh đua trong số nhạc sinh, mà còn là cơ-hội để chọn lựa tài năng hiếm có. Nhưng đó chỉ là giai đoạn đầu. Những nhạc sinh tốt nghiệp hằng năm cần phải được trau giồi thêm nghệ thuật.

Ai sẽ hướng dẫn, nâng đỡ, bảo trợ họ? Nếu không phải là Chính phủ (bộ Quốc-gia Giáo dục, bộ Đặc nhiệm Văn-hóa Xã-hội), hay các đoàn thể tư nhân. Để giúp các nhạc sinh này có cơ-hội tiếp tục học hỏi ở ngoại quốc, tôi có ý kiến là nên tổ chức hằng năm kỳ thi Âm-nhạc toàn quốc để tuyển lựa những nhạc-sĩ trẻ tuổi xuất chúng và cho họ xuất ngoại. Việc tổ chức không tốn kém, các đoàn thể tư nhân như Rotary Club, Jaycee, Lion's club... có thể đứng ra tổ chức hay giúp đỡ phần tài chánh, nếu các kỳ thi này do Chính phủ bảo trợ.

Việc làm thứ hai là đài Phát - thanh Sài-gòn có thể hằng tháng tổ chức kỳ thi tuyển nhạc sĩ trình tấu về các nhạc cụ như dương cầm, vĩ-cầm, đại hồ cầm... như lâu nay đài Phát-thanh đã làm để tuyển chọn ca - sĩ. Kỳ thi này không những khuyến khích tài năng vừa chớm nở mà còn có tác dụng sâu xa là gây được cái không khí hào hứng trong việc học hỏi Âm-nhạc mà kết quả sẽ không ngoài việc phụng sự nền Âm-nhạc Việt-Nam.

PHẠM-THỊ-LẠC-NHÂN



Phạm-Duy đang hát dân ca

★ **PHẠM-DUY**

Sinh tại Hà-Nội, Mùa Thu 1921.

Tác giả của gần 200 ca khúc rất phổ thông trong dân chúng suốt 20 năm nay.

Nhạc luận gia (musicographe) chuyên về Dân-Nhạc Việt-Nam. Điện ảnh gia.

● Chúng ta nên lo làm sao có thể phục hồi nhanh chóng địa vị của âm nhạc Việt đang bị lung lay vì nghệ-sĩ mất dây liên lạc với dân chúng.

● Các nhạc-sĩ nên tổ chức thành môn phái và đưa ra những cái gì khả dĩ có thể làm cho người nghe hưởng ứng. Hiện nay các nhạc sĩ (cổ nhạc, tân nhạc) đều sống lẻ loi cô quạnh quá! Sự chia rẽ trong giới nhạc đã làm cho nhạc Việt ốm yếu.

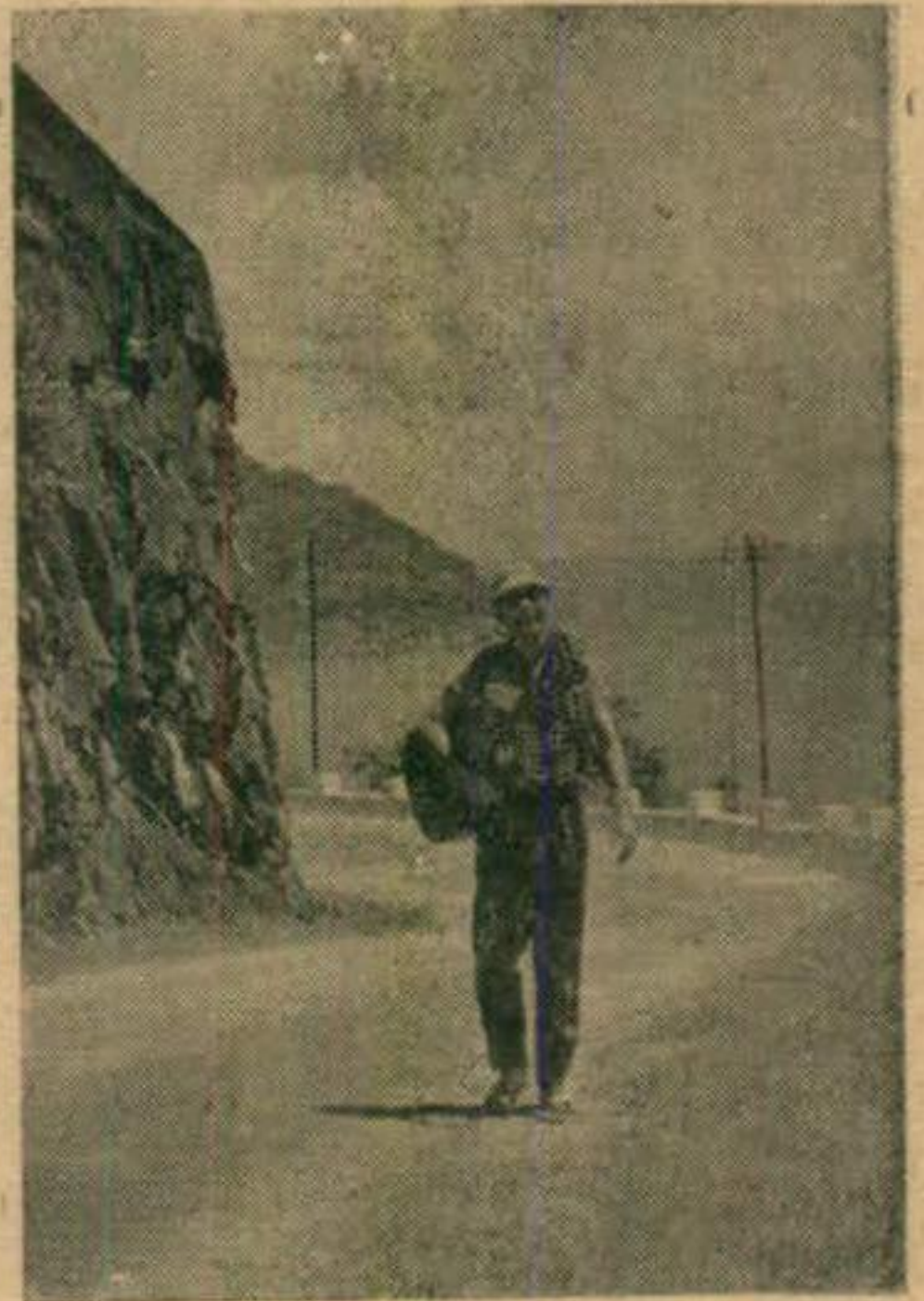
Câu hỏi 1.— Tôi chuyên về môn *sưu tập, san định, phát huy* Dân-Nhạc-Việt-Nam.

Sưu tập bằng cách thu thanh vào băng điện từ, đĩa hát hay ghi lại bằng ký âm pháp tất cả những *dân ca địa phương nguyên thể* (Bắc, Trung, Nam, Tây Việt)...

San định nghĩa là *sắp hạng, phân loại, chú thích, tìm xuất xứ* của từng điệu hát và *lập luận về nhạc ngữ Việt-Nam*...

Phát huy bằng *những phóng tác mới*, mang nhạc tính cổ hữu và *phản ảnh cuộc sống đương thời* (tôi muốn được gọi loại *ca nhạc bình dân hiện đại* này là *dân ca cải tiến* hay *dân ca phát triển* hơn là *tân nhạc* hoặc *cải cách*)...

Câu hỏi 2.— Tôi quyết định làm nhạc sĩ khi thấy rằng *ca nhạc có thể là hơi thở và tim đập của một thời*, miễn là người hành nghề biết *cải tiến kỹ thuật hành âm* cho phù hợp với *cảm quan của người đương thời* và nhất là *biết tận sống cuộc đời hiện đại*. Phải nói ngay rằng: tôi là một kẻ *gặp may và gặp thời*, được cơ hội nói lên cái *buồn, cái vui, cái vinh, cái nhục* của dân ta trong một giai đoạn gay go nhất của *lịch sử*.



Phạm-Duy trên đường cải quan

Hoạt động của tôi nhằm cả bốn việc: *trình diễn, sáng tác, khảo cứu, và hướng dẫn* Dân-Nhạc-Việt-Nam.

Câu hỏi 3.— *Phổ biến âm nhạc Tây-Phương* nghĩa là *phát huy nền nhạc cổ điển hay tân kỳ của ngoại quốc* trong toàn cõi

Việt-Nam, đó không phải là mục đích của đời tôi nhưng không phải vì vậy mà tôi phủ nhận ích lợi của việc nâng cao khiếu thẩm âm của dân mình. Tôi chúc những người chủ trương nó thành công, sau khi vượt nổi khó khăn trong việc đào tạo nhạc trưởng, nhạc công và trong việc đem nhạc đại tấu và nhạc thánh phòng vào thánh giá nông thôn.

Vấn đề được đặt ra lúc này quan trọng hơn việc *phục hưng* hay *cải cách* nhạc Việt: Chúng ta nên lo làm sao có thể *phục hồi nhanh chóng địa vị của âm nhạc Việt đang bị lung lay vì nghệ sĩ mất dấu liên lạc với dân chúng...* Danh từ *cải cách* cũng không còn hợp thời nữa, vì nó áp dụng vào một loại ca nhạc ra đời cách đây 30 năm, khác với *cổ nhạc* và *ca nhạc cải lương*!

Câu hỏi 4. — Khó khăn trong việc đào tạo nhạc trưởng và nhạc công như trên đã nói! Trường quốc-gia Âm-nhạc, cái lò sản xuất nhân tài, hiện nay cũng chỉ có tham vọng đào tạo những người hiểu biết âm nhạc ngoại quốc hơn người thường mà thôi!

Âm nhạc Tây-Phương, nếu là loại *nhạc cổ điển thuần túy* sẽ khó khăn đi vào đại chúng Việt-Nam, không phải vì chúng ta bài ngoại mà vì loại nhạc quá *sưng mãn* đó ít phù hợp với người mình, đa số còn sống trong vòng thiếu thốn... Nếu là loại *nhạc tân kỳ* với lối hòa âm lạ lẫm thì lại càng khó lọt tai thánh giá Việt-Nam lắm lắm!

Chỉ có một cách hiệu nghiệm nhất để thử thách việc phổ biến âm nhạc Tây-phương trong đại chúng Việt-Nam: đánh giặc cho mạnh để sớm có hòa bình và để



Phạm-Duy đang ghi-âm Nhạc Cham

cho nhân dân được bình tĩnh nâng cao khiếu thẩm âm!

Câu hỏi 5. — *Phục hưng* hay *cải cách* nhạc Việt, chỉ có một đường lối! Đường nào thì cũng phải đem cái mới thay cái cũ. Điều kiện đầu tiên là: các nhạc-sĩ nên tổ chức thành môn phái và đưa ra những cái gì khả dĩ có thể làm cho người nghe hưởng ứng. Tôi thấy trong nhạc sử Việt-Nam cận đại đã luôn luôn có những nhóm người làm cách - mạng trong âm - nhạc. Ví dụ: nhóm *Cả Soạn*, *Nguyễn Quang Tồn* của nhạc phòng miền Trung hồi đầu thế kỷ: nhóm *Thầy-Ký-Quờn*, *Nguyễn-Tri-Khương* của nhạc tài tử miền Nam hồi 1920-1929: nhóm *Bénito*, *Tư Chơi* của ca nhạc sân khấu (loại ca Tây): nhóm *Mộng-Vân*, *Nhạn-Trắng* của loại ca vắn sân khấu: nhóm *Lê-Thương*, *Thắm-Oánh*, *Dương-Thiện-Tức*, *Vân-Chung...* của nhạc cải cách... vân... vân... (1).

(1) Nếu tôi được công nhận, thì xin cho được là người chủ trương dân ca cải tiến hoặc dân ca phát triển.

Tôi nhận xét hiện nay các nhạc sĩ, dù trong làng *cổ nhạc* hay *tân nhạc*, sống lẻ loi cô quạnh quá ! Sự chia rẽ trong giới nhạc đã làm cho nhạc Việt ồm yếu.

Câu hỏi 6.— Tôi tin rằng sau một cơn đau yếu, nhạc Việt sẽ lớn mạnh. Thức ăn bồi dưỡng cho nhạc Việt là sự sống vô cùng phong phú ở thôn quê. Cổ nhạc, nhạc cải cách, nhạc cải tiến, dân ca phát triển, nhạc Việt thuần túy theo lẽ lối cổ điển Tây-phương... muốn tốt đẹp phải

bắt nguồn vào đời sống nhân dân. Nếu không, nó sẽ chỉ là một món hàng thương mại (như loại *nhạc ca lâu* hiện nay) hay là một thứ ma túy dành riêng cho những người sĩ nhạc.

PHẠM DUY

Kỳ tới : Nhạc - sĩ *Nguyễn Hữu Ba* và *Phạm - Thị - Vĩnh - Huệ* trả lời cuộc phỏng vấn.

- Christophe Colomb đáng phục không phải ở chỗ ông tìm được Tân thế giới mà ở chỗ ông dám ra đi để tìm nó.

Turgot

71^A Saigon
LE THANH-TON

Max

TAILOR

SINH-HOẠT

Sân khấu đây, gồm cả xưa lẫn nay, cả Nam lẫn Bắc: hát bội, hát chèo, hát cải lương, và người đảm nhiệm việc giới thiệu các loại sân khấu nước Việt ta với dân chúng của cái quốc gia nổi tiếng về tinh thần dân chủ và thái độ trung lập ở châu Âu này là bạn Trần-Văn-Khê. (1)

Từ 17 tháng 3 đến 10 tháng 4 này, bạn đã nói chuyện và trình diễn ở hai mươi một nơi (2), tại các làng mạc nhỏ như Tramelan, Court, tại các nơi thị tứ như Neuchâtel, Biennne, Lugano, Locarno, ở giảng đường các trường Trung-học, Đại-học, tại viện Bảo tàng Nhân chủng học, tại Trung tâm Âu - Châu nghiên cứu Nguyên tử lực, tại trường học quốc tế và kĩ thuật.

Và bạn Khê đã đóng vai một đoàn văn nghệ giang hồ hoặc một gánh hát lưu động, chiều nay ra mắt khán giả nơi này rồi sáng sớm hôm sau, cuốn gói, xách đàn đi hát nơi khác, mà gánh hát hay đoàn văn nghệ này, từ ông bầu, nhạc công, kếp văn kếp võ đến anh dọn lớp, kéo màn chỉ có một mình nhà nghệ sĩ họ Trần.

Nhưng mà kết quả ra sao ?

Chúng ta hãy xem bài tường thuật đăng ở « Journal de Neuchâtel » (3).

Sân khấu Việt ở Thụy-Sĩ

NGUYỄN-NGU-Í

Đây là đoạn mở đầu :

« Nhờ cái tài kì diệu của ông Trần-Văn-Khê trong các vai : diễn thuyết, đóng tuồng, nhái điệu bộ, ca hát và đánh đàn mà việc giới thiệu một nghệ thuật rất là xa cách với những ước lệ Tây phương đã có một hứng thú lạ thường. »

Và đây là đoạn kết :

« Nhưng điều mà một bài tường thuật đơn sơ không thể làm sống lại, đó là cái duyên vị và cái tài tình của diễn giả trong suốt cả buổi nói chuyện, đó là cái nghệ thuật cảm động của diễn giả khi giới thiệu và ca hát những giai điệu của nước ông, đó là sự dễ dãi dị thường mà ông đã đưa chúng ta vào cái thế giới nên thơ và lạ

(1) Mấy ngày chót, có Mộng-Trung phụ

(2) 16 nơi nói về sân khấu, 5 nơi nói về nhạc khí Việt, và 1 lần lên đài vô tuyến truyền hình.

(3) số 71, ngày thứ tư 27-3-1963.

lòng, cái thể giới mà cái gì cũng có giá trị một sự tượng trưng, cái thể giới mà các dây đàn mang tên các loài hoa...

« Vì thế mà buổi nói chuyện này do các hội « Thanh niên yêu Nhạc » tổ chức và đặt dưới sự bảo trợ của ủy ban quốc gia tại UNESCO đã được hoan nghênh với một nhiệt tình hiếm có. »

Hơn ba năm về trước, bạn Khê đã qua đây giới thiệu nền nhạc Việt cổ truyền với thuyết trình, với tiếng đàn, giọng hát, nên bạn chẳng còn là người xa lạ với công chúng Thụy-Sĩ. Lần đầu, bạn được mời nói chuyện bảy nơi, thì lần này lại được mời trình diễn đến hai mươi một nơi, và số người nghe cũng đông hơn chuyển trước.

Bạn Trần-Văn-Khê đã ra mắt thính giả với áo dài, khăn đóng và bắt đầu định nghĩa ba loại sân khấu, nói qua lịch sử và những đặc điểm.

Khán-thính giả rất chú ý đến loại tuồng cổ (tức hát bội). Trong bài tường thuật của báo « Journal de Neuchâtel » nói trên, phóng viên cho độc giả biết « đó là những tuồng dài có thể diễn đến ba ngày liên tiếp : truyện những bề tôi gian nịnh hay trung thành, truyện những quân vương bị truất phế, truyện những nàng phi được vua chúa quá nâng niu : trong loại tuồng này, điệu bộ, xiêm y của mỗi nhân vật đều tuân theo những ước lệ cực kì chặt chẽ ».

Một tờ báo khác (4) cũng « ở nước Việt cũng như ở Trung-Hoa, sân khấu (tuồng cổ) rất là ước định và tượng trưng. Khán giả kiêm thính giả biết nhân vật trung hay nịnh, trước khi nhân vật

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tập san văn nghệ Mới** số 1 tháng 4-63 do **Ly-Băng** chủ trương và gửi tặng. Tập san dày 85 trang gồm có các truyện và thơ của trên một chục nhà văn, nhà thơ trẻ.

— **Thanh-Hoa**, tạp chí thiếu niên, số 17 (15-4-63) do **Ô. Lê-Bá-Kông** làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tạp chí ra ngày 1 và 15 mỗi tháng, dày 58 trang giá, 5\$

— **Hoa nở về đêm** tiểu thuyết của **Ngọc Linh** do Sống Vui xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 400 trang, giá 65\$.

Trân trọng cảm tạ các tác giả, nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

này ra sân khấu. Giọng đồn, nhịp trống cho họ hết ngay. Còn chính nhân vật, mặt mà hồng hay đỏ, thì đó là một đấng trung thần, một người tốt. Mặt mà tái mét hay có rằn, thì đó là một kẻ gian, một tội nịnh. Mặc đồ màu vàng, thì tất cả mọi người biết liền là một vị thần, thiện hay ác tùy theo mặc màu gì và tùy theo âm sắc của tiếng nói».

(4) Tờ « Tribune Jurassienne », ngày thứ năm 21-3-1963.

[...] «Người ta biết được tướng cướp vì một phần thân trên của nó để trần.

«Điều bộ cũng ước định nữa. Có một cách đi riêng của lối hát bội. Lại có cả một cách khóc, cười, uống, đã thành thể thức và tượng trưng, và khác nhau tùy theo tâm lí của nhân vật...»

Cùng với phần nói chuyện, bạn Khê có cho rọi lên màn ảnh những hình màu để khán giả được thấy xiêm y, mặt mày, điệu bộ của các vai : vua chúa, hoàng hậu, quan võ, quan văn, đào võ, đào thương, gian thần, trung thần, quân sĩ, tướng cướp, tên hề, ma quỷ. Và khán giả một phần Tây-Âu này do đó mà biết qua dung nhan và tài ba những Phùng-Há, Bầy-Nhiều, Bích-Thuận, Duy-Lân, Kim-Cúc... cùng các nghệ sĩ tí hon của gánh hát bội nhi đồng do các con ông Bầu-Thắng điều khiển.

Và « như một diễn viên lão luyện, ông Trần-Văn-Khê làm cho ta thấy vài điệu bộ để bộc lộ những ý nghĩ thầm kín của các nhân vật, tỉ như cách ra sân khấu, cách cười, cách cầm quạt...» (báo *Journal de Neuchâtel*).

Bạn Khê lại vừa đàn (5) vừa hát một số bài bản tiêu biểu.

* *

Cuộc tuần du diễn thuyết có rọi ảnh, có đàn có hát của bạn Trần-Văn-Khê đã thành công mỹ mãn. Ở quê nhà, chúng ta càng sung sướng mà thấy rằng, với giọng đàn, tiếng hát, với hình ảnh, với

(5) Bạn Khê đã đàn đàn kim (nguyệt), đàn cò (nhị), đàn tranh (thập lục), đàn tì bà.

tâm hồn tha thiết để vào việc diễn trình, giới thiệu sân khấu nước nhà, bạn đã gọi cho công chúng Thụy Sĩ những gì sâu xa hơn là những điều mắt thấy tai nghe tại chỗ. Tỉ như đôi điều sau đây mà báo « Tribune jurassienne » đưa ra trong bài « ông Trần-Văn-Khê nói về Sân khấu Việt với chúng ta » :

« Cá tính của nhà nghệ-sĩ và thông thái Á-Âu này mới uyển luyện làm sao ! Chúng tôi không thể không cảm thấy khó chịu và gần như là nhục nhã khi nghĩ rằng đi lâu rồi — và cho đến cả ngày nay, đối với một số người Âu phách lối kiêu căng — dân các thuộc-địa cũ này bị xem như là đồ mọi rợ, hay là gần như thế ! »

« Ông Trần-Văn-Khê đã nói chuyện bằng một thứ tiếng Pháp rất nhã thuần, nhưng giọng nói có một âm sắc rất ư địa-phương, ông đã phê bình, hát ca, giảng giải và chỉ trong vòng có một giờ rưỡi ông đã đạt được kết quả : đưa hẳn chúng ta vào cái bầu không khí ấy. Tôi không có ý bảo rằng chúng ta đã hiểu nhiều những cái tế nhị của một nghệ thuật đầy tượng trưng rắc rối lạ thường đối với trí óc người Âu rèn luyện bằng luận lí của chúng ta. Nhưng không còn gì nghi ngờ nữa, sự quyến rũ mê hoặc đã ngự trị rồi. Với hiểu biết và tài ba, ông Trần-Văn-Khê đã đưa chúng ta thật xa những nhà máy và cái duy lí luận của chúng ta về những chân trời khác, những lẽ sống khác. Ông đã hé mở cho chúng ta thấy những nguồn vô cùng phong phú và khác nhau của cái đẹp. Vì tất cả những điều đó và vì cái nhã ý của ông trong việc này, chúng tôi xin nói ngay thực với ông cái tiếng nhỏ này,

chắc rằng ngôn ngữ du dương của quê hương xa xôi của ông có tiếng tương đồng : đa tạ ! Và chúng tôi mong sẽ còn gặp và nghe ông lại. Hẳn rằng còn nhiều điều đáng nói về nước Việt ! ».

*
* *

Chuyến đi Thụy-Sĩ thứ nhì của bạn Khê đã khiến công chúng xứ này càng ưa thích và càng tìm hiểu, chẳng những các môn nghệ thuật của nước ta, mà những gì có dính líu đến dân tộc Việt mà họ thấy rằng còn lắm điều « bí mật » họ chưa được biết và nóng lòng muốn biết.

Đặc biệt là lần đi này do hội Thanh niên yêu nhạc cùng với hội Nghiên cứu các vấn đề Á-Đông và các Bảo tàng viện mời, và chánh quyền Thụy-Sĩ đã để ý đến chuyến tuần du diễn thuyết thứ nhì này của bạn Khê, nên đã tận tình ủng hộ, đỡ đầu, và trong mấy cuộc tuần du của các nghệ-sĩ, nhạc-sĩ ngoại quốc tại Thụy-Sĩ năm nay, chỉ có cuộc tuần du thứ VIII này của bạn Khê là được đặt dưới sự bảo trợ tối cao của Ủy-ban Quốc-gia Thụy-Sĩ tại UNESCO.

NGUYỄN-NGU-Í

Đã phát hành :

- MARTIN HEIDEGGER và TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI của Bùi-Giáng — Tập I, 500 trang. Giá 250 đ.

Sắp phát hành :

- MARTIN HEIDEGGER và TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI của Bùi-Giáng (tác giả Lá-Cổn) Tập II. Giá 125 đ.

Đón đọc trong thượng tuần tháng 5

ĐƠN CA

Thơ Chính-Yên — Tác giả xuất bản tại Sài Gòn — Nguyên-Sa để tựa — Hồ-Thành-Đức trình bày và họa bìa — Giá bán 40 đ.

SÁCH THỜI MỚI

- THƯ NHÀ tùy bút của Võ-Phiên. Giá 38 đ.
- HẦM BỒN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ truyện của Xê-Phan-Vai do Tràng-Thiên dịch. Giá 22 đ.

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Chuyển đi xứ hậu ; Trẻ ; Ánh nắng ngày xuân (Hùng-Sơn) — Cuối đường ; Mắt buồn sợi chỉ .. (Thế-Ly) — Chiếc hồn đơn ; Bồng Sơn cảm mến... (Việt-Ly-Chinh) — Hình ảnh của mẹ ; Buổi học đầu tiên... (Luân-Hoán) — Cổ tháp Tiếng thời gian v. v... (Đỗ-Quyên) — Những gì không nói đã ra đi (Hoài-Luận) — Hòa bình... (Thi-Vũ) — Giao mùa... (Phạm-Đặng-Thiêm) — Bỏ ngõ (Thư-Linh) — Rừng chiều... (Thanh-Hoài) — Giữa ngàn bơ vơ (Nguyên-Chinh) — Sau chiến tranh (Ai-Huệ) — Đi (Minh-Lương) — Với tình yêu (Linh-Thủy-Giang) — Vì định mệnh (Hoài-Lan) — Tương biệt dạ (Nhất-Y-Sa) — Nhân danh một cuộc đời (Du-Tử-Lê) — Khúc kinh người ở lại (Uyên-Hà) — Vững động thời gian (Nguyễn-Ngọc-Thuận) — Tình người sang thu (N. N. Sa-Mạc) — 7 khúc tình ca .. (Hoàng-Quốc-Huy) — Cuộc đời 25 (Hoàng-Lạc-Chương) — Lời ca

sông núi ; Tiếng hát quê hương ; Em cứn rồi ; Buồn thân... (Tbiên-Hà) — Đường xa ; Trời thanh minh (H. T. Bích-Ni) — Gối tay (Hoàng-Quy) — Khi ánh đèn vụt tắt ; Niềm khát vọng của loài rêu (Đỳnh-Hoàng-Sa).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trữ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **C. N. T. L. Phụng, Điện Bàn.** — Đã gửi số báo cần và thư về địa chỉ ở Tam-Ki từ lâu.

— **Ô. L. T. Minh, Sài-Gòn.** — Sách ông hỏi, tôi đã gửi nơi tòa soạn.

N. N. Í.

— **Ông Ái-Khanh.** — Đã nhận được thư và thơ. Mong ông thông cảm, người lựa bài đăng, sẽ tin để ông biết.

HÃY TÌM ĐỌC

CÙNG ĐÀN H

tập truyện ngắn của

DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

tạp chí **VĂN-NGHỆ** xuất bản



phát hành đầu tháng 5-1963